

160
Indoch
604



KHÁI HUNG
tự lực văn đoàn

ĐỢI CHỜ



ĐỜI NAY

607

ĐỢI CHỜ KHÁI HƯNG

@TIEULUN 2024

MỤC LỤC

ĐỢI CHỜ
THỜI XƯA
BẾN HONGAY
BIẾN ĐỔI
CHÙA HƯƠNG
BẾN ĐÒ NĂM XƯA
CHÁU NHÀ QUAN
SÍN SÁNG
NGÀY GIỖ
ĐIỀU THUỐC LÁ
TIẾNG KHÈN
TỔNG TIỀN
ĐÀO MƠ
ĐỒNG XU
TẬP ẢNH
DƯỚI ÁNH TRẮNG

ĐỢI CHỜ

Cây im, sông lặng đợi xuân về.

(Thế-Lữ)

Linh cho ngựa phi nước kiệu lớn, qua rừng đồi cỏ tranh, hấp tấp, vội vàng như người đi đâu có việc gì cần kíp.

Tới chỗ sông Thương lượn khúc chảy ven đường Bồ-hạ, quanh một quả đồi rộng trồng cam, Linh kìm cương, nhẹ nhàng nhảy xuống đất, buộc ngựa vào một cây trầu trụi gần hết lá. Đã một tuần nay, từ khi cam bắt đầu râm đỏ, sáng sáng, dùng xong bữa điểm tâm sơ sài, Linh lên ngựa đi thăm lấy lệ mấy nơi vừa phá hoang trồng chè, rồi phi thẳng tới đây ngồi đợi.

Chàng đợi người năm ấy. Sự mong mỏi làm rạo rực lòng chàng và như man mác cả linh hồn vạn vật.

Vì có lúc ngắm cảnh quanh mình, chàng thấy những khóm cây yên lặng nghiêng mình trên bờ cao, soi bóng xuống mặt nước xanh rêu không động những bụi lá sắc và nhọn với hàng bông trắng đứng im tăm tắp và loáng thoáng lẫn trong không. Cả những làn mây nhạt đương lững thững trôi trên ngọn đồi xa cũng ngập ngừng dừng lại. Hình như cùng chàng mong ngóng người xưa, cỏ cây, mây, nước cũng trầm ngâm mong ngóng xuân về.

Tiếng chim sơn ca hót trong cỏ rậm. Linh giật mình quay nhìn theo con đường đỏ, và cảm thấy tất cả nỗi thất vọng của một tấm lòng vợ vẫn đợi chờ.

Nhưng qua giậu nửa đàn mắt cáo, màu vỏ cam mới râm hồng vẫn nhắc nhóm gọi nhớ nhung.

Cách đây hai năm, và cũng trong tháng chạp. Một hôm cưỡi ngựa đến bên sông thăm vườn cam sắp trảy, Linh gặp một chiếc ô-tô đỗ cạnh đồi. Tưởng đó là xe khách đến chơi và tài xế không biết lối vào trong ấp, Linh cho ngựa lại gần, nghiêng mình ròm qua cửa xe. Trong xe, một bà ngót năm mươi tuổi và một thiếu nữ đầy đặn nở nang, nước da hồng hào râm nắng, mà thoát trông chàng ví ngay với màu da cam bắt đầu râm chín dưới luồng gió heo may, Chàng ngồi thẳng người lên, lễ phép nói : Xin cụt tha lỗi cho, tôi tưởng bạn đến chơi. Nhưng thiếu nữ rất lịch thiệp đã thò đầu ra ngoài mỉm cười đáp lại :

- Thưa ông, mẹ tôi không dám. Và làm thì ai chả có khi lầm.

Câu trả lời, Linh cho là vô vị. Song nụ cười tình tứ điểm theo, chàng ngắm thấy ngọt như mật ong, thơm như hoa cam sành mới nở, và có mãnh lực làm cho chàng lúng túng mất vài giây. Sự lúng túng ấy chàng

che đây bằng một câu hỏi, giọng run run :

- Thưa cô, xe liệt máy ?

Nụ cười càng tình tứ hơn, tuy đôi lông mày bán nguyệt tô thêm chì hơi dúi lại một cách rất nũng nịu dễ yêu.

- Thưa ông, xe không chết máy, nhưng hết dầu xăng.

- Vậy ý hẩn bác tài đi mua dầu xăng ?

- Không, anh ấy đến hàng nước kia hỏi, xem có thể mua lại ở đâu được vài lít xăng không, để đủ chạy từ đây đi Kép. Vậy thưa ông, ông có biết thì xin ông làm ơn báo giùm cho.

Linh mỉm cười :

- Ô ! tưởng hỏng máy, chứ nếu chỉ hết dầu xăng, thì tôi xin biếu cô, thì tôi xin biếu cụ và cô.

Bà cụ sung sướng vội hỏi :

- Thưa ông, nhà ông ở gần đây ?

- Thưa cụ, cũng không xa. Đây là đồn điền của tôi.

Thiếu nữ vẻ mặt ngạc nhiên :

- Đồn điền của ông ? Chắc là rộng lắm !

- Thưa cô, cũng không rộng lắm, độ hai nghìn mẫu thôi.

Thiếu nữ mở cửa xe bước xuống, gọi :

- Anh tài !

Túc thì một người vận âu phục màu vàng từ trong hàng nước cạnh bến phà đi lại. Linh xuống ngựa. nói :

- Bác cưới ngựa theo con đường này vào ấp bảo người nhà tôi đưa cho một bi-đông ét-xăng, rồi cầm ngay ra đây...

- Thưa ông, cháu không cưới ngựa bao giờ.

- Chà, khó gì !

Linh ngẫm nghĩ một giây rồi chép miệng nói tiếp :

- Thôi được, để tôi đi lấy cho.

Thiếu nữ vội gạt :

- Chết thế thì phiền ông quá !

- Nhưng Linh đã nhảy lên lưng ngựa, dụt cương ra vế, và, nháy mắt, chàng đã biến vào trong cỏ tranh cao, rậm.

Lúc trở lại, Linh chỉ thấy người tài xế nằm ngủ trên nệm xe. Chàng dừng lại ngồi thở. Tuy trời rét, cái áo lót của chàng ướt đầm mồ hôi, vì chẳng đã cho ngựa phi mau quá.

Bỗng có tiếng cười nói trong vườn cam, Linh vội vàng cởi bỏ vào trong xe bị đông dầu xăng buộc sau yên, rồi cho ngựa thông thả lên đồi. Tiếng thiếu nữ nói qua hàng giậu :

- Chúng tôi đang đợi ông ra để xin ông một quả cam.

Linh hấp tấp rẽ cương qua cửa vườn.

- Thưa cụ, cam ở đây còn chua lắm, chưa ăn được. Ở trong ấp có một ít đã thực chín rồi và ngọt lắm, xin mời cụ và cô quá bộ vào chơi.

Bà cụ từ tạ :

- Xin cảm ơn ông, chúng tôi xin về... Ông đã cho chúng tôi vay dầu xăng ?

Linh buồn rầu đưa mắt nhìn thiếu nữ :

- Thưa cụ, có dầu xăng rồi,

- Ô ! thế thì may quá. Cảm ơn ông quá. Không có ông giúp thì mẹ con tôi chẳng biết làm thế nào mà về được

đến nhà.

- Thừa cụ, ấp cách đây có hơn hai cây số, xin mời cụ quá bộ vào chơi. Thừa cụ, tôi ở nơi hẻo lánh này chẳng mấy khi được hân hạnh đón tiếp khách quý.

Thiếu nữ nể lời ăn cần mời mọc của chủ ấp, áy này nhìn mẹ :

- Thừa mẹ, hay là mẹ vào chơi một lát cho ông chủ bằng lòng. Vào ăn quả cam Bó-hạ rồi lại đi ngay.

Quay về phía Linh, nàng mỉm cười, láu lỉnh nói tiếp :

- Rồi ông để chúng tôi đi ngay nhé ?

Linh, trên mặt lộ đầy vẻ biết ơn :

- Xin vâng.

- Vậy vào nhé, mẹ nhé ?

Bà mẹ mắng yêu con :

- Ừ thì vào. Gớm chết ! cô Phụng, đi đâu cô cũng la cà hết ngày hết buổi.

Linh sung sướng chạy vội ra cửa vườn gọi tài xế.

Một giờ sau, Linh đưa Phụng đi xem khắp vườn cam, quýt, trong khi bà mẹ ngồi nghỉ bên lò sưởi vì đứng ở ngoài lâu, chân tay bà rét buốt.

Nhờ có một nền giáo dục thiệp liệp nhận được ở trường học và ở một gia đình theo mới, Phụng đối với ông chủ ấp không chút ngượng ngùng, e lệ. Nàng cười nói dễ dàng, hỏi nhiều câu mà Linh phải lấy làm kinh ngạc, tưởng các cô thiếu nữ không bao giờ dám nghĩ tới.

Đến một góc quít cồi, nàng ngắt một quả rồi vờ quay đi ăn vụng. Nhưng nàng quay lại ngay, phá lên cười và kêu :

- Bắt lấy con ăn cắp quýt cho tôi !

Linh cũng cười, nói một câu mà vừa buội miệng thốt ra, chàng cho là rất sáo :

- Nó được hân hạnh cô chiêu cố là may cho nó.

- Vậy tôi lại muốn chiêu cố đến nó nữa. Vừa nói, Phụng vừa với một quả ở cành cao, nhưng không tới.

- Cô để tôi lấy giúp.

Linh phải nhảy lên mới rút được cả cành quít chừa chít gần chục quả.

- Ô, phí quá, ông nhỉ ?

Linh toan ngắt ra từng quả, nhưng Phụng vội gạt :

- Ấy, ông cho xin cả để tôi mang về giữ làm kỷ niệm.

Hai tiếng kỷ niệm ở miệng mỹ nhân nói ra, Linh nhận thấy âu yếm, thấm thía tâm hồn. Chàng toan đáp lại một câu tình tứ, nhưng không tìm ra được, đành chỉ lặng lẽ mỉm cười nhìn thiếu nữ. Giữa phút thần tiên ấy, có tiếng gọi :

- Phụng, xin phép ông về thôi !

Lần đầu tiên trong đời, Linh cảm thấy tất cả cái ý nghĩa buồn rầu, sâu thẳm của chữ « về».

- Phụng, đi về !

- Vâng, con đây.

Nàng bỏ cả nửa quả quít vào mồm nhai ngón ngấu. Còn một nửa có lẽ vì dăng trí, nàng đưa cho Linh :

- Trời ơi ! quít ngọt quá ! Ông ném thử mà xem.

Rồi nàng chạy vội lại chỗ mẹ.

Linh thở dài, lững thững theo sau...

Lúc xe mở máy, Linh mới chợt nhớ ra rằng chưa hỏi địa chỉ của Phụng.

Trong một giờ được một mình ở bên người đẹp, Linh chỉ mê man nghĩ đến hiện tại mà chàng biết rằng ngắn ngủi. Và chàng như cảm thấy từng phút, từng giây đương lạnh lùng rơi vào quăng không.

Kẻ ở, người đi, rồi hiện tại sẽ thành dĩ vãng, sẽ thành một kỷ niệm như cảnh quít mà Phụng đã đem về nhà để giữ làm kỷ niệm.

Nhưng cái kỷ niệm giây phút ấy đối với Linh đã thành vĩnh viễn, thiêng liêng.

Năm, năm, cứ đến tháng chạp khi cam ngoài vườn bắt đầu rậm đỏ dưới luồng gió heo may, Linh lại cảm thấy thân thể và tâm hồn rung chuyển. Rồi trong vườn hiện ra hình ảnh một thiếu nữ tươi tốt, hồng hào thướt tha bên gốc cam, gốc quít.

Linh chờ đợi, mong ngóng.

Chàng chờ đợi, mong ngóng cho tới hết mùa cam. Vì Phụng có hứa với chàng rằng mỗi năm cứ đến trù cam nàng sẽ lại cùng mẹ một lần lên thăm ấp của Linh. Lời hứa ấy có lẽ Phụng đã thốt ra theo cách xã giao trong

câu chuyện thù ứng. Nhưng Linh tin là lời hứa thành thực. Chàng cũng không hiểu sao chàng lại tin như thế, nhưng chàng không thể không tin được.

Đã hai năm chàng chờ đợi...

Và trên bờ sông cao, khóm cây vắn yên lặng nghiêng mình soi bóng xuống mặt nước xanh rêu không động, những bụi lau lá sắc và nhọn vắn dựng thẳng hàng bông trắng loáng thoáng lẫn trong không. Và trên ngọn đồi xa, làn mây bạc vắn ngập ngừng dừng lại...

Cùng chàng mong ngóng người năm ấy, vạn vật trầm ngâm mong ngóng xuân về.

THỜI XƯA

Tôi nhớ lại cả một thời xưa, mỗi khi tôi gặp cái cáng trên con đường hẻo lánh xứ quê, dù là một cái cáng có mũi và bộ đòn chạm trở sơn then, hay chỉ là một cái vồng sơ sài với chiếc chiếu hoa vắt trùm cái đòn bương để che nắng gió.

Thời ấy tôi mới sáu, bảy tuổi. Năm, năm cứ vào quăng ngoài rằm tháng chạp, cha tôi lại cho cáng đưa anh tôi và tôi về quê ăn tết. Gần ba mươi năm nay tôi không đi cáng nữa, nhưng tôi vẫn không quên cái cảm giác nằm trong chăn trên chiếc vồng có giải đệm bông bọc nhiều.

Trời mưa phùn, và đường đất sét trơn như mỡ. Hai người phu cáng phải bám từng bước và đi rất chậm. Họ nói với nhau những câu chuyện ngộ nghĩnh hay ngây thơ, mà nay tôi không còn nhớ, làm cho hai anh em tôi chú hết tinh thần để nghe, và thỉnh thoảng lại phá lên cười, vui thú.

Đi được một « thoi », bọn phu cáng lại nghỉ để cùng chúng tôi uống bát nước chè nóng ở một hàng nước bên đường. Ngày nay chúng ta dùng qua đủ các thứ giải khát ngọt, thơm, nồng, chát nên không còn thể tưởng tượng được cái hương vị lạ lùng, cái hương vị thần tiên của bát nước chè tươi nóng thuở xưa : Người ta uống kêu xì xụp, rồi người ta thở ra khoan khoái, cảm thấy

tâm trí nhẹ nhàng, và chân tay đỡ mỏi mệt.

Biết bao kỷ niệm êm đềm trên con đường đất ngồng nghèo, nhưng cũng có một kỷ niệm đau đớn, và tức cười.

Lần ấy cáng của chúng đi vừa khó khăn sang qua cái cầu tre bắc chênh vênh trên một lạch nước nhỏ, thì rầm rộ từ phía trên kéo xuống một đoàn lính tây cười những con ngựa to lớn, vừa đi vừa he hé kêu như để dọa nạt bọn nhà quê làm việc đồng áng ở sát hai bên đường.

Tức thì hai người phu cùng vút vội cáng xuống đất, để chạy xuống ruộng lúa ẩn núp. Chúng tôi không còn hồn vía nữa, ôm chặt lấy nhau mà khóc òa lên, khi nghe tiếng roi da vun vút quất lên mui cáng, cùng những câu tiếng Pháp ồm ồm những giọng «cười tây» hồ hồ, hà hà âm ỹ.

Đó là lần thứ nhì tôi gặp « tây ». Người tây tôi gặp lần thứ nhất trong đời tôi hiền lành hơn nhiều. Người ấy có bộ râu cắt nhọn làm cho cái mặt dài ra, và cặp mắt thủy tinh màu xanh lơ lơ mà tôi không tin rằng có thể trông rõ mọi vật như mắt người mình được. Người tây đến chơi với cha tôi và xin cha tôi cho phép chụp ảnh chúng tôi.

Bây giờ nghĩ đến bức ảnh ấy, tôi lại tưởng tượng ra một tập “Album » trong phòng khách một người Pháp

ở Paris. Ngày tiếp khách, những bà sang trọng, thơm tho, sắc đẹp rực rỡ, sẽ mở xem tập ảnh của chủ nhân. Đến bức chụp anh em chúng tôi với cả một bọn phường chèo đóng mũ măng, áo xiêm, và vác gươm đao đứng chầu hai bên, các bà sẽ cười thét lên và sẽ hỏi :

- Dân mọi nào mà ngộ nghĩnh thế này ?

Rồi mỗi ngày tôi gặp người Pháp một nhiều, cho tới sáu, bảy năm sau tôi vào trường Trung học và cùng họ ngồi thích cánh nhau trên ghế dài.

Nhưng thời còn nhỏ, tôi không sợ ai, tôi không sợ gì bằng sợ « tây ». Vì thế một hôm tôi lấy làm thâm phục cha tôi đã can đảm, trên tức một người Pháp.

Năm ấy tôi đã mười tuổi. Và bấy giờ cái cáng đã hầu trở nên vô dụng. Thay vào nó chúng tôi đã dùng xe tay bánh sắt và cả xe hỏa nữa.

Cái xe hỏa của chúng tôi hiền lành biết bao ! Và đối với chúng tôi nó thân mật biết bao ! Ai không từng trông thấy nó thì không thể tưởng tượng được sự cách biệt của nó với đoàn xe tốc hành chạy Saigon-Hanoi chẳng hạn. Hình thù nó, tôi không nhớ rõ ràng. Nhưng mười năm gần đây tôi còn được nhìn thấy con đường sắt của nó, rải rác từng quãng từ Cẩm-giăng đến Ninh-giang.

Trông chẳng khác một thứ đồ chơi trẻ con, cả những cái cầu nhỏ xíu bắc qua những lạch nước cũng vậy.

Mỗi năm một lần, chiếc xe hỏa ấy đưa chúng tôi về quê ăn tết, rồi sang giêng lại đưa trả chúng tôi lên Cam-giăng để chúng tôi thay xe « tốc hành » mà đi Hà nội.

Ồ, cái xe hỏa xinh xắn nét na, đi đủng đa đủng đỉnh như cô gái quê đi chợ. Và cũng như cô gái quê, nó rất tử tế và dễ dàng. Đương lắc la lắc lư cái đầu chạy miết trên đường sắt - chạy miết thì cũng độ một giờ hai mươi cây số là cùng - nếu nó gặp vài anh khăn mỏ diu, vài chị khăn mỏ quạ đứng vậy, tức thì nó đứng dừng lại. Có khi bọn kia hỏi giá thấy cao quá không đi, nó cũng không gắt không cáu, lại nhả nha chăm chỉ cố gắng bước cho đến nơi đến chốn mà nghỉ ngơi.

Chính trên một chuyến xe ấy đã xảy ra câu chuyện lôi thôi mà tôi còn nhớ rành rọt như mới xảy ra hôm qua.

Để đọc giả dễ hiểu, tôi phải nói ngay rằng trên xe, ngoài hạng tư ra, còn có một hạng... gọi là hạng ba hay hạng nhì hay hạng nhất cũng được. Đó chỉ là một mẩu toa rộng độ mười thước vuông - đầu kia toa dùng để chứa những bao thư và bao hàng của sở Bưu chính. Trong toa để mấy cái ghế mây đan mà ít khi có người ngồi, ngoài những viên kiểm sát hay thỉnh thoảng một

vài nhà du lịch Pháp.

Lần ấy cha tôi và tôi cũng lấy vé hạng tư như mọi bận. Nhưng vì gần tết, hành khách đông quá chúng tôi lên « hạng ba» để tránh sự chen chúc. Đó là một việc rất thường vì cha tôi có quen người Ấn độ soát vé. Nhiều khi người này lại tự nhiên mời cha tôi đến ngồi nói chuyện và giải khát với mình nữa. Vậy thì, thấy xe đông chúng tôi lên hạng trên tưởng cũng không phải là việc liều lĩnh.

Nhưng người Pháp - hình như một ông «phó chủ» đi thanh tra - lại cho là một việc liều lĩnh, và lớn tiếng đuổi chúng tôi xuống hạng dưới.

Cha tôi uất ức, tái mặt đi, nhất là không thể lùi được, phân ngượng với người Ấn-độ soát vé, phân hạng tư đông quá không còn chỗ đặt chân chứ đừng nói chỗ ngồi nữa. Cha tôi cố nén lòng căm tức hỏi người Pháp :

- Hạng ba của ông có tất cả mấy chỗ ngồi ?

Người Ấn độ làm thông ngôn, không biết nói những gì với chủ nhưng nói lâu lắm, chùng để giới thiệu cha tôi là mỗi hành khách quen, và một người bạn tốt. Người Pháp không cảm động chút nào và vẫn giữ vẻ mặt kiêu căng đối với một dân bản xứ.

- Sáu chỗ, ông ạ.

Đó là lời dịch của ông Ấn độ. Cha tôi lại hỏi

- Thế tôi lấy cả sáu chỗ ngồi có được không

- Được lắm chứ !

- Vậy ông bán cho tôi sáu cái vé hạng ba.

Trả tiền xong, cha tôi bảo tôi ngồi xuống một cái ghế mây vì thấy tôi vẫn nhút nhát sợ hãi đứng nép vào góc toa. Rồi cha tôi ôn tồn nói với người Ấn-độ :

- Bây giờ thì mời hai ông đi đi, vì tôi đã thuê trọn toa này.

Cả người chủ lẫn người soát vé cùng cười, cười vui thích nữa, rồi ngả đầu kính cẩn chào cha tôi rồi sang phòng bưu chính.

Tôi cũng sung sướng cười thầm.

Từ đó tôi bớt sợ người Pháp, vì tôi nhận thấy rằng khi nào mình xử trí đồng dục và hợp lý thì mình chẳng sợ ai hết. Kể cha tôi chỉ lấy hai vé thôi, cũng vẫn hợp lý mà lại đỡ tốn mấy đồng bạc. Nhưng lúc người ta tức giận thì người ta kịp nghĩ đâu đến cái lý nhỏ mọn ấy !

BẾN HONGAY

Bến Hongay chìm dần trong đêm tối.

Phía trước mặt, những cù lao đủ các hình quái dị cắt lên nền trời đông sắc xám. Những con vật khổng lồ ấy, những con gấu, sư tử, phượng hoàng, cá xấu ấy như vừa từ dưới nước nhô lên và nhe nanh, quắp mỏ, hùng hồn bơi sấn vào bến mà nuốt chúng đàn thuyền gỗ nhỏ nối nhau nằm chúc đầu vào bờ, xòe ra như cái đuôi công xòe múa.

Trên phố, trong dãy nhà tranh lụp sụp, lấp ló những ánh lửa mờ. Riêng một hàng com nổi bật lên, sáng trưng, ngọn đèn đất bập bùng trên cái ống đồng cao, thẳng. Cạnh cái bàn phản, và sau cái lao màn treo lủng lẳng những miếng thịt bò, thịt trâu, những bộ lòng lợn, lòng chó, một người đứng băm xương ròn rã.

Bỗng một người đàn bà không biết ăn ở chỗ nào lớn tiếng gáo thét rồi kể lể trách móc và luôn luôn phân vua với mọi người : « Đây các ông các bà coi, thế thì có tệ không ? »

Bên địch cố nhin nhưng lâu lâu lại phát câu chửi lên mấy câu tục tằn, văng ra đủ các thứ bẩn thỉu, hay ngộ nghĩnh khiến từng dịp cười đáp lại liền. Người đàn bà im rồi lại nói, rồi lại im, chừng để tìm những lời mỉa

mai, độc địa, những câu phương ngôn, tục ngữ chua cay.

Về sau, người đàn ông phần uất vùng vằng ra đường. Tôi đương ngồi chờ tàu ở trong một chiếc thuyền thuê buổi sáng để đi thăm vịnh Hạ Long. Anh lái thuyền trẻ tuổi có tính đùa nghịch cười bảo tôi :

- Thưa ông anh chồng đấy.

Anh chồng chạy sầm sầm xuống một chiếc thuyền con, chở vợ ra xa. Tôi lo lắng, tưởng anh ta đi tự tử. Bỗng anh ta cất tiếng gọi :

- Vịt vịt, vịt vịt !

Thì ra anh chồng đi tìm vịt và vợ chồng anh ta cãi nhau vì con vịt. Lúc bấy giờ, người vợ cũng đã tiến ra gần bờ, như để ném câu mắng nhiec xuống biển, đuổi theo chồng :

- Ai lại mình bận cho con đi ngủ, bảo xua mấy con vịt về, thế mà lười chày thây chày xác ra, để lạc mất hai con... Thôi, nó ăn thịt rồi còn đâu mà tìm... Rõ làm cỗ sẵn cho người ta ăn, khổ sở quá, chồng với con !. ..

Tiếng người chồng trả lời :

- Vịt ! vịt vịt, vịt ! Vịt vịt vịt.

Người vợ gào theo !

- Còn tìm à ! Tìm mớ lông !

Theo liền, tiếng sào đập mặt nước và tiếng quàng quạc của hai con vịt. Tôi bật cười, mừng cho anh chồng thoát cái nạn vợ mắng. Quả thực khi biết tìm được vịt rồi, người đàn bà im hẳn. Nhưng một lát sau, thấy chồng loanh quanh mãi vẫn không sao lừa xoi hai con vịt vào bờ, chị vợ lại lên tiếng :

- Giời ơi ! có hai con vịt ranh mà đuổi mãi không được.

Người chồng cáu bẳn :

- Mà y giỏi xuống đây mà săn này !. ..

- Chả phải thách !

- Thấy người ta nhịn lại cứ lên nước mãi !

Ở các thuyền tiếng cười cùng phá lên.

Cứ thế, trong khoảng một giờ đồng hồ, tiếng gọi vịt khi ở phía trên, khi ở phía dưới, khi ra ngoài xa, khi vào gần bờ. Bọn người ngồi trong thuyền vui thích coi như được xem một trò khôi hài trên sân khấu, mãi miết đến nỗi không ai để ý đến đám đánh nhau ở trong một hàng còm.

- Bác Bê ơi, vệt cho nó chết quách rồi làm thịt ăn, tội gì mà săn mãi.

- Phải đấy, anh Bê ạ.

- Rồi cho tôi đánh chén với nhé !

Tức thì người vợ the thé :

- Vệt chết thì sống mà ở với tôi.

Người chồng cũng chẳng vừa.

- Tao đánh chết thì phỏng mày làm gì tao, hử con Đông ?

Người ngoài xúi vào

- Phải, thì làm gì bác !

- Đến ăn thịt là cùng, thôi chứ gì !

Lần này tôi trông rõ hai con vệt bơi gần thuyền tôi, hai con vệt mà từ nãy tôi cố tìm nhưng không nhìn thấy đâu tuy vẫn nghe tiếng kêu quạc quạc. Tôi hết lòng mong mỗi cho nó lên bờ, vì tấn hải kịch kéo đã khá dài... Bỗng từ ngoài biển sầm sầm đi tới một cái thuyền bông đèn thấp sáng trưng. Tức thì hai con vệt lại vừa kêu vừa vỗ cánh bơi ra xa.

Tôi không cười được nữa, vì tôi thương hại người chồng quả. Nhưng trên chiếc thuyền mới tới, người ta lại không nghĩ như tôi. Nghe tiếng cười trong trẻo, tôi nhìn sang. Ngồi ở đằng mũi, hai thiếu nữ mặc quần nhưng rất gọn gàng, dễ coi và lịch sự nữa, đang hơ tay sưởi trên lửa đóm. Ánh hồng chiếu hai gương mặt khá xinh. Tôi hỏi khẽ anh lái :

- Thuyền ai đấy ?

Anh ta thì thầm đáp :

- Thuyền cụ chánh đi tuần.

- Đi tuần mà mang cả gia đình đi theo ?

- Vâng. Kia là hai cô con gái cụ chánh. Đi đông thế cho vui. Cái thuyền của cụ chứa nổi ba mươi người rộng rãi.

Lúc bảy giờ, chừng thấy tôi đứng tò mò ngắm nghía, hai người thiếu nữ dập tắt lửa, lui vào trong khoang. Tôi khen :

- Đẹp đấy chứ, anh nhỉ, hoa khôi Hồng-gai đấy phải không ?

- Thưa ông bảo gì ?

- Tôi bảo hai cô ấy chừng đẹp nhất Hồng-gai.

- Thừa ông thăm vào đâu. Ông chưa nhìn thấy chị Bê đây. Cái chị mắng nhiếc chồng ấy mà. Chị ấy mới đẹp nhất Hòn gai.

Một tiếng còi tàu ở đằng xa. Trên bến dưới thuyền, hành khách nhao nhao, kẻ gồng gánh, người xách đội. Những ngọn đèn bão nhấp nhô ven bờ. Tiếng gọi nhau xuống thuyền.

Năm phút sau, chiếc tàu từ trong đèn tối hiện ra, lờ lờ đi tới, ngọn đèn báo hiệu trên nóc lấp lánh như ngôi sao. Thuyền xô đẩy nhau, tranh dành ra đón khách, vì tàu đỗ tận ngoài xa.

Lách giữa hai bị gạo, len qua một đám người, tôi lên được tầng trên tàu. Trong phòng, cái phòng độc nhất, bốn hàng ghế đều chật ních hành khách. Tôi xách va li ra mũi tàu, ngồi trước buồng lái. Thấy người mại bản bấm đèn điện chiếu xuống bến, tôi lại gần. Vẫn còn nghe thấy tiếng gọi vịt, tôi bảo người ấy thử chiếu đèn xem hai con vịt bơi ở chỗ nào. Nhưng tàu đã huýt còi quay mũi.

Một lúc sau chỉ còn tiếng máy đều đều và tiếng kéo kệt của cái khung mái tàu đã cũ.

Gió lạnh thổi dữ quá. Tôi kéo cổ áo tơi dạ cho kín tai, xụp mũ xuống gần mắt vẫn không thấy đỡ rét, liền đứng dậy xách va li vào phía trong, ngồi trên ghế dài, tựa lưng vào bức bàn phòng tàu. Một người đứng tuổi trong ba người đàn bà ngồi cạnh, hỏi tôi :

- Thưa ông, ngoài ấy rét lắm ?

- Phải, rét lắm.

- Chị em chúng tôi cũng lên ở bến Hòn-gai như ông.

Tôi vui vẻ đáp :

- Thế à ?

- Có phải sáng nay ông thuê thuyền của chú Bốn đi chơi Hạ-long không ?

- Chính thế. Nếu các bà ở Hòn-gai lên thì hẳn biết chuyện đuổi vịt nhỉ.

Cả ba đều cười. Một người nói :

- Vợ chồng anh Bê thì ngày nào cũng phải cãi nhau một trận ! Anh ấy thương chị ấy lắm. Họ người làng tôi đây. Chính nhà tôi rủ họ lên đây... Cũng là một sự bất đắc dĩ...

Tôi đoán câu chuyện hẳn có nhiều ủy khúc ở trong, nhất ban nãy tôi lại được nghe anh lái Bốn cho biết rằng

chị Bê là một người có nhan sắc. Tôi liền gọi :

- Sao lại là một sự bất đắc dĩ.
- Vì không ra đây cũng không xong.

Tôi sung sướng sắp được nghe một câu chuyện trên tàu. Những chuyện người ta kể trên tàu bao giờ cũng lý thú. Tôi toan hỏi thì người đàn bà như không để ý đến tôi nữa, quay sang phía hai bạn, kể :

- Hai bà ạ, chị Đông mà, chị ta đẹp nhất làng tôi đấy. Năm chị ấy mười hai tuổi, ông lý cự làng tôi hỏi chị ấy cho con. Ấy chính anh Bê đấy.

Giả sử cưới ngay đi thì cũng xong : hỏi vợ thì cưới liền tay, chớ để lâu này lắm kẻ dèm pha. Đây thì không có kẻ dèm pha, nhưng có kẻ cuỗm mất.

Tôi mỉm cười :

- Cuỗm mất ?

- Thừa ông vâng. Năm ấy chị ta mười sáu, nhà giai vẫn chưa xin cưới. Rồi sau chị ấy phải lòng cái ông giáo ở làng bên. Hai người mê nhau quá đi mất cơ. Ông kia cũng nhất định đòi lấy chị Đông, nhưng nhà không cho lấy. Mà chị Đông, chị ấy giữ gìn cũng khéo, hai bà ạ. Hai bà tính có ghen đến bốn tháng...

- Có ghen với ông giáo ?

- Vâng. Có ghen đến bốn tháng mà chị ấy thất bụng khéo quá, chả ai biết sốt. Mà từ khi chị ấy có ghen, chị ấy càng chăm chỉ làm lụng, cắt cỏ, tát nước, vớt bèo, xay lúa, giã gạo cả ngày, chẳng lúc nào ngơi. Làm thế để người ta khỏi ngờ vực, hai bà ạ, khỏi ngờ vực rằng mình có ghen.

« Thấy hơi khác ý, nhà giai xin cưới, nhưng chị ấy nằng nặc không bằng lòng. Hai bà tính mê tít cậu giáo đi rồi còn gì. Cậu kia lại khéo tán tỉnh, nên chị ấy vẫn cứ chờ.

«Mãi sau ông giáo đổi lên tỉnh, không đi lại thăm nom chị ấy nữa, chị ấy mới ngã ngựa người ra, ngày đêm than khóc. Thế mà hai bà ạ, chị ấy vẫn giữ kín, chẳng tiếng tai gì cả. Đến ngày măn nguyệt khai hoa, ra đẻ giấu vào ruộng lúa chín, rồi lại đứng lên đi về như ta đi đồng thôi ấy mà... »

Cả hai người đàn bà và tôi cùng cười ồ.

Hai bà ạ, thế mới biết giờ sinh giờ dưỡng. Người ta sống chết có số cả. Nửa giờ sau bác xã Vọng đi chợ qua đây trông thấy thằng bé mới đẻ liền bế về nuôi. Thực giờ cho bác ta, hai bà ạ. Bác ta chưa có con giai lại vừa ở cữ một đứa con gái.

« Thằng bé kháu quá đi mất thôi, hai bà ạ, mà nó giống ông giáo như hệt, từ cái miệng, cái mắt, cho chí cái tai. Ai thoát trông thấy cũng nhận ra ngay. Bác Vọng đặt tên cho nó là thằng « Ruộng lúa » Thế mà, hai bà ạ, năm nó lên ba đã biết bảo bác ta : « Thầy bu đừng gọi con là thằng « Ruộng lúa » gọi con là thằng Được cơ.

« Hai bà ạ, những của để rơi góm lắm cơ đấy, giờ đi sống thì không biết sau này làm nên đến gì...»

Tôi tò mò hỏi :

- Nhưng sao chị Đông lại lấy anh Bê và đưa nhau lên đây ?

- Ấy hai người lấy nhau ngay. Anh Bê cũng biết vợ chẳng ra gì, nhưng say mê lắm. Cứ kể thì cũng chả đến nỗi phải bỏ đi, tuy trong làng nhiều người biết chuyện. Nhưng vì cái cậu giáo kia cứ nhì nhằng về làng đòi bắt đưa con. Hai bà ngẫm xem, làm hại một đời người ta chưa đủ, lại còn bêu xấu bêu nhuốc người ta nữa. Hai bà tính, cậu ta dám há mồm ra nói trước mặt mọi người, trước mặt cả hội đồng rằng cậu ta là bố thằng bé mà mẹ nó là chị Đông.

« Đã đến nước ấy thì còn mặt mũi nào ở làng nữa. Hồi ấy nhà tôi nghỉ phép về thăm nhà, thương tình anh chị ấy liền rủ ra ngoài này rồi đưa vào sở xin việc cho. Anh chị ấy ngày nay nhờ giờ cũng khá. Anh Bê anh ấy

có bảo tôi rằng cố để dành ít vốn về chuộc lấy thằng bé, và hai bà ạ, anh chị ấy cũng chưa có con giai.

- Vậy ra thằng bé vẫn ở với bác xã Võng ?

- Phải. Nó hay quá cơ, hai bà ạ.

Mười hai giờ đêm tôi lên bến Quảng yên đến thuê phòng ngủ ở một khách sạn. Tới nơi tới gặp một thiếu niên âu phục sánh vai cùng một cô gái quê đương hấp tấp bước lên thang gác.

Tôi mỉm cười nghĩ thầm :

- Biết đâu lại sẽ không có một thằng «Khách sạn» ra đời ?

BIẾN ĐỔI

Lực và Đoàn rời làng Yên-phụ đi theo liền cô gánh hoa thuê cho mình. Tới hàng bọc gạch lên đê, và nghe có tiếng cười khúc khích sau lưng, hai chàng quay lại : Một thiếu nữ nhanh nhẹn vượt lên trước và nói một câu băng quơ :

- Mọi lần ra chợ mình mời mọc khăn khăn chẳng thèm mua cho, thế mà nay đi khiêng một gánh nặng về nhà.

Hai chàng còn đương nhìn nhau mim cười thì thiếu nữ đã lên xe về phố. Lực hỏi Đoàn :

- Cô hàng hoa đấy à ?

Đoàn cười :

- Hàng hoa ban đêm

- Dầu sao đó cũng là bông hoa đẹp ở một làng đầy hoa.

- Trí nhớ anh kém lắm nhỉ ! Anh không nhận ra ai ?

Lực soát ký ức lại một lượt vẫn không thấy dấu vết hình ảnh cô thiếu nữ y phục tân thời rẽ tiền với cái khăn lụa trắng thắt hoa bên vai, với đôi giày cao gót buộc vụng về vào hai bàn chân hơi thô, với hàm răng trắng

bệch hé ra một cách ngượng ngùng giữa cặp môi vẽ son hình trái tim, với hai con mắt sáng đẹp và hiền lành đóng trong hai cái quầng đen than chì.

- Ai thế anh ?

- Cô gái Keo, mà anh đã quên rồi ?

- Thế à ?

Lục vụt thấy cô tân thời biến đổi ra một cô gái ngây thơ trong bộ sổng áo quê mùa cũ kỹ.

Mùa xuân năm ấy, Lục và Đoàn cùng Miễn, một người bạn đi xem hội Keo, vì nghe nói quanh vùng ấy có nhiều con gái đánh đu rất ngộ,

Xuống xe hỏa ở ga Phú-thụy, ba chàng chỉ gặp mỗi một cái xe tay nát, đành phải đi bộ vào Keo. Nhưng không ai lấy thế làm buồn, vì trời xuân mát mẻ, phong cảnh xanh tươi, dưới làn mưa bay thoáng diêm. Rặng xoan mềm mại lá non lấm chấm lưa thưa. Trên những ruộng cải, hoa vàng phấp phới như đàn bướm bay dài hai bên con đường đất đỏ ngòong ngòong.

Ba chàng quên đường xa, vừa đi vừa đùa bốn chuyện trò. Và hai giờ sau, khi tới chợ Keo, trước một quang cảnh buồn tẻ, vắng ngắt, ba chàng không hề tưởng đến

thất vọng, chỉ nhìn nhau mỉm cười rồi đưa mắt ngắm những cây đa không người im lặng đứng giờ bộ xương tre, đọng hàng giọt nước mưa lấp lánh.

Ai nẩy bụng đói như cào. Lực ngồi xuống ghé dài trong một cái quán, cặp mắt thèm muốn nhìn tròng trọc rỗ bún trắng hung;

- Giá chúng ta ăn bát bún riêu rồi hãy ra ga. Đoàn thờ dài :

- Không biết các anh nghĩ sao, chứ tôi thì khó lòng còn cuộc bộ nổi gần mười cây số từ đây ra Phú-Thụ.

Lục châu mày :

- Anh định ngủ lại đây chẳng ?

- Anh Miễn đã khoe khoang mãi hội Keo thì bây giờ làm thế nào có xe cho chúng tôi về thì làm. Nếu không, tôi nhất định ở lại.

Lục cười :

- Thì anh ở lại. Anh Miễn với tôi về vậy.

Đoàn hỏi đùa bà hàng nước :

- Tôi ngủ trọ hàng bà có được không ?

Bà lão chậm rãi đáp :

- Các thầy cứ nói thế chứ hàng tôi chật chội, khi nào các thầy thềm trọ. Ở trong làng thiếu gì nhà các cô đầu.

- Thế à ? Ở đây có cô đầu.

Bà lão, giọng tự phụ :

- Chán, làng tôi có chán cô đầu. Các thầy có muốn hái một châu, tôi đưa vào giúp, với sắp dọn hàng về đây.

- Còn nói gì nữa !

Nửa giờ sau, Lục, Đoàn, Miễn cùng bà hàng nước vào làng, qua một cái cổng gạch đổ nát, theo một con đường quanh co hai bên có giậu khúc tần, và xương rồng, phủ đầy tơ hồng vàng tươi như tơ kén mới kéo.

Đến một cái cổng chống, bà hàng đứng lại, gọi :

- Chị Nguyệt ! chị Nguyệt !

Tiếng trong nhà hỏi :

- Ai ?

- Có khách đây !

Một thiếu phụ vào trạc ba mươi chạy vội ra, đơn đả mời chào :

- Lạy các quan ạ, xin rước các quan vào chơi.

Một nếp nhà gỗ lợp cói, ba gian hai chái, một cái nhà ngang bằng tre một cái sân ngăn đôi bằng chiếc phen đan mắt cáo, nửa ngoài trồng cải và các thứ rau thơm, đó là tòa lầu hồng nơi thôn dã.

Thấy ba làng chơi Hà-nội đến, mấy người đương ngồi uống nước ở gian bên cúi chào, rồi chụp khăn lên đầu đứng dậy ra sân. Lục hỏi Nguyệt :

- Nhà có khách ?

Nguyệt tươi cười thì thầm :

- Không ạ. Các ông ấy ở quê ngoại sang cúng giỗ.

Nàng quay ra bảo những người kia :

- Vậy các anh lại nhà nhé.

Rồi tiễn bọn họ ra tận cổng.

Tối hôm ấy, mãi gần chín giờ mới có cơm. Ba người cùng đói cực điểm, tuy đã lót dạ bằng mấy quả chuối tiêu bày trên bàn thờ ở gian giữa. Vì thế họ ăn rất ngon miệng, dầu tiệc chỉ có thịt gà luộc, thịt gà rán; thị gà nướng chả, lòng gà sào miến với một chai rượu con hổ hủ men. Được một điều, tiệc có vẻ « cô dầu » lắm. Cũng

mời, cũng hăm, cũng lả lơi, đùa bỡn, cũng lóng cũng liếc, cũng phạt rượu phạt riếc. Rồi ăn xong cũng kẻ ngả bàn đèn, kẻ lên roi châu nghe những bài hát nói « Duy giang thượng chi thanh phong », hay « Thấy lão đá lạ lòng muốn hỏi » của hai chị em Nguyệt, - vì Nguyệt có một cô em bé tuổi chừng mười ba, mười bốn, giọng ca dòn dọt và ngọt lúu.

Lục tưởng như mình đi hát Khâm-thiên hạch sách hết thứ nọ thứ kia, nào thuốc phiện nhạt, nào trống không kêu.

Lúc đã nghe hết những câu bông mặc, sa mặc, chèo, tuồng, mọi người đều uể oải, chán nản. Đoàn luôn luôn cau có, thì thầm trách Miễn : « Chỉ tại anh nên chúng tôi mới phải chui vào cái xó nhà cô đầu khổ này. Muỗi như trâu mà không có màn thì ngủ sao được ? »

Chừng Nguyệt cũng hiểu rằng cái nhan sắc hết duyên của mình, và cái miệng còn hơi sữa của cô em gái không làm vừa lòng mấy ông khách quý. Vì thế, đáp lại một cái ngáp dài của Lục, nàng cười rúc rích và cố lấy giọng nũng nịu bảo ba chàng :

- Nếu các anh ngoan ngoãn, em sẽ gọi Hiên sang tiêm thuốc cho mà hút.

Đoàn đương lim dim ngủ gà ngủ vịt bên khay đèn, mở choàng mắt ngòai dậy hỏi :

- Hiên nào thế ?
- Hiên con ông Nhì ở bên cạnh.
- Nhì là nhị trường, phải không ?
- Chính !
- Có đẹp không ?
- Còn phải nói !
- Gọi được à ?
- Được chứ !
- Ồ ! thích nhi ! Vậy em gọi ngay cho, em ngoan lắm!

Nguyệt xuống nhà ngang bảo mẹ đi giúp. Những chỉ mười lăm phút sau, bà lão đã trở về nói ông Nhì còn thức. Lực cao có hỏi :

- Ông ấy thức thì sao lại không đi được ?

Nguyệt cười :

- Chuyện ! Người ta nền nếp nhà nho !

Mãi gần một giờ sáng và sau ba lần triệu, Hiên mới sang. Cửa tọa chào nàng bằng một tiếng : «À ! » khoan

khoái.

Ánh sáng lò mờ chiếc đèn ba giây treo trên xà cũng đủ chiếu rõ vẻ đậm đà, óng ả của một cô gái quê mặc áo nâu non và chít khăn vuông the mỗ quạ.

- Lại đây, em Hiên !

Hiên thông thả, bẽn lễn đến gần.

- Ngồi xuống cây, em Hiên.

Hiên rón rén ghé cạnh giường. Lực và Đoàn sán lại bên, rồi nhìn nhau gật gù. Biết rằng hai ông khách đã ưng thưởng thức món quà đầy hương vị thôn dã, Nguyệt liếc mắt đưa tình :

- Đây, đã bảo ! Khâm-thiên của các anh dễ ăn đứt chưa ?

- Ăn đứt sao được Hiên, phải không Hiên ?

Hiên đỏ bừng mặt, thì thào :

- Em không biết ạ !

- Hiên không biết mà Hiên lại làm cao thế ? Mời mọc hai ba lần mới thềm sang.

- Thừa các quan, không phải em dám làm cao, nhưng thầy em ốm.

Đoàn cười :

- Đừng tôn các anh là quan, các anh giận. Em cứ gọi các anh, nghe chưa ?

- Xin vâng.

Ba ông khách bắt đầu lục vấn đủ mọi câu, từ câu rất bâng quơ cho đến câu rất thân mật. Và một giờ sau chấp nói các m[^]đu chuyên lại, họ đã biết rõ « lý lịch » của cô bé ngây thơ.

Miên mười tám tuổi. Cha nàng đã hai khoa vào đệ tam. Mẹ nàng mất từ năm nàng mới chập chững biết đi. Nhà nàng một ngày một nghèo thêm. Cha nàng trước kia có nhiều môn sinh thì một năm nhờ mấy cái tết còn đủ ăn tiêu. Nhưng nay theo nghị định mới, số học trò không được quá năm người, nên sinh kế rất eo hẹp.

Ông đồ đã xoay xở làm và viết câu đối thuê, nhưng chẳng kiếm được mấy đồng. Giá ông cho con trai tập các công việc chân tay ngay từ thuở nhỏ, thì có lẽ ngày nay cũng giúp ông được đôi chút, nhưng ông chỉ một mực đem đạo thánh hiền ra dạy con, thành thử khi anh lớn lên, vai không vác nổi cái cày, mà chữ nghĩa dở dang cũng chẳng dùng được việc gì. Túng đói quá, Giáp - tên người con trai - liền theo đám phu mộ lần sang Tân thế giới, rồi vì sức yếu đuối, bỏ mạng ở đó.

May cho ông đồ, Hiên học lành nghề dệt vải, hằng ngày ít ra cũng kiếm nổi một hào bạc. Nhưng đã nửa tháng nay, ông bị bệnh tê liệt. Hiên không những không sao chạy được tiền thuốc cho cha mà đến tiền ăn cũng chật vật khó xoay đủ.

Một hôm sang bên chị Nguyệt dứt tạm lưng gạo, Hiên gặp mấy ông khách nhìn nàng mỉm cười. Một người cầm lấy tay nàng hỏi chuyện. Chị Nguyệt giữ nàng lại, rồi ông khách cho nàng một đồng bạc và dặn nàng tối sang chơi. Nàng mừng quá...

Từ đó, chị Nguyệt thường cho tìm nàng. Một khách chơi chỉ bảo nàng cách tiêm thuốc phiện, Chị Nguyệt lại dạy nàng, hát một vài câu hăm rượu, kể một vài câu Kiều lấy.

Cha nàng nghiêm khắc lắm, nếu biết nàng lảng vảng bên chị Nguyệt thì chắc sẽ mắng chửi nàng. Vì thế, nhiều lần mãi khuya và chờ cho cha yên giấc nàng mới dám trốn đi. Mà chính nàng cũng biết rằng con gái đêm hôm mò mẫm đến một nơi như nhà chị Nguyệt là rất không phải, nhưng cha ốm nằm kia, lấy tiền đâu cân thuốc ?

Biết chuyện Hiên, ba ông khách Hà-nội buồn rầu ngao ngán, chẳng ai còn tưởng tới hưởng phần quyền

lợi của mình. Nhưng Nguyệt vẫn cười khanh khách, hết ngâm Cung oán lại nói bông đùa :

- Hiên tiêm cho mỗi anh một điều thuốc nào !

Miễn nói gạt :

- Thôi, ngồi chuyện gẫu thú hơn, thuốc của chị nhạt như nước ốc, hút chẳng mùi mẫn gì.

- Thuốc ngang nhạt, nhưng mát, anh ạ. Hát thuốc công chỉ tổ chóng nghiện. Nhưng các anh cứ để Hiên tiêm cho mà xem. Hiên khéo lắm kia, các anh phải biết.

- Đã bảo không hút nữa mà lại.

Hiên đưa mắt nhìn ba người rồi rụt rè thỏ thẻ :

- Ba ông không dùng nữa ?

- Không.

- Vậy cho em xin chỗ thuốc thừa nhé ?

- Em lấy làm gì ?

- Để em gián thái dương cho thầy em, thầy em rức đầu luôn.

Lục cảm động, ngằm mở ví lấy tờ giấy bạc một đồng dúm vào tay Hiên, và ghé tận tai nàng thì thầm :

- Em mua mà dùng, chẳng chị Nguyệt, chị ấy không bằng lòng.

Câu chuyện càng có vẻ thân mật, khi Nguyệt đã kín đáo tắt phụt cây đèn treo. Đặt trên cái khay cũ, nhem nhuốc, dây dầu, ngọn đèn lù mù trong chụp pha lê nứt rạn, chiếu chút ánh vàng vào năm khuôn mặt mệt mỏi.

Giữa phút yên lặng hoàn toàn, bỗng Nguyệt cất giọng khàn khàn, ngái ngủ, ngâm dài :

Ở đây đường xá xa xôi,

Mà ta bất động nửa người sinh nghi

Rồi nàng phá lên cười, và vỗ mạnh vào vai Đoàn. Lực buồn rầu ngấm ngấm :

« Trong sáu tháng nay, đã mấy người giữ được bất động ! »

Mùa xuân sau, Lực và Đoàn lại đi xem hội Keo. Hai chàng nhìn nhau mỉm cười, vì cùng hiểu ngầm rằng đến Keo chỉ có một mục đích : thăm Hiên.

Nhưng khi tới nhà Nguyệt, hai chàng được tin ông đồ đã mất, và Hiên đã bỏ làng đi đâu không ai hay.

Câu chuyện ông Nhì qua đời. Nguyệt thuật lại bằng một giọng lạnh lùng :

- Hôm ấy, một người tìm đến nhà Hiên nghiêm nhiên âu yếm Hiên và cho Hiên tiền ngay trước mặt ông Nhì. Ông ta tức uất lên, luôn mồm chửi mắng con, rồi vài giờ sau tắt nghỉ.

Hai năm qua, Lực và Đoàn không về xem hội Keo. Mà hình ảnh cô cái quê con ông đồ nho đạo đức cũng không còn phảng phất trong trí nhớ hai chàng.

Bỗng hôm nay, trên đường Yên phụ, hai chàng gặp Hiên nhớn nhोर trong bộ y phục tân thời : Cả một quãng đời phóng đảng như in sâu dấu vết lên bộ mặt dạn dày mưa gió...

Lực thở dài bảo Đoàn :

- Nếu quả thực người chết vẫn quanh quất chốn dương gian, thì biết bao linh hồn sẽ đau đớn vì những sự biến đổi của người sống !

CHÙA HƯƠNG

Ngày Nay là tôi ta đi chùa Hương hoặc vì lòng tò mò muốn thăm một nơi mà trừ mình ra ai ai cũng biết, hoặc vì cái thú được nhập bọn với một đoàn du lịch trong đó có vài thiếu nữ xinh tươi.

Nhưng đối với tôi, chùa Hương sẽ mãi mãi là một cảnh bồng lai huyền ảo, mịt mù trong tưởng tượng dễ dàng của tuổi thơ, và âm thầm trong đêm trăng, trên sông Đáy, lẫn với kỷ niệm tươi đẹp của thời sắp xỉ hai mươi.

Đã nhiều lần vui đùa anh em tôi trở lại chùa xưa. Những đám người hôi hám, ồn ào, những tiếng cười đùa thô lỗ, cái thực vô vị ấy vẫn không xóa nhòa được cảnh thần tiên đã in sâu vào tâm hồn tôi cùng với những cảm tưởng không bao giờ thay đổi.

Năm tôi chín tuổi, vì cụ sử thầy học của anh em chúng tôi nghỉ về nhà dưỡng lão, cha tôi bèn bảo một người anh họ chúng tôi dạy tạm. Anh khóa Ngoạn - tên người anh họ - vừa lạc đệ trường Nam lần thứ ba và lần cuối cùng, vì anh đã thề không dự thi nữa, để phản đối cái lối thi cử « O tròn, A méo, « kèm những phép tính « trẻ con » mà anh khinh không thèm học. Năm ấy, trong khi ở nhà, ông thân sinh của anh ném hết các pha Bắc-sử và Tứ-thư, Ngũ-kích vào vại nước, để rồi lại giải ra nia

mà hong, thì anh khóa đến chôn vùi cái hậu trường ốc ở chốn Hương sơn.

Mãi ba tháng sau, anh mới trở về, lòng chán nản, nhưng trí thanh thoi. Anh đem những cảnh thần tiên thuật lại cho chúng tôi nghe, thuật bằng những lời văn đầy thơ mộng, khiến óc ngây thơ của tôi tưởng tượng chùa Hương ra một nơi xa xăm, mờ mịt, mà chỉ những người cực kỳ mạo hiểm mới tới được.

Lại thêm chiều chiều anh kể những truyện Liêu-Trai, những truyện xảy ra trong những cảnh thực thực hư hư với những nhân vật khác hẳn bọn người thường sống chung quanh ta. Bởi vậy, tôi yên trí rằng chùa Hương chỉ là một cảnh Liêu-Trai, trong đó người và tiên và vật chung sống trong sự hòa hợp thân thiết, và anh khoa Ngọa lị sì ít nói chỉ là cái anh đồ gan góc lạ lùng lạc vào nơi núi sâu, rừng rậm, một đêm trăng sáng rồi ở đó với bảy tiên nhảy múa, hát xướng nô đùa, cái anh chàng bắt chước tiếng yêng để bảo các nàng tiên :

« Chàng ta say rồi, đưa chàng ta về thôi ! »

... Thế rồi các nàng tiên cười rú, đứng chồng lên vai nhau làm một cây người cao ngất trời xanh. Cây người đổ xuống thành một con đường quang đặng. Anh đồ theo con đường ấy về được đến nhà. Hôm sau, anh ta muốn trở lại thăm chốn cũ thì con đường không còn

nữa, chỉ thấy đầy cỏ lao mọc...

Đối với tôi, đó chỉ là nơi mà anh khóa Ngoạn đã rời bỏ để về dạy anh em chúng tôi học.

Bao năm mơ ước cảnh chùa Hương.

Một hôm - năm ấy tôi mười tám - một hôm bắt đầu nghỉ lễ Phục-Sinh; bỗng tôi nhận được điện tín từ Phủ lý gửi tới : «Về ngay đi Hương-tích.»

Và tôi về ngay.

Em tôi cùng hai người bạn, anh Ruột và anh Đạt ra đón tôi ở ga, đưa tôi thẳng xuống thuyền.

Cái đêm mười tư tháng ba an-nam ấy ngày nay chỉ còn để lại trong tâm hồn tôi một cảm giác mơ hồ mà tôi nhớ tới như nhớ một giấc mộng thoáng qua. Nhưng giấc mộng ngày nay vẫn còn thoáng qua trong ký ức tôi, mỗi khi tôi ngắm cảnh sông trăng, nghe tiếng tiêu lạnh lạnh buổi chiều tàn, hay ngâm thầm những câu thơ « Tỳ-bà » của cô nhân :

Tiếng tỳ nghe vắng trên sông,
 Chủ khuây khỏa lại, khách dùng dằng xuôi...
 Thuyền mấy lá, đông, tây lặng ngắt,
 Một bóng trăng trong vắt lòng sông.

Trăng, nước và âm nhạc, nhan nhản tả trong thơ Tầu, không bao giờ tôi cảm thấy có liên lạc nhịp nhàng với nhau bằng cái đêm trắng trên sông Đáy.

Anh Đạt, một tài tử, thôi chiếc ống tiêu mà anh đã mang theo. Đêm khuya, trăng ngả về tây, lượn chung quanh thuyền trên con sông khuất khuỷu, khi ở đằng mũi, khi ở đằng lái, khi sang bên tả, khi sang bên hữu, như múa khúc nghệ thường theo điệu tiếng trúc véo von, giải lụa vàng thướt tha bay trong sương, dịu dàng lướt trên mặt nước. Tiếng bỗng cất cao tận đỉnh trời xanh. Tiếng trầm rơi trên làn sóng tan trong nhịp chèo. Âm nhạc ngừng, tiếng ngân như còn kéo dài trong yên lặng của ban đêm, lưu luyến với luồng ngân trắng chuyển động chạy sau thuyền

Cả một đêm trong sáng chung đúc lại chỉ còn có cảm giác thần tiên ấy : cái đẹp đã như kết tinh trong tư tưởng, và không bao giờ nhạt phai trong trí nhớ. Ngoài ra mọi vật, mọi ý, mọi sự đều mờ dần cho đến khi biến đi không còn vết tích.

Trong giấc ngủ, tiếng tiêu vẫn réo rắt... Cảnh sáng trăng vẫn huyền ảo.. Một tia ánh thái dương lọt qua khe mũi thuyền. Tôi tung chăn ngồi dậy. Tiếng ồn ào chung quanh..

Bến Đục !

Từ đó vào tới chùa ngoài, cái suối nước phẳng lặng đưa chiếc tam bản mỏng mảnh của chúng tôi, cùng với hàng chục chiếc tam bản đầy chật khách lễ chùa, lượn quanh những quả núi nhỏ và xinh như những non bộ bày trong bể cạn.

Cảnh ấy, tôi mới được trông thấy lần đầu nhưng tôi không lạ mắt : Hình như tôi đã gặp nó ở một xứ quen thuộc nào đó, hình như trải một đời tiền sinh, tôi đã sống trong rừng núi kia, bên sườn non kia. Thì ra trong tâm não tôi, trong trí tưởng tượng của tôi, những cảnh Liêu-trai đã từ lâu biến thành cảnh thực.

Sự ngẫu nhiên, một câu chuyện xảy ra cho chúng tôi cũng có vẻ « liên trai » nữa :

Lúc mới tới suối, thấy những thuyền đưa khách vào chùa, cái nào cũng xếp chật ních, chúng tôi đành phải thuê riêng một chiếc. Như thế, có lẽ chúng tôi không được hưởng cái thú chen vai thích cánh với khách thập phương phái đẹp, nhưng chắc chắn chúng tôi sẽ tránh được cái nạn uống nước suối chẳng trong sạch.

Thuyền chúng tôi sắp đi, bỗng một nhà sư, khăn gói nâu vắt vai, hớt hơ hớt hải nhảy vọt xuống, khiến chiếc tam bản chòng chênh và anh Ruật đứng ở đằng mái suýt ngã. Chúng tôi lễ phép nói với nhà tu hành rằng chiếc

thuyền chúng tôi đã thuê riêng, và giá chỉ có một mình sư ông thì chúng tôi cũng không dám tiếc nhưng chúng tôi đã trót từ chối nhiều người, vậy xin mời sư ông sang thuyền khác cho. Chúng tôi tưởng nhà sư điếc vì chúng tôi nhắc đi nhắc lại câu nói, người ấy vẫn nghiêm nhiên, yên lặng ngồi nhìn trời. Mãi sau, chúng tôi mới nghe thấy một câu trả lời, một câu trả lời vắn tắt, nhưng rất xược :

- Cửa từ bi không hẹp một ai.

Tôi, thì tôi chỉ nhận thấy sự bí mật, nhất tôi đã ngắm kỹ gương mặt sáng tươi, cặp mắt nhanh và sắc, cái miệng cười rất có duyên của con người kỳ dị.

Anh Ruật tính nóng như lửa, sức khỏe như báo, tiến đến trước mặt nhà sư, sừng sộ :

- Nói tử tế không nghe, có muốn xuống suối không ?

Và anh toan ôn lấy người tu hành. Tôi lo ngại : Tâm thân nở nang, đều đặn của sư ông khiến tôi mơ màng nghĩ tới những miếng võ bí hiểm, những phép thuật kỳ quái của các nhà đạo sĩ đời xưa. Vì thế, tôi vội vàng đến can :

- Thôi anh ạ, cứ để sư ông đi với chúng ta cho vui.

Anh Ruật quay lại, gắt :

- Nhưng mọi người khác cũng kéo xuống bây giờ đây này !

Tôi không đáp, giục cô lái ầy mau thuyền ra xa.

Một lát. Chúng tôi đã hầu quên người khách lạ, mãi miết ngắm nghía những hòn núi chon von, hay vui vẻ « nam vô » để chào những cô thiếu nữ trên những chiếc thuyền nặng chũu, bấp bênh như sắp đắm. Bỗng có tiếng ai sang sảng như tiếng chuông vang, nhịp nhàng trầm bổng như điệu hát nhịp nhàng của một cô danh ca. Chúng tôi kinh ngạc quay nhìn về phía lái : nhà sư của chúng tôi đương tâm niệm, mắt ngược nhìn trời, hai bàn tay chấp ngực mà cao tiếng tụng kinh : Thực hoàn toàn là sự Tín-ngưỡng, một bức tranh đức Phật hiện thân.

Và chúng tôi hồi hận. Người hồi hận nhất là anh Ruật. Anh buồn rầu nhìn nhà sư và tôi đoán anh đương băn khoăn chờ dịp để xin lỗi « người thánh đức ». Nhưng từ lúc ầy cho tới chùa ngoài không một giây, người tu hành ngừng lời, giọng mỗi lúc một trong hơn, một thiết tha, nồng nàn hơn.

Thuyền tới bến, sư ông mắt lim dim, đứng đây kính cẩn ngả đầu chào chúng tôi : « Nam vô a di đà phật ! » Anh Ruật vội đáp lễ :

- A di đà phật ! Xin sư ông tha thứ cho đệ tử cái tội đã dám xúc phạm tới sư ông.

Sư ông sẵn lòng tha thứ và hứa sẽ đưa chúng tôi vào bái yết sư tổ để xin sư tổ ban riêng cho chúng tôi (và... sư ông, cố nhiên) một gian phòng quan cư. Quả sư tổ không những ban cho phòng, mà còn cắt một chú tiểu hầu trà nữa. Điều đó không khỏi làm chúng tôi kinh dị và khâm phục nhà sư mà chúng tôi đoán là một người có thể lực trong tăng giới.

Chúng tôi càng kinh dị khi ở chùa trong trở ra, tối hôm ấy, chúng tôi ngồi nghe nhà sư thuyết pháp, và ngắm nhà sư múa hai bàn tay mềm mại, trắng trẻo để bắt quyết. « Thua các thầy, lúc em lên đàn... »

Không để sư ông nói rút câu, anh Ruật tiếp luôn :

- ... thì chắc các tín nữ phải yêu lắm.

Tôi tưởng sư ông tức giận, nhưng trái hẳn, «ngài » chỉ mỉm cười rất có duyên, và đưa hai con mắt tình tứ.

Rồi sư ông ngâm thơ của sư ông cho chúng tôi nghe. Tôi còn nhớ hai câu trong một bài thơ mà sư ông khoe khoang đã ứng khẩu đọc ra để đáp lại những lời điều cợt của một ông tú

Mực tàu giấy bản bút lông mèo.

Tha hồ ông tú vẽ ngoãn ngoeo.

Đêm đã khuya, chúng tôi vẫn không ngủ được. Liên rủ nhau lên chùa trên. Trong chùa, tiếng ồn ào như một ngày phiên chợ. Tiếng mõ đều đều một dịp. Tiếng niệm phật chìm trong huyền não, thỉnh thoảng lại cất cao lên một giọng, rồi lại chìm vào trong huyền não.

Không khí ngột ngào và nồng nực khó thở. Những cây sáo lớn chiếu một thứ ánh sáng lờ mờ và rung động trong làn khói hương bay. Trên nền chùa, thiện nam tín nữ nằm xếp dày từng tốp, gối đầu, gác chân lên ngực, lên đùi nhau mà ngủ, tâm có lẽ vẫn thanh khiết, trí có lẽ vẫn quang minh. Bọn họ không còn là trai, là gái nữa, chỉ là những con người sùng tín mà thôi.

Quá nửa đêm, xuống phòng quan cư, và không thấy sư ông, chúng tôi chắc rằng nhà tu hành đi dự lễ Ngũ bách bái.

Ánh trăng tà chiếu chệch ngoài hiên có chiều quyen rũ... Chúng tôi liền cùng nhau lên núi. Tiếng ồn ào một lúc một xa, một nhỏ. Lâu dần chỉ còn như tiếng vo ve của đàn ruồi nhặng. Bỗng rầm rập nhiều người chạy ở dưới chân núi. Chúng tôi quay xuống xem. Một cái bóng đen vụt qua rồi lẫn vào trong đám lau cao và rậm. Anh Đạt toan đuổi theo, nhưng chúng tôi giữ lại, sợ người kia có khí giới. Riêng tôi, tôi vợ vẫn tưởng tới những chuyện Liêu-traí của tôi, và tôi tần ngần đứng nhìn hàng bông lan lấp loáng trong trăng.

San hỏi ra thì không những chẳng có gì đáng để cho chúng tôi tức bực, mà đó lại là một câu chuyện làm chúng tôi tức cười : Một nhà sư... chòng ghẹo một cô gái quê đương ngủ ở dưới mắt từ bi đức Phật Như-Lai. Tôi nghĩ đến nhà sư xinh trai... Nhưng tôi nhận ngay thấy sự sai lầm : người từ bi ấy đương ngồi trong phòng quan cư đun nước để chờ chúng tôi về...

Vào khoảng ba giờ sáng, tiếng cười đùa âm ỉ lại đánh thức tôi dậy. Nhà sư nằm bên cạnh tôi đã biến đâu mất.

Tôi mặc quần áo, lên chùa. Ở đây người ta đương thi nhau kể cho ai muốn nghe thì nghe : một cô gái quê ngủ say quá bị ai lột truồng và đặt lên bụng một cái đĩa trên có thấp cây nến dài.

Nhà sư bí mật có phải là người chủ động trong hai chuyện nghịch ngợm kia không ? Tôi không dám mười phần tin chắc cả mười. Nhưng mà tôi ngờ vực lắm, nhất chiều hôm ấy, lúc sắp sửa ra thuyền, tôi lại được nghe chủ tiểu hầu trả hỏi một câu rất đột ngột.

- Thưa, trong ba ngài, ngài nào là rể cụ lớn, ạ ?

Tôi ngần mặt nhìn mọi người, không hiểu. Nhưng anh Ruột hiểu, nên chẳng ngần ngại, anh trở tôi đáp liền:

- Đây, ông này là rể cụ lớn.

Rồi ghé tai chúng tôi, anh thì thầm :

- Chắc hôm qua lão sư giới thiệu với sự tỏ rằng một người trong bọn mình là rể cụ thượng Hà đông. Chẳng lẽ vô cớ sư tổ lại cho phòng ngủ và cho ăn uống tươm tất thế ?

Chúng tôi cùng phá lên cười, khiến chú tiểu ngơ ngác trở mắt đứng nhìn.

Ra gần tới đền Trình, thuyền chúng tôi gặp một chiếc thuyền vào chùa, trong thuyền có tiếng sang sảng tụng kinh. Chúng tôi kinh ngạc nhìn, tìm : Ngồi đằng lái, nhà sư xinh trai của chúng tôi dương ôn lại cái việc làm hai hôm trước.

Bí mật quả ! Mà « liêu trai » thực !

Nhưng, đã hết đâu ! Đêm hôm ấy, trên sông Đáy chúng tôi còn gặp một sự lạ lùng nữa, làm cho cuộc đi chơi chùa Hương của chúng tôi càng thêm vẻ liêu trai.

Thuyền đương khó nhọc ngược giòng nước, bỗng chúng tôi lưu ý đến một cái dài ánh sáng từ đâu hiện ra ở phía trước mặt. Tới gần thì đó là chiếc tàu thủy bị giắt cạn. Anh Đạt trở lên tàu hỏi đùa :

- Có cô nào muốn đi nhờ chuyền không ? Một tiếng

trong trẻo, yêu điệu đáp lại liền :

- Có !

Anh Ruột cười, nói :

- Cho xuống ! Bằng lòng cả nhé.

Cố nhiên chúng tôi bằng lòng. Tức thì thuyền ghé vào mạn tàu đề hai thiếu nữ đỡ một bà cụ già bước sang. Phải chăng đó là hai con cho chín đuôi, hai con hồ tinh trong dãy núi Hương-Tích hiện thành hình người để trêu ghẹo khách trên sông ? Tôi xin thú thực rằng tôi cũng hơi rờn rợn, nhất khi thấp đèn lên tôi lại nhận thấy hai thiếu nữ đều có một thứ nhan sắc huyền ảo, với hai con mắt lấp lờ.

Đêm hôm ấy chúng tôi thức cho tới Phủ-lý để nghe hát, vì một cô hồ tinh, cô em, biết đủ các giọng ca Trung, Nam, Bắc. Anh Đạt thổi ống tiêu họa theo.

Nằm ở khoang trên, bà cụ, mẹ hai cô hồ tinh, ngủ một giấc ngon lành và bình tĩnh phó mặc hai con cho chúng tôi bảo họ. Riêng về phần tôi, thì đêm hôm ấy tôi chỉ có những tính tình trong sạch sáng tươi...

Truyện Liêu Trai chép rằng hai thiếu nữ yêu và lấy hai người trong bọn chúng tôi.

Nhưng sự thực lại khác hẳn, sự thực thì hai chị em thiếu phụ là vợ cả và vợ lẽ một người mà chúng tôi đều biết tiếng.

Sự thực ! Nhưng tưởng tượng cũng vẫn là sự thực.

BẾN ĐÒ NĂM XƯA

Nguyên dừng lại trên đê cao, nhìn xuống con sông sâu. Và chàng mang máng nhận thấy rằng mười lăm, mười sáu năm về trước chàng đã đến đó một lần.

Giòng nước về mùa đông cũng cạn, cũng chảy lờ đờ. Bụi lau mọc ven bờ, lá vắn xơ xác như xưa, hàng bông trắng vắn se sẽ lao đao trước gió. Nhất là cây gạo thân thẳng và cao, ngạo nghễ đứng bên sườn đê rướn ngọn chọc trời, thì chàng không thể nào lầm nó với một cây gạo khác được. Gốc nó phía trên tựa da trăn đầy những khoanh mốc trắng, phía dưới nổi lên những bươu tròn hừng trắng như những bắp thịt rắn chắc của nhà lực sĩ.

Nguyên đương tỉ mỉ nhận xét điều ấy, thì đưa chàng đi sâu thêm vào thời ký vãng, một làn khói lam tỏa ra ôm ấp lấy cái mái rạ rồi từ từ bay tản mạn trong đám lá xanh. Bây giờ chàng mới kịp để ý đến túp lều bé nhỏ, xiêu vẹo, túp lều mà mười lăm năm về trước chàng đã thấy nằm núp dưới gốc cây gạo. Cho đến cả mảnh lưới nâu vắt phơi trên cái lao sắt, vại nước đặt bên khóm mía ở đầu nhà, mọi vật đối với ký ức chàng như đối với con mắt nhà mỹ thuật một bức tranh sơn bả quên lâu năm trong xó tủ, bây giờ bỗng đem ra lau sạch bụi và treo lên tường.

Chiếc xe sắt đã trèo hết cái dốc đê và phẳng phẳng xuống bến để khiêng vào thuyền sang sông. Nguyên lững thững theo xuống. Nghe tiếng gầm gừ, chàng quay lại và giật mình kinh ngạc : Con chó trắng bông dương cặp mắt thao láo, dữ tợn nhìn chàng đi qua. Chàng nhớ lần trước chàng cũng thấy con chó nông trắng như hết thế nằm bên khóm chuối kia gần đàn gà con đương ới đồng rác bần tìm xâu. Chàng chau mày tự nhủ thầm : Hình như ta đã để ở nơi này một kỷ niệm trong giây phút.

Ý nghĩ ấy làm cho chàng bật cười. Nào phải bây giờ chàng mới có cái cảm tưởng, cái cảm giao như thế về dĩ vãng. Nhiều khi lần đầu bước chân vào một phòng khách lạ, chàng chẳng thấy bàn ghế, đồ đạc bày ở đó có chiều quen thuộc thân mật với chàng là gì ?

- Mời ông xuống đò cho thuyền sang ngang. Chúng tôi ngồi chờ đã tề cả chân.

Đương tò mò ngắm những xác vỡ rải trắng trên làn cát ướt, nghe lời thúc giục, Nguyên quay lại : Trong chiếc thuyền nan, ngồi bên cái xe kéo, hai người đàn bà và một người đàn ông khoác áo toi lá, giờ thối kêu lạt sạt. Và đứng ở đằng lái, lả lơi vịn vào con sào, một thiếu nữ óng ả, thon thon tấm áo nâu đôi vai, hai vật trước buộc gọn gàng ra phía sau lưng.

Nguyên bước lên thuyền trân trân nhìn cô lái, khiến cô bẽn lẽn cúi gằm mặt xuống cắm sào xoay mũi. « Lạ! người này nữa ! Ta cũng đã gặp rồi, mà gặp ở đây, ở bến đò này ! »

Buột miệng, chàng hỏi :

- Cô vẫn chở đò ở đây ?

Cô lái cho đó là một câu trêu ghẹo, bỡn cợt, yên lặng ngảnh trông đi, không đáp.

Nguyên nói tiếp luôn :

- Tôi nhớ mang máng lần trước tôi gặp cô cũng ở bến đò này, nhưng đã lâu lắm, đến hơn mười lăm năm rồi.

Tiếng cười rộ của bọn sang ngang làm cho Nguyên ngơ ngác.

- Mười lăm năm trước mà ông gặp chị Thà thì chị ấy đường chập chững tập đi.

- Ồ nhỉ !

Nguyên ngậy người suy nghĩ « Ôi mình lần thân quá thực. Hồi đó, cô ta mới độ lên hai, lên ba ! » Rồi chàng cũng cười theo. Nhưng chàng vẫn ngờ vực : « Chẳng lẽ mình mơ mộng đến thế được ? » Một câu nói tiếp của một người đàn bà khiến chàng tỉnh ngộ :

Mười lăm năm về trước thì họa chăng ông gặp bu chị Thà.

Người ấy quay ra nói chuyện với người ngồi bên :

- Chị Thà chị ấy giống bu chị ấy như đúc.

Nguyên mỉm cười : «Phải, bu chị ấy. Có thể chứ, ta làm sao được. » Chàng lấy làm tự phụ về trí nhớ của mình. Rồi chàng lại dăm dăm ngắm nghía cô lái đò : «Xinh xảo thể kia thảo hèn ta nhớ lâu, nếu quả thực người mẹ ngày xưa cũng đẹp như cô con ngày nay.»

Giữa lúc ấy anh sấm cất tiếng hát. Cái giọng khàn khàn, đục đục. Nguyên nhận thấy như đã rầu rĩ nắng mưa, chẳng khác thanh sắt vút lay vút lắt bị rỉ ăn rồng từng chỗ. Nhưng cái giọng ấy, cũng vậy cái giọng lần trước. « Hừ ! chẳng lẽ anh sấm này lại cũng là con anh sấm ngày xưa ! »

Anh mù ngửa mặt như nhìn trời qua đôi kính dâm, đầu lắc lư tay kéo nhị, há hốc miệng gào :

« Công cha như núi Thái Sơn, sữa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. »

Người đàn ông chừng một ngày mấy lần qua sông nên đã thuộc lòng câu sấm chợ, ngồi đập chân xuống sàn thuyền gõ nhịp, môi mấp máy lắm nhảm hát theo.

Còn hai người đàn bà thì thản nhiên như chỉ có bọn họ trong thuyền, oang oang nói chuyện :

- Sợ nhà bà ngâm được mấy buổi ?
- Sợ nhà tôi ngâm được bốn đêm.
- Ô ! khó đấy ! Nhà bà tràng vốn nên ngâm được lâu.

Nguyên kinh ngạc. Mấy mẫu chuyện, lần trước chàng đã nghe thấy không thiếu, không thừa, không sai một tiếng : « Thì ra dưới trời này mọi vật không bao giờ thay đổi ? »

Anh sầm hát « Ba năm bú mớm...»

Nguyên ném một xu vào cái thau sắt tây thùng, rồi cúi xuống ngắm bóng mây trắng lướt theo con thuyền êm lặng, trên giòng nước trong xanh.

Bài Lưu-thủy của anh sầm nhắc Nguyên biết rằng thuyền đã tới bến. Chàng mỉm cười vờ vắn, lấy làm lạ rằng mình đã lắng tai nghe hết bài hát. Mọi lần ở các bến phà, hễ anh sầm cất tiếng, là Nguyên vội đả anh một, hai xu để xin anh ngồi im cho. Nhưng lần này, bài ca tầm thường đã gọi trong lòng chàng một mối cảm hoài man mác, và đã đưa chàng trở lại với thời xưa. Vì thế chàng đã im lặng để những câu hát vô vị chạy lướt

qua trí nhớ như bóng mây lướt trên mặt nước im trong.

Nguyên trả cô lái năm xu, rồi toan nhảy lên bờ.

- Ấy, ông để cháu giữ thuyền cho chắc chắn đã, chẳng ngã.

Nguyên đứng dón lại hỏi :

- Bến đò này ở nơi hiu quạnh lắm nhỉ ?

- Vâng, ở đây buồn lắm. Nhưng được cái cách phở phủ có sáu, bảy cây số.

Lúc ấy một người đứng trên đường gọi :

- Thà ơi mày đi hộ tao, để tao chở thuyền cho. Tiền đây này !

Người đàn ông quảy gánh củ cải nặng, bước xuống nước, bảo Nguyên :

- Bu chị Thà đấy. Có phải người thầy gặp lần trước không ?

Nguyên ngừng đầu lên nhìn : « Ừ, bu, con giống nhau thực ! »

Cô lái đò nghe nói, mủm mỉm cười, gọi mẹ :

- Bu ơi, tiền đò đây này, bu giữ lấy. Ông cho năm xu

đây.

Người đàn bà quần áo lôi thôi nhem nhuốc chạy vội lại :

- Cảm ơn thầy.

Bác gánh củ cải bảo bà ta :

- Này bà, bà có nhận được ông này không ?

Nguyên cười, cho câu hỏi ấy vô lý hết sức. Nhưng chàng kinh ngạc xiết bao, khi thấy người đàn bà dăm dăm nhìn mình rồi vui vẻ chào :

- Ô, chào thầy ! Trông thầy vẫn thế nhỉ. Không già đi mấy.

Nguyên còn ngơ ngác cố nhớ lại thì người đàn bà đã nói tiếp :

- Ngày ấy thầy mặc áo tơ dạ chứ không phải cái áo sơn này. Với lại cái « bao lý» của thầy có quai mà to hơn nhiều, tôi xách lên bờ nặng sải cả cánh tay. Mà thầy vui tính lắm, nói đùa luôn mồm.

Nguyên đáp :

- Bây giờ già rồi, nên mất cả vui tính.

Thế rồi Nguyên lên xe. Cái xe gỗ lạch cạch, lắc lư, nhảy trên con đường đất gồ ghề lồi lõm không mấy khi được hân hạnh có chiếc ô tô qua lại. Nhưng Nguyên không thấy khó chịu như lúc ở quãng đường bên kia sông. Còn văng vẳng bên tai chàng câu nói của người đàn bà chở đò : « Thầy mặc cái áo tôi dạ..... cái bao-ly của thầy có quai». Và chàng nghĩ thầm : “ Sau mười lăm, mười sáu năm, người ấy còn nhớ mình mặc áo tôi dạ và cái va-li của mình có quai ! Người ấy lại nhớ cả mình vui tính nữa.

Chàng tưởng tượng - tưởng tượng chứ không phải nhớ vì chàng không còn nhớ - chàng tưởng tượng ngay ra một cảnh gặp gỡ ở bến đò, cuộc gặp gỡ giữa cô lái xinh tươi với ông khách có duyên qua bến và như nghe thấy tiếng cười ròn tan trong luồng gió lạnh, như nhìn thấy cái liếc mắt lẳng lơ đưa theo dịp chèo đập nước.

Rồi kẻ đi người ở. Tình vẫn man mác phảng phất như chút hương nhạt trong hai tâm hồn có lẽ không bao giờ gặp nhau.

« Cái áo tôi dạ của thầy... cái baoly có quai của thầy...

Cùng với cảnh chuyển đò gặp gỡ, một cảnh khác hiện ra trong tưởng tượng. Cảnh chờ đợi, nhớ mong. Nguyên như được ngắm cô lái, một đêm trăng ngồi tựa gốc cây gạo nhìn xuống giòng nước mà gửi hồn ruồi theo người khách lạ. Qua khóm lan thưa, lấp ló ngọn lửa con thuyền đánh cá. Xa xa, tiếng chó sủa trong lũy tre âm u.

Rồi hình ảnh người qua đò một ngày một phai cho đến khi mười lăm năm sau, một hôm người ấy trở lại...

Trên đường đất gồ ghề, lồi lõm, chiếc xe sắt hục hặc nhảy chồm như con ngựa bất kham. Nhưng Nguyên vẫn yên lặng bình tĩnh theo giấc mộng liên miên...

CHÁU NHÀ QUAN

Tôi đang ngồi nói chuyện với Tuấn ở phòng khách của anh, bỗng có tiếng gõ cửa khe khẽ, dứt dè. Sau câu « cứ vào » khô khan của bạn tôi cánh cửa từ từ mở. Một người êm lặng bước tới gần chỗ chúng tôi, hé cái cặp da cũ nát, rút ra một tờ giấy biên lai, Tuấn nói ngay :

- Tiền nhà phải không ? Mai ông lại.

Chẳng đáp nửa câu, người đi thu tiền ngấm nghĩa từ chiếc khăn lượt bạc, cái áo the dài với ống tay rộng, cho chí cái quần màu cháo lòng và đôi giày da lằng mòn gót. Cái bộ mặt, cái hình dáng quen quen ấy mang máng nhắc tôi nhớ tới một thời kỳ quá khứ. Tôi liền hỏi bạn :

- Ai thế, anh ?

Tuấn trả lời một cách lơ đãng :

- Cháu chủ nhà.

- Thế chủ nhà là ai ?

- Là một ông cử ông kiếc gì ấy, vì thường nghe người thu tiền xưng « quan cử tôi ». Với lại tôi mới thuê cái nhà này được vài tháng, nên cũng không rõ lắm.

Im một lát, Tuấn lại nói :

- Tên người ấy là Niệm, vì một hôm anh xe của người ấy đến hỏi : « Ông Niệm tôi có lại đây không ? »

Tôi nhớ ra ngay. Anh Niệm học trường Bảo hộ hai mươi năm về trước cùng lớp với anh tôi, và thường đến chơi nhà tôi. Người học trò tuấn tú, có nhan sắc kiêu diễm của phụ nữ, người học trò giỏi Pháp văn nhất lớp mà anh tôi thường đưa các bài luận cho tôi xem, người ấy ngày này đã trở nên bác đi thu tiền nhà, lù dù trong tấm áo lương cũ, kéo lê xệt đôi giày dùm dó ? Còn đâu cặp mắt phượng sáng trong, còn đâu cái miệng cười tươi như hoa hé nở ? Vẫn biết khi người ta bốn mươi tuổi thì người ta không còn trẻ nữa, không còn nhanh nhẹn như khi người ta mười bảy mười tám. Nhưng cái lưng gù, đôi mắt mờ xạm, cái trán dãn deo không hẳn phải là kết quả của bốn mươi năm đã sống.

Ngồi nghĩ lại tôi chỉ nhớ giữa niên khóa thứ ba anh Niệm tự nhiên bỏ học về ở nhà. Rồi băng đi hơn hai chục năm, tôi không nghe thấy nói đến anh nữa. Hình như một lần anh tôi bảo tôi rằng anh Niệm về làm thư ký riêng cho cậu là một ông quan đại thần ai ai cũng biết tiếng.

Đời riêng anh Niệm tôi không biết. Tôi không rõ anh ấy sống bằng cách gì, anh ấy giàu hay nghèo, khổ sở

hay sung sướng. Chẳng qua nhận thấy cái buồn vô hạn trong con mắt anh, và ngắm cái dáng điệu rụt rè của bước đi chậm chậm, tôi đoán hiểu một đời khúm núm, nhút nhát trong một gia đình quyền quý. Thế thôi.

Nhưng hôm đó về nhà, tôi lại nhớ đến một người khác, một người nghèo đói hơn anh Niệm nhiều. Người ấy hiện là một bác nho xác nghiệm ngập ở một huyện kín mà mấy tháng trước đây tôi đã gặp mặt và được nghe thuật lại tiểu sử. Người ấy ngày nay trông tiều tụy quá, na ná như một nhân vật trong tiệm thuốc nấu : nước da đen xạm, môi vêu ra vì má hóp xuống sâu quá. Hai con ngươi, dưới cặp mi hum húp, mờ như đôi kính bám đầy bụi và lò đờ, lười biếng không buồn đưa đi đưa lại nữa; khi muốn nhìn phía nào, cái đầu to phải quay hẳn về phía ấy, cái đầu như vặn chốt quá chặt vào cổ, cử động rất thông thả, khó khăn.

Con người ấy, con người hầu không còn tinh thần ấy, đã một thời oanh liệt. Nói oanh liệt thì có lẽ hơi quá, nhưng người ấy đã khiến cả một tỉnh biết đến tên, và đã làm cho cái tuổi thơ ấu của tôi phải kính phục là một bậc thiên tài, như kính phục của một ông trạng nguyên trong tiểu thuyết Tàu vậy...

Năm ấy tới theo học lớp dự bị trường H. Đ. Cái tiếng tăm lừng lẫy về học vấn, về thông minh của anh Thư - tên người nho - luôn luôn vang động trong tai tôi. Anh

Thư có đủ mọi tài. Một lần anh quên không học bài sử ký dài, thế mà sáng hôm sau đi từ nhà đến trường, anh thuộc trơn tru. Lại một lần đến lớp anh mới nhớ là ngày phải nộp bài luận pháp văn mà anh chưa làm. Tức thì anh cầm bút ngoáy một mạch kín hai trang. Đó là những chuyện người ta thường kháo với nhau. Người ta còn đồn lăm điều lạ lùng về anh nữa, chẳng khác những sự xảy ra trong thời thơ ấu và thiếu niên của các ông trạng Hiền, Mạc đình-Chi vậy.

Trước kia, trường H. Đ. chỉ có từ lớp trung đẳng trở xuống. Năm ấy vì anh Thư, ông đốc Khoát mở thêm lớp cao đẳng lớp nhất. Nhưng gọi là lớp nhất cho long trọng thôi, kỳ thực vẫn chỉ có một lớp. Hơn được cái biển sơn đóng trên khung cửa với hàng chữ : “ Cours Supérieur et Mogen ». Và lớp nhất cũng chỉ có một cậu học trò : anh Thư.

Rồi anh Thư đi thi « xéc-ti-phi-ca » và đỗ cao được « bước » Thời ấy, học trò trường H. Đ đọc đến hai chữ « xéc-đi-phi-ca » và « bước » bằng một giọng kính cẩn, khiếp phục.

Hôm anh Thư đỗ trở về trường chào thầy, thăm bạn, chúng tôi cảm động quá, coi như một ngày vẻ vang không những cho đời anh Thư mà cho cả đời chúng tôi nữa.

Kể thì cũng đáng cảm động thực. Anh Thư là người đi thi bằng tiểu học trước nhất trong tỉnh lại là người được liệt tên trên bảng vàng trước nhất. Có khác gì hai ông Lý Cầm, Lý Tiến của nước Nam thời xưa khi người mình mới bắt đầu học chữ hán !

Để mừng một cách long trọng và xứng đáng cái tài cao, học rộng của anh Thư, chúng tôi góp nhau mỗi người một xu, mua một hòm pháo thực to, rồi nhờ bác loong toong treo lên cái sào dài mà đốt, tiếng kêu ròn rã và lâu tới năm phút đồng hồ.

Chúng tôi sung sướng vỗ tay reo cười. Người sung sướng nhất là ông đốc Khoát. Ông diễn thuyết khuyên chúng tôi theo gương anh Thư, chăm học để sau này làm vẻ vang cho trường cho thầy, cho chúng bạn. Chúng tôi cho đó là những lời mĩa mai chúng tôi, vì tưởng như không bao giờ chúng tôi dám hy vọng theo được cái gương sáng láng của anh Thư.

Buổi tối, ông Khoát đặt tiệc linh đình, mời các ông giáo và chọn mỗi lớp hai người giỏi nhất đến dự. Ông đốc nâng cốc rượu tiết dê, đọc một bài diễn văn nữa, dài hơn và hay hơn, âm ỹ hơn bài đọc buổi sáng nhiều, vì có lẽ về nhà ông đã sửa sang lời nói cho được trơn tru và sang trọng.

Hai năm sau, tôi theo được gương anh Thu. Nhưng sự đắc thắng của tôi chẳng ai biết đến, chẳng ai để ý tới. Vì năm ấy những bảy người thi đậu mà năm trước lại đã có ba người trúng tuyển rồi.

Tôi vào trường Bảo hộ được một tháng, thì anh Thu bỏ học : cái tài cao, cái chí lớn của anh mà ông đốc Khoát đã nhiệt liệt ca tụng chỉ cao, chỉ lớn có đến thế.

Bẵng đi hơn hai mươi năm. Mãi mấy tháng trước đây qua huyện B. tôi mới lại gặp anh Thu. Nếu anh không chào tôi và xưng tên cùng kể lại lai lịch thì tôi cũng không nhận ra được anh. Anh bảo tôi :

- Trông cậu vẫn thế nhỉ ?

Anh quen cái lối xưng hô ngày trước. Bật tin nhau lâu năm, ta thường không kể tới cái thời cách biệt, và ta tưởng «cậu» bạn nhỏ của ta vẫn còn nhỏ như khi xưa. Rồi anh hỏi luôn :

- Bây giờ cậu làm gì ?

Nghe tôi nói tôi làm báo, anh cũng chẳng buồn hỏi để biết tên tờ báo của tôi.

- Lâu nay tôi không đọc báo chí gì hết. Chán lắm cậu a... Tôi chả còn để tâm đến việc gì... Chỉ sống cho qua ngày tháng.

Tôi an ủi anh mấy câu, nhắc lại để làm vui lòng anh cái thời oanh liệt của anh. Anh cười rất buồn, hầu như mếu :

- Chẳng qua là tại số phận cả. Ngày ấy tôi học hết năm thứ hai trường Bảo hộ. Nghỉ hè tôi vào chơi ông chú làm tổng đốc Nghệ an, dịch giúp ông những giấy tờ ở bên tòa gửi sang, làm thông ngôn cho ông khi có các quan tây đến chơi. Chú tôi yêu tôi quá. Mà tôi cũng mến chú tôi lắm, nhất thỉnh thoảng xin cho ai việc gì lại được chú tỏ ưng chuẩn ngay. Vì thế, trong có mấy tháng hè, tôi kiếm được tới ba trăm bạc bổng.

« Và vì thế, hết hè tôi lưu luyến không muốn đi học nữa. Chú tôi cũng muốn giữ tôi ở lại giúp việc tuy không ngờ ý với tôi.

« Tôi từ biệt chú ti ra đi, lòng do dự, trí chán nản. Và chẳng bao lâu, tôi tìm có cái nhau với ông giáo, rồi vùng vằng bỏ học, về xin làm thư ký riêng cho chú tôi. Chú tôi vui mừng lắm, trả ngay tôi một số lương tháng ba chục bạc. Ngày ấy còn hiếm người biết chữ Pháp.

Rồi tôi lấy vợ, sống một đời phong lưu cùng các ông phán bên tòa chơi bời hát xướng, tiệc tùng.

« Song, tuy tôi kiếm tiền cũng khá, nhưng được bao nhiêu, tôi tiêu hết bấy nhiêu, không bao giờ nghĩ tới tương lai...

« Năm năm sau, chú tôi về hưu. Tôi cũng chẳng kịp lo lắng, sợ hãi cho sự sinh hoạt của tôi. Và chú tôi đã hứa sẽ cấp cho tôi ít ruộng ở nhà quê.

« Về hưu được hai năm, chú tôi qua đời. Không thể chịu nổi cái tính hà khắc của các thím tôi, tôi bỏ ra đi...

« Tôi đã theo đủ các nghề, từ nghề làm ở các nhà buôn đến nghề phát vé ô tô cho tới ngày nay ốm yếu phải làm nho, làm cái nghề không lương này »

Anh Thư kết luận bằng một cái mỉm cười đau đớn. Giữa lúc ấy có tiếng gọi :

- Anh Thư, thảo xong tờ bẩm chưa ?

Anh Thư vội vàng bắt tay tôi, rồi ho khan khan bước vào phòng giấy.

SÍN SÁNG

Ông ta là người Tàu :

Tôi cũng không hỏi để biết tên ông ta. Gặp ông ta ở nhà một người bạn, tôi thấy trong câu chuyện tiếng An-nam, cũng như trong câu chuyện tiếng Quảng-đông bạn đều xưng ông ta là « Sín Sáng » nên mấy hôm sau, ông ta đến thăm tôi, tôi cũng chào ông ta là Sín-sán. Rồi từ đấy cái tên Sín-Sáng như thành hẳn tên ông ra, đến nỗi mỗi lần ông ta đến chơi, người nhà tôi đều báo với tôi : « Có ông Sín sáng.»

Sín Sáng là một người bé nhỏ, da mặt xanh vàng. Y phục lúc nào cũng chỉnh tề, lịch sự nữa : mùa nực một bộ gai sáng màu, mùa rét thay đổi hai bộ dạ nâu và dạ tím kẻ dọc trắng. Cái mũ đã cũ nhưng chải chuốt rất sạch sẽ. Còn đôi giày vàng thì thường bóng nhoáng, có thể soi gương được.

Bạn tôi có kể cho tôi nghe cái đời phong trần của Sín-Sáng. Trước kia Sín-Sáng giàu có lắm làm chủ mấy lớp nhà ở phố hàng Ngang. Nhưng vì quá chơi bời phong lưu, nhất vì tính hay giúp đỡ bạn nghèo, nên nay ông cũng hơi túng, có khi đã phải dạy tiếng Quảng đông để sống.

Trước kia, một tuần lễ ông chỉ đến chơi tôi có một lần, vào ngày chủ nhật hay thứ năm vì ông biết ngày thứ năm là ngày tôi nhàn rỗi nhất. Sau mấy câu hỏi thăm, và không chờ tôi mời ông ngồi ngay vào bàn đàn dương cầm đánh chơi vài bài. Ông là một người tài hoa lỗi lạc, cờ cao, đàn hay và yêu văn thơ, cả văn thơ An-nam. Những bạn tôi cho tiếng đàn réo rắt, nhịp nhàng của ông có ngụ một vẻ buồn êm đềm man mác, nhưng tôi đoán rằng sự nhận xét ấy chỉ căn cứ vào cái đời quá khứ của ông. Không rõ lúc mê man trong những âm điệu trầm bổng, tâm hồn ông có sống trở lại, có nhớ tiếc cái thời phóng lãng thừa xua không ? Tôi chỉ thấy một vẻ mặt thản nhiên và bình tĩnh, không vui, không buồn, không bao giờ tỏ nổi băn khoăn về cái đời thực tế eo hẹp. Hai con mắt sau đôi kính sáng gọng vàng mềm bọc nhựa, cũng như cặp môi mỏng ngậm điệu thuốc lá thơm mà ông để cho từ từ chảy, tôi không thấy lúc nào khác lúc nào. Có lẽ ông đã dày dạn với trăm hình vạn trạng của cuộc đời đầy biến đổi, nên không một thứ gì còn làm cho ông cảm động nữa.

Băng đi ba bốn tháng. Sín-Sáng không đến chơi. Chủ nhật hay thứ năm ngồi một mình xem sách, và nhấm nháp chén trà mạn sen nóng, bốc khói thơm, tôi lại nhớ đến người tri kỷ. (Sín-Sáng thường tự nhận là tri kỷ của tôi).

Một buổi, giữa lúc tôi đang bận việc, cửa phòng giấy bỗng mở mạnh ra sau mấy tiếng gõ kín đáo nhưng vội vàng.

- À ! Sín-Sáng !

Tôi không giữ nổi cái mừng đột nhiên được gặp mặt người bạn cách biệt đã lâu ngày.

- Ông bận làm việc, phải không ?

- Không... Cũng không bận lắm..

Chừng Sín-Sáng biết tôi nói dối, nên tiếp luôn :

- Xin ông cứ làm việc. Tôi chỉ đến xem nhờ ông mấy tờ nhật trình.

Tôi đưa cho ông ba tờ báo hàng ngày, rồi để tỏ ra rằng tôi có thể tiếp chuyện ông được, tôi xếp giấy lại bỏ vào cặp và hỏi :

- Sao lâu nay Sín-Sáng không lại chơi ?

- Tôi ốm. ấy cái bệnh hen tôi mắc phải từ khi tôi ở Thượng-hải khỏi hẳn được đến mười mấy năm nay, bây giờ nó lại phát ra.

Tôi ngắm Sín-Sáng quả thấy có gầy đi nhiều, hai con mắt sâu hoắm, gò má đã cao càng gồ lên, nước da đã vàng sẫm càng xạm, càng dãn hơn trước.

Ông yên lặng ngồi xem báo, thỉnh thoảng lại húng hắng ho. Bỗng ông cười ồm lên.

- Sín-Sáng có điều gì vui thế ?

Chen vào giữa dịp cười; một tiếng, một tên :

- Lư-cầu-kiều.

Thì ra Sín Sáng thích chí về việc Lư-cầu-kiều. Và ông như vụt khỏi hết các bệnh, không ho nữa tuy hút luôn hai điếu thuốc lá. Mắt sáng quắc, hai má ửng đỏ, miệng cười rất tươi. Và tính tình ông mọi ngày điềm đạm, trầm mặc, nay trái hẳn, đã trở nên bông bột với sự vui sướng ồm ỉ.

Trong hai giờ chúng tôi chỉ nói toàn chuyện Trung-Nhật. Sín-Sáng tin chắc rằng nước Trung-hoa ngày nay không còn là nước Trung-hoa của bà Từ-Hi dâm đẳng nữa, nước Trung-hoa ngày nay là nước Trung-hoa của bốn trăm năm mươi triệu dân Trung-hoa dưới quyền chỉ huy của một bậc thế giới anh hùng : tổng thống Tưởng-giới-Thạch.

Rồi ông kể cho tôi nghe những mưu cao, những tài dụng binh « Nã-phá-luân của Tưởng Trung-Chính. Nghe ông nói, người ta có thể ngờ rằng ông đã một phen giữ chức thư ký riêng ở phòng giấy tổng thống vì ông biết hết những công việc đã làm và định làm, những

sự nghiệp vĩ đại về quân lược, về kinh tế, về chính trị của Tưởng. Và ông quả quyết rằng Tưởng không làm lỡ bao giờ cả. Tưởng tiêu cộng, đó là mưu của Tưởng để mua khí giới, thực nhiều khí giới. Tưởng bị bắt cóc tại Tây-an, đó vẫn là mưu của Tưởng : Tưởng muốn thân cộng để lo toan việc chống Nhật, nên ngầm ra lệnh cho Trương-học-Lương bắt giam mình..

Đúng bốn giờ hôm sau, Sín-Sáng lại đến, tay xách một bọc gói giấy màu nâu.

- Ông bảo đun nước pha trà man sen đi. Bánh ngọt đây !

Tôi cười :

- Thế thì còn ngôn gì nữa !. .. Chừng Sín Sáng ăn mừng quân Tàu thắng trận ?

- Chính thế.

Sín-Sáng cười hề hề, rồi nhìn tôi, hỏi :

- Ông có biết nhờ về thứ khí giới gì mà quân Tàu đại thắng không ?

Tôi mỉm cười, đáp :

- Chắc nhờ về đội pháo thủ chứ gì !

- Không.

- Hay phi cơ ?

- Cũng không. Chỉ nhờ về đại đao.

Ông đứng chao hai cánh tay gầy về bên phải một cái, về bên trái một cái và nói tiếp :

- Một nhát đưa đi, một nhát đưa lại là rơi hai cái đầu.

Sín-Sáng sang sướng quá, không lần nào nói nhiều bằng.

Tiếng đàn của Sin-Sàng cũng riu rít reo mừng như tiếng cười thích hoan hô thắng trận. Dứt một bài, Sín-Sáng lại ngừng để nói chuyện, rồi lại đánh sang bài khác.

Cử nghe Sín-Sáng thì đại đao ghê gớm lắm, mà người Nhật hình như cũng hiểu thế nên mỗi khi đánh nhau « giáp lá cà, họ thường dùng đến luồng khói đen, khiến bên địch không trông thấy mình. Quân Tàu cũng tinh quái lắm, họ cởi phăng quần ra rồi nằm bò xuống mà tiến : Lúc hỗn đả trong đêm tối, họ sờ soạng vớ trúng người mặc quần là « xả» liền chẳng sai một nhát.

Cách đó mấy hôm hai nước Trung, Nhật vẫn giữ nhau ở Lư-câu-kiều - Sín-Sáng mua hộ tôi một bản địa đồ nước Tàu và tự tay đóng ghim lên tường. Từ đó, mỗi

khi nói chuyện chiến tranh, ông không ngồi nữa, đứng luôn bên địa đồ mà trở từng tỉnh, từng con đường, từng con sông, từng đoạn thiết lộ. Ông như đã trở nên một bậc tướng sùỵ thông thạo võ lược nhìn trậỵ địa mà điều khiển việc hành binh.

Sín Sắỵ không còn một chút nhu mì của nhà nghệ thuật nữa. Đầỵ không nhớ tới, và chuyện chỉ quầỵ quân trong việc Trung-Nhậỵ chiến tranh. Và, vì thế, tôi xin thú thực, ông đã mất một ít cảm tình của tôi : Ngắỵ ông, tôi thấy ông tráỵ ngược với cái chí khí to tát kia quá! Nhiều lần tôi không khỏi mỉm cười, cái mỉm cười mà tôi không dám chắc không nhiễm chua chát, mỉa mai. Khi Sín-Sắỵ về rồi, tôi chợt nghĩ lại và rất lấy làm hối hận.

Thế rồi, hết thời kỳ oanh liệt đến thời kỳ thất bại, khốỵ đồn, thời kỳ mất Bắc-bình, mất Thiên-tầỵ, mất Bảo-định... Sín-Sắỵ sút trong thấy. Người đã gây yếu sắỵ, Sín-Sắỵ càng gây yếu thêm, như không còn đứng vững được.

Nhưng lòng Sín-Sắỵ vẫn vững. Sín-Sắỵ chưa chịu thua. Hi vọng của Sín-Sắỵ còn nhiều. Bốn trăm năm mươi triệu dân Trung-hoa cùng một lòng kháng địch thì lo gì không chống chọi nổi sáu mươi triệu người Nhậỵ

! Ngoài ra, lại còn nước Anh, nước Nga, nước Mỹ giúp tiền, giúp khí giới. Không, Tàu chưa thua, Tàu sẽ được. Cái thắng cuối cùng mới thực là cái thắng mà cuối cùng Tàu sẽ thắng Nhật. Sín-Sáng hy vọng như thế, tin chắc như thế.

Kể đến hồi Nhật bắt đầu đánh Thượng-hải Sín-Sáng cũng bắt đầu đánh những khúc anh hùng ca. Một tháng ròng, mỗi ngày các báo lại, đem đến những tin tức làm phấn khởi lòng yêu nước của Sín-Sáng. Quân Tàu kháng cự hăng hái, can đảm một cách lạ lùng.

Trên tường phòng giấy của tôi lại thêm được bức địa đồ Thượng-hải mà Sín-Sáng đã mua giúp.

Về sau, tôi sinh chán chuyện chiến tranh. Những tên Miếu, tên Trang, tên Trường, tên Hưng, tên Ấp rồi loạn cả trong đầu tôi. Hơn thế, những tin trái ngược lẫn nhau đăng trên các báo làm tôi bức mình, không hứng đọc tới mục Trung-Nhật chiến tranh nữa.

Chừng Sín-Sáng hiểu rõ nên chỉ cặm cụi ngồi xem báo, yên lặng mỉm cười nếu được tin Tàu thắng.

Song những ngày đến chơi của Sín-Sáng dần dần thưa, rồi bằng phẳng. Có lẽ Thượng-hải đã hoàn toàn vào tay người Nhật rồi nên Sín-Sáng không xem báo nữa chẳng ? Phải, xem báo để đọc những tin thắng trận của người thì xem làm gì ?

Cách đây mấy hôm, gặp Sín-Sáng đi thất thểu ở một phố vắng. Tôi chào hỏi, mời về nhà chơi. Sính-Sáng từ tạ rồi bảo tôi :

- Hảo huyền cả, ông ạ. Anh, Nga, Mỹ, đều hảo huyền cả. Còn hội nghị Bruxelles thì trẻ con quá.

Đứng trước dáng điệu buồn nản, thân hình ốm yếu của Sín-Sáng, tôi cố giữ mới khỏi bật cười, tuy tôi nhận thấy hết cả ý nghĩa hài hước của cái hội nghị Bruxelles mà Sín-Sáng đã hy vọng nhiều quá.

NGÀY GIỖ

Trường và tôi ngồi uể oải nói chuyện, vì - tuy không ai thú với ai - hai người đều buồn ngủ nhưng đều do dự chưa bắt tay từ giã nhau. Bỗng Trường tò mò nhìn chòng chọc vào cái lịch treo trên tường. Rồi hoảng hốt kêu :

- Hôm nay mười tám tháng hai ?

Tôi cười đáp :

- Anh mê ngủ ? Nay còn là mười tám tháng hai ?

Tôi quay trở lịch, nói tiếp :

- Chũ 6 Avril to thế mà anh trông không rõ ?

- Không, tôi nói ngày an-nam, mười tám tháng hai an-nam.

- Trường chậm rãi đánh diêm hút thuốc lá, mắt theo khói mơ màng nghĩ ngợi. Tôi không dám hỏi anh nữa, vì ngấm vẻ mặt buồn của anh, tôi đoán chừng ngày mười tám tháng hai là một ngày kỷ niệm đau đớn trong đời anh.

Nhưng tôi kinh ngạc xiết bao khi thấy Trường phá lên cười, cười rất vui vẻ thẳng thắn.

- Cái gì mà thú thế ?

Không đáp lại câu hỏi của tôi, Trường như nói một mình :

- Chết chữa ! quên bằng đi mất, hôm nay mười tám tháng hai mà tôi không ra Hải-phòng cúng giỗ thằng Lương, theo như lời tôi đã hứa với anh Đình.

Tôi mĩa mai :

- Thế mà anh cười được ?

Trường tàu ngay nét mặt và thở dài bảo tôi :

- Câu chuyện thâm quá, mà vẫn tức cười quá anh ạ !

Rồi anh kể luôn :

- Ngày mười tám tháng hai năm ngoái ra Hải-phòng có chút việc, tôi gặp anh Đình. Anh ấy mời tôi đến « dự lễ cúng giỗ » thằng Lương.

Tôi ngắt lời :

- Lương, người con giai lớn của anh Đình ?

- Phải đấy, anh ấy yêu nó lắm, lại quá nuông nó nữa. Anh tính nó mới mười sáu tuổi đầu mà anh ấy đã coi như một người lớn, như một người bạn vậy, muốn gì cũng cho phép, đến nỗi dám đưa nó đi bar, đi dancing. Thôi thì uống rượu nói đùa gái, chẳng một thứ gì nó

thích mà anh ấy cấm đoán, lại dạy cả nó tập khiêu vũ nữa. Anh em bạn có khuyên anh ấy không nên để nó quá tự do như thế, thì anh ấy gạt phắt :

« Chà ! việc quái gì. Ngày tôi mười sáu tuổi, tôi đã nếm đủ mọi mùi đời. Thế mà bây giờ tôi cũng chẳng hư... chẳng hư lắm.

« Và anh ấy cười vang, nói tiếp :

« Và làm người An-nam, ta chỉ được hoàn toàn hưởng tự do vào cái quãng mười sáu, mười bảy cho tới hai mươi. Vậy can chi mình lại vội làm mất chút tự do quý báu của nó ?

« Hẳn anh biết tính anh Đình, lúc nào cũng vui vẻ cười đùa. Những tư tưởng chua chát đến đâu anh ấy cũng mặc được cho nó cái hình thức hài hước trào lộng.»

Tôi cười đáp :

- Tôi còn lạ gì anh Đình, sắp đánh nhau với người ta anh ấy cũng còn pha trò... Vậy thằng Lương con anh ấy chết rồi ?

Thì cố nhiên nó chết rồi mới có ngày giỗ. Nó chết về bệnh thường hàn. Nhưng cái tin nay tôi không biết, vì đã bằng mấy năm tôi không gặp anh Đình, nên lúc nghe anh vui cười mời đến nhà cúng giỗ con, tôi vẫn tưởng

anh ấy nói đùa. Thấy tôi ngo ngác, anh Đình lại cười, nhưng lần này cái cười không tự nhiên nữa. Nghe nó thê thảm thế nào ấy. Rồi anh ấy bảo tôi :

- Anh lấy làm lạ, phải không ?

Nhưng có gì lạ đâu ! Mười bảy tuổi với bảy mươi tuổi thì có khác cóc gì nhau ! Đi được sớm, càng chóng thoát nợ đời.

Tôi an ủi anh Đình một câu :

- Vâng, anh nói rất đúng, sống có thú gì đâu. Nó đi sớm ngày nào là sướng cho nó ngày ấy, chỉ khổ những người ở lại...

Anh Đình vẫn cười :

- Nhưng tôi cóc khổ !

« Chúng tôi đến sở, chỗ anh Đình làm việc. Anh ấy báo qua người chủ rằng buổi chiều anh ấy nghỉ vì là ngày gỗ con anh ấy, rồi nghiêm nhiên đánh ô-tô của sở cùng tôi ra đi.

« Một phút sau xe đỗ trước cửa một nếp nhà lá. Tôi đang loay hoay tự hỏi tại sao lại phải dừng đến ô-lô để đi một quãng đường chỉ dài chừng năm trăm thước thì đã thấy từ trong nhà ló nhô bước ra một đám đông tới ngoài hai chục người mà quá hai phần ba là thợ thuyền

mặc quần áo màu chàm. Trong bọn, tôi nhận được một người ngày xưa học cùng lớp với anh Đình và tôi.

« Anh Đình chẳng bắt tay ai, chẳng chào hỏi ai, hấp tấp chạy vào trong nhà. Một lát anh ấy vác ra và đặt lên ô-tô một vật gói giấy nhật trình và buộc chằng giây gai, rồi đánh xe đi thẳng.

« Người bạn học cũ bảo cho tôi biết rằng anh ấy đi viếng mộ con rồi sẽ quay về ngay. Lần này là lần giỗ thứ hai nên hình như ai nấy đã biết trước những việc sẽ xảy ra.

« Quả thực, vào khoảng nửa giờ sau, anh Đình đã trở về. Thấy mọi người chạy vội đến bên xe, tôi cũng làm theo. Trong xe, một bức ảnh phóng đại, ảnh Lương, con anh Đình. Bốn người xúm xít vào kiềng cái khung gụ lồng kính không lấy gì làm nặng. Cảnh tượng rất có vẻ khôi hài, tuy mặt ai nấy đều cảm động đầy tình thương sót. Chỉ một mình người cha là vẫn vui vẻ như thường, vừa bước theo nhịp For-trot vừa hát :

« - On n'a jamais vu ça.

« Anh ạ, lúc bấy giờ tôi chẳng muốn có mặt ở đây một tí nào, vì tôi phải cố mới nhịn được cười, mà lòng tôi thì thổn thức nước mắt chỉ chực trào ra.

« Thấy tôi ngỡ người bạn ghé tai thì thầm :

« Anh Đình ôn lại cuộc rước linh cữu con từ bệnh viện về nhà.

Tôi chau mày hỏi :

« - Nhưng sao lại hát thế kia ?

« Người bạn đưa tay lên miệng che cái mỉm cười :

« - Anh Đình bảo hát thế cho đỡ buồn. Vội lại bài hát ấy còn sinh thời, Lương vẫn thích và hát cả ngày...

« Người ta để ảnh lên bàn, dựng dựa vào vách, sau một cái bình hương. Hai bên bình hương một cây sừng, một bát nước lã và một đĩa tây lớn đầy cánh hoa hồng.

« Ai nấy buồn rầu suy nghĩ. Bỗng trong yên lặng hoàn toàn, tiếng máy hát dè dè vì đĩa hát đã cũ :

« On n'a jamais vu ça.

« Tức thì Đình cũng hát theo, vừa hát vừa khóc, vì cùng một lúc, cặp môi anh ấy hé ra rất tươi, để lộ hàm răng trắng rất đều, mắt anh vẫn lặng lẽ để hai hàng lệ chảy ròng ròng xuống má và nhỏ từng giọt xuống áo.

« Trong khi ấy, anh em bạn lần lượt tiến đến trước ban thờ, rút một que hương châm vào cây nến cắm vào bình hương, bốc một nắm hoa hồng rắc chung quanh rồi cúi đầu đứng độ một phút hoặc im lặng, hoặc sụt sùi

khóc.

« Những cử chỉ nhiệm tôn giáo ấy trang nghiêm biết bao, cảm động biết bao, mà hài hước biết bao ! Vì không để ý tới, người ta đã theo nhịp Fox-trot mà tiến bước, mà cảm hương mà rắc hoa : lòng thành kính, tình thương sót đã thu lấy hết cả tâm hồn, người ta chỉ còn như cái máy bị điệu âm nhạc huyền bí đưa đi.

« Anh Bình vẫn hát theo đĩa, và chóc chóc lại lên thêm giây. Khi hết bài, anh ấy chẳng kịp thay kim, nhắc vội cái ổ phát thanh đặt lại từ chỗ bắt đầu.

« Đến vòng thứ ba, tiếng hát đã dè dè vì đĩa cũ, càng dè dè thêm vì kim nhụt.

« Máy lần tôi toan lại bên anh Đình để an ủi mấy câu. Ngắm cái vui vô lý và không phải lúc, cái vui thâm diệu cuồng của anh ấy, tôi không sao cảm được nước mắt. Nhưng chân tôi vẫn gián xuống nền đất, mắt tôi vẫn đưa đi đưa lại từ anh Đình và cái máy hát tới ban thờ với những người đến làm lễ. Tôi ngây ngất ngỡ ngàng như lạc vào một nơi dị kỷ, xa lạ...

« Bỗng tiếng anh Đình gọi :

« - Kia anh Trường, đến lượt anh chứ ?

« Theo liền sau, một dịp cười khanh khách.

« Tôi giật mình tiến đến trước ban thờ. Chẳng rõ tôi có bước theo nhịp Fox-trot không, tôi có cảm hương, rắc hoa theo nhịp Fox-trot không. Tôi chỉ nhớ khi đứng trước ảnh Lương xinh đẹp và trẻ măng với cái miệng cười tươi để lộ hàm răng trắng ruột tôi muốn khóc òa lên, khóc thực to cho nước mắt tắc ở họng trào ra được, khỏi làm tôi nghẹn ngào khó thở.

« - Bây giờ đến lượt tôi làm lễ cháu.

« Nghe câu nói, tôi vội lùi ra để nhường chỗ cho anh Định. Anh ấy chống hai tay vào sườn đi bài khiêu vũ ở trước ban thờ, miệng vẫn hát theo đĩa và hát cao hơn trước. Đến cuối bài, anh ấy buông tay ngả đầu chào về phía bức ảnh như khi ta cảm ơn người kỹ nữ của ta, sau một bài khiêu vũ. Rồi anh ấy quay ra hô :

« - Lễ tất !

« Một phút im lặng, cái im lặng đau đớn, nặng nề, khó chịu. Có lẽ anh Định cũng nhận thấy thế, vì anh vội reo lên cười, nói :

« - Xin cảm ơn các anh đã nhớ ngày giỗ cháu mà đến mừng cho nó.

« Ở bên ngoài, trời mưa phùn, trận mưa tạnh được hai ngày, lúc ấy lại bắt đầu che u ám hàng cây to ở phía trước nhà.

« Chúng tôi từ biệt anh Đình ra về, và để an ủi anh, chúng tôi cùng hứa với anh rằng ngày mười tám tháng hai năm sau sẽ lại đến dự lễ cháu Lương.

« Vì thế, hôm nay chợt nhìn lịch thấy ngày mười tám an-nam, tôi lấy làm ân hận đã sai lời hẹn.»

Anh Trường đứng dậy bắt tay tôi tiếp :

- Thôi, chào anh, tôi phải đi gửi ngay giấy thép cho anh Đình mới được.

Trên thang gác văng vẳng tiếng hát của anh Trường.

On n'a jamais vu ça....

ĐIỀU THUỐC LÁ

C húng ta ai không có một câu chuyện « điều thuốc lá ». Các anh ở Pháp về sẽ thuật cho bạn nghe những chuyện đau đớn, khi túi đã cạn tiền những phút cảm động, khi nhặt được mấy mẫu đầu thuốc lá trong khe tủ, dưới gầm bàn, trên ổ khóa. Những thi sĩ sẽ ca tụng cái thú thần tiên ngồi ngắm khói thuốc lá giữa lúc câu thơ sắp hiện hình trong khối óc. Nhiều nhà văn sẽ kể lại cái giật mình kinh hoàng trong đêm khuya, khi chuông đồng hồ dè dè điểm hai tiếng, vội liếc nhìa đĩa gạt tàn thuốc lá đã cao có ngọn...

Nhưng chuyện của tôi đây sẽ không có những thú vị, những ủy khúc nên thơ như thế. Nó sẽ là xin nói ngay, một câu chuyện trẻ con, rất trẻ con.

Thời ấy, tôi mới độ chín mười tuổi.

Một hôm tôi đứng xem anh tôi và ông Cử Thầy đánh cờ. Anh tôi hai tay ôm đầu, mắt đăm đăm nhìn xuống bàn cờ chùng để tìm gỡ một nước bí. Còn ông Cử Thầy thì điềm tĩnh, không nghĩ ngợi, ngừng mắt như chú mục vào một người tưởng tượng, đương từ cửa đi vào. Sự thực, thì ông ta chẳng nhìn gì hết, vì một lẽ rất giản dị : ông ta mù.

Thỉnh thoảng cặp môi mỏng và thâm của ông ta lại bỏ rơi nụ cười hầu hết tuyệt để kéo một hơi thuốc lá, rồi khi điều thuốc đã đặt y nguyên chỗ cũ trên thành bàn cờ sơn son, nụ cười lại trở về đậu lên hiện cái miệng hé mở, tựa con chuồn chuồn trên mặt ao không bao giờ chịu rời hẳn bông hoa muống sau mỗi cái giật mình cất cánh bay đi.

Tôi đứng ngắm ông Cửu Thầy, và như bị cái dáng điệu, cái cử chỉ lạ lùng thôi miên, mắt tôi đưa từ đôi kính đen bóng, từ hàng răng đen láy, đến điều thuốc lá với sợi khói xanh từ từ xoáy tròn ốc cát lên.

Và tôi lấy làm thán phục ông ta, vì thấy ông ta không sờ soạng tìm như mọi người mù, nhưng rất tự nhiên cầm điều thuốc đưa lên môi, như một người hoàn toàn có đủ ngũ quan. Nào phải ông ta là mờ trông thấy ngoại vật cho cam ! Ông ta mù tịt, mù một trăm phần trăm. Mà điều ấy chính tôi đã nhận thấy rõ ràng, một hôm tôi đứng nhìn ông ta tháo kính uốn nắn lại đôi gọng đồng : Hai con mắt ông ta cùng không có con ngươi và lõm hẳn vào, hai mép mi như khâu liền lại nhau. Người nhà tôi còn nói một lần đến cúng kỵ, vì thằng con ông ta bỏ chạy chơi không dẫn lối cho ông ta, ông ta đã lẽ bõn lẽ sang phía bên cạnh bàn thờ. Nhưng điều này tôi quyết không thể có, chẳng qua người ta chỉ bịa đặt ra để giảm giá ông Cửu Thầy, vì tôi tin chắc rằng ông ấy không

làm sai lầm một việc gì, không đi sai lạc một con đường nào : con mắt tinh thần của ông còn sáng suốt hơn con mắt thịt của chúng ta nhiều.

Cái tài đoán trông mọi việc của ông, bọn người sống chung quanh tôi thường thêm thắt truyền tụng, đến nỗi đã in sâu vào khối óc thơ ấu của tôi cái ảo thuật lạ lùng của ông thầy bói lạ lùng ấy. Vì ông Cử Thầy chính là một ông thầy bói, một ông thầy bói cao quý của quan trường. Thiên tiêu sử của ông mà người ta thuật đi thuật lại bằng một giọng bí mật càng làm tôn giá trị ông lên và đã khiến tôi đặt ông ngang hàng với những nhân vật kỳ dị trong những truyện Chinh-đông, Chinh-tây, hay Đông-Chu-liệt-quốc mà ông thường kể cho anh em chúng tôi nghe bên khay đèn thuốc phiện sáng bóng.

Ông mù năm mười tám tuổi, sau một khoa thi mà ông không may bị loại ở kỳ phúc hạch. Từ đó ông đi chu du thiên hạ để đoán việc dở, hay cho người đời. Một hôm, ông đến chơi một ông tổng đốc lĩnh chức khâm sai đi giệp loạn Đốc Tít, giữa lúc ông tổng đốc sắp sửa cất quân lên đường. Ông gieo một quẻ, đoán sẽ xảy ra sự bất trắc và quan quân sẽ mất đầu hết ở một quãng đồi Tây. Ông tổng đốc lo lắng, rụt rè không dám vội tiến binh, liền cho một đoàn thám tử mười người cưỡi ngựa phi qua đồi Tây để dò xét tình hình hư thực. Quả nhiên bọn thám tử đều bị câu liêm bên địch dượt mất thủ

cấp. Được tin, ông tổng đốc thở ra khoan khoái : ngài vừa thoát cái nạn làm con ma không đầu. Túc thì ông thầy được ngài ban cho hàm cửu phẩm và từ đó ông đã nghiễm nhiên có cái tên ông « Cửu Thầy ».

Một lần nữa mà lần này chính tôi được mục kích - giữa một trận bão dữ dội, một trận bão đổ cửa đổ nhà, nhổ bật cây, uốn cong cột giây thép, ông đã dám một mình nằm ngủ một giấc ngon lành trong gian nhà học mảnh yếu của chúng tôi. Thấy cụ cử và anh em chúng tôi rời đi nơi khác, ông chỉ mỉm cười nói một câu bí mật: « Không hề gì đâu ! » Quả không hề gì thật. Gian nhà học chênh vênh trên nền cao vẫn đứng vững sau trận bão.

Tôi tò mò đứng ngắm cái mặt bình tĩnh như mặt hồ phẳng lặng, ngắm hai ngón tay diễm ảo rón rén cầm điều thuốc lá nhẹ nhàng như hai ngón tay thiếu nữ cầm sợi chỉ sỏ trúng ngay cái lỗ trên kim, và trí tôi âm thầm ôn lại những chuyện trên kia.

Bỗng nảy ra trong óc tôi một ý kiến ngộ nghĩnh : tôi muốn giấu điều thuốc lá đi xem ông Cửu Thầy có đoán biết không, hay vẫn cứ rón rén hai ngón tay để cầm một vật đã mất. Tôi mon men lại đứng sát bên giường, mắt gián vào điều thuốc. Và tôi thò tay ra rồi lại rút tay về,

lòng phân vân, sợ hãi. Như có tiếng thì thảo xui giục tôi : « Cứ thử xem nào !. .. » Nhưng tôi vẫn không dám liều.

Một lần tôi đã quả quyết, mạnh bạo đưa bàn tay ra. Nhưng, như đoán rõ ý tôi hai ngón tay ông Cử Thầy đã tới đích trước, khiến tôi càng kinh ngạc...

Về sau, tôi cũng làm nổi cái việc dự định của tôi, cái việc nó ám ảnh tôi một cách mãnh liệt. Mà là nổi là nhờ về một cuộc cãi lộn của hai kỳ thủ : Lúc ấy anh tôi khê nói với bên dịch nước cờ vừa đi của mình. Tức thì, không ngần ngại, hai ngón tay ông Cử Thầy rón rén hạ xuống bàn cờ, như cái mỏ con gà mái thông thả hé ra, nghiêng nghiêng hạ xuống đất để đón một cái mồi chắc chắn và béo bở. Nhưng cái kim tay cặp không khí. Tôi cho là ông thầy làm chỗi và mỉm cười nhìn ông : cái mỉm cười bí mật của ông đáp lại liền. Còn đáp lại anh tôi thì ông thầy chỉ dùng lời nói :

- Thôi, xin hòa, vì con ngựa của tôi đã bị người ta... bắt trộm mất rồi, tôi còn đánh chác làm sao !

Anh tôi cãi lại :

- Ông nói lạ ! Có phải ông ngờ tôi giấu quân mã của ông không ?

- Không, cậu không giấu, cậu chỉ nhặt để ra giường

thôi. Kia kia, quân mã của tôi kia kia !

Vừa nói, ông Cử Thầy vừa giơ tay trở vào chỗ những quân cờ mà anh tôi đã chặt được, y như một người sáng mắt vậy. Lòng kinh phục của tôi đối với ông thầy bói đã lên đến cực điểm. Và tôi càng quả quyết thi hành việc dự định của tôi. Nhân ông không lưu ý tới, vì đương tức tối với anh tôi, tôi cầm ngay điều thuốc lá giấu đằng sau lưng. Liên lúc ấy hai ngón tay của ông lò cò rón rén hạ xuống bàn cờ. Tôi sợ hãi luống cuống, vội vàng lại đặt điều thuốc vào chỗ cũ. Tôi vội vàng quá nên đặt ngược, đầu có lửa cháy quay vào phía trong.

Chừng mãi cãi lý với anh tôi, ông Cử Thầy không kịp đoán biết điều bất trắc, sự biến cố thành linh ấy. Nghiễm nhiên, không ngờ vực, ông cầm thuốc hút. Bỗng ông giật mình đánh rơi điều thuốc xuống đất : ông vừa đưa đầu có lửa vào môi.

Nhưng cái mỉm cười của ông không vì thế, cũng như không vì việc mất trộm ngựa, mà héo rụng. Nó vẫn nở tươi như đóa hoa hàm tiếu ở trên cặp môi ông, tuy cặp môi ấy chắc chắn đã bị bỏng, vì tôi thấy thỉnh thoảng ông lại thè lưỡi ra yên lặng lia quanh một vòng.

Rồi trong khi anh tôi chịu thua bày lại quân cờ để đánh ván khác, ông thần nhiên móc túi lấy gói thuốc lá, đánh diêm châm một điếu khác mà vẫn như trước,

mỗi lần kéo xong một hơi, ông đặt xuống thành bàn cờ, y nguyên chỗ cũ. Có điều ông cẩn thận hơn, trước khi hút, ông đưa ngón tay ra sờ qua xem đầu nào nóng.

Từ hôm ấy, luôn luôn ông Cửu Thầy nhìn tôi, mỉm cười, cái mỉm cười lặng lẽ, bí mật, ghê sợ nữa. Tôi cố nhớ đến cái mù của ông mà cho rằng ông không nhìn tôi, không mỉm cười với tôi. Nhưng không sao được, tôi vẫn nhận thấy rõ rệt hai cái mắt kính đăm đăm thu lấy hình tôi. Hơn thế, cái nhìn đen còn theo đuổi tôi cả những lúc tôi đứng một mình, cả trong những giấc chiêm bao của tôi. Tôi yên trí chắc chắn rằng thế nào rồi ông Cửu Thầy cũng trả thù tôi một cách đích đáng. Mà một ông thầy bói cao tay lại lắm mưu nhiều kế như ông ta đã định trả thù ai thì thực chẳng biết đâu mà coi chừng, mà tránh thoát được.

Vì thế, tôi lo lắng, ăn mất ngon, ngủ mất yên, mong cho chúng tới ngày ông từ biệt nhà tôi để cùng thằng con cắp tráp theo hầu đi chu du thiên hạ. Nhưng, hình như không bao giờ ông ta đi, và ngỏ ý muốn đi. Hay ông định ở lại cho kỳ báo được thù ?

Tôi càng sợ hãi khi thấy ông ta phô diễn sự trả thù thằng con một cách quỷ quyệt lạ lùng. Ông ta mỉm cười gọi :

- Con ơi !

Rồi rất ngọt ngào :

- Con lại đây thầy bảo thăm điều này. Thằng con vì biết mình có lỗi, rụt rè chưa dám vâng lời ngay. Nhưng về sau như bị đôi kính đen của cha thôi miên, nó mon men lại gần... lại gần... Ông Cử Thầy vẫn mỉm cười, đợi. Bỗng nhanh như con bói cá chộp mồi, bàn tay trái ông bỏ xuống nắm lấy cái chòm tóc rối trong khi bàn tay phải tát luôn một chập đến gần chục cái rất mạnh rất kêu trên hai má thằng con khốn nạn...

Đoạn đầu lại hoàn đầy. Nụ cười tươi, bí mật, đôi kính đen vẫn lãnh đạm nhìn thẳng vào mắt tôi.

Tôi không ngờ vực gì nữa. Những cái tát kia - là cốt để bảo cho tôi biết trước rằng sự trả thù của ông thầy bói sẽ ghê gớm đến bậc nào...

Nhưng sáng hôm sau ông Cử Thầy từ biệt ra đi.

Ngày nay thỉnh thoảng đăng tri cảm ngược điều thuốc đưa gần môi, tôi lại nhớ tới câu chuyện thời còn nhỏ, và tôi mơ màng như nhìn thấy đôi kính đen và cái miệng cười sau sợi khói xanh từ từ soáy tròn ốc cất lên.

TIẾNG KHÈN

Nhiều lần, tôi nghe tiếng khèn. Và tôi chắc ai lên Chapa cũng đã được thưởng món âm nhạc Mèo ấy một cách dễ dàng như tôi. Ngày phiên chợ, chỉ việc tặng chú tài tử Mèo dăm xu là chú ta cúi khom ngay lưng xuống mà vừa thổi vừa nhảy lò cò chung quanh một cái vòng tròn tưởng tượng.

Nhưng trong hai đêm tiếng khèn đã gieo vào lòng tôi sự buồn thảm nặng nề và sự rùng rợn ghê gớm.

Đêm hôm ấy, gió mưa hắt lạnh đánh thức tôi dậy. Tôi vội vàng đóng cửa kính. Bỗng tiếng khèn ở dưới đường đưa lên rầu rĩ, trầm dài một điệu.

Tôi ra hiên nhìn xuống : Một người Mèo trong thả đi trong mưa, lên giốc khách sạn Trung-Uơng và tiến về phía nhà Bru chính.

Tiếng khèn xa dần, nhỏ dần. và một lát, tôi tưởng tôi mơ mộng, vì tiếng sè sè vẫn còn như vương vấn, ngân nga tựa tiếng ve từ nơi thung lũng xa xăm nào bay tới.

Nhưng chỉ nửa giờ sau tôi đã nhận thấy rằng tôi không mơ mộng. Tiếng khèn quả thực chưa ngừng... Một lúc một rõ, một gần. Rồi từ phía chợ đi lên, nhà tài tử Mèo

vẫn lom khom, thông thả đi trong mưa với cái ống tiêu Mèo dính liềm miệng,

Lúc đó, từ trong bóng tối, dưới mái quán chợ, một người lính cảnh sát ném ra mấy câu tiếng Mèo. Nhà âm nhạc đứng thẳng lên lắng tai nghe, cái kèn vẫn không rời môi. Rồi chẳng đáp lại nửa lời, hắn nghiêm nhiên thổi tiếp, vừa thổi vừa đi về phía sở Bưu chính.

Lần thứ ba, đợi người Mèo đi qua nhà tôi gọi to :

- Ê ! này !

Hắn ngừng lên nhìn, ngơ ngác. Tôi đọc luôn một câu tiếng Mèo mà tôi đã học thuộc :

Một sáng hát thư ? (Đi chơi đâu đấy)

Hắn cười phô bàm răng trắng và trả lời đùa :

- Sáng ká. (Đi chợ)

Tôi hỏi lại :

- Sáng ká ?

Không tìm được tiếng Mèo nào nữa, tôi nói tiếng An-nam :

- Thổi kèn hay lắm, nhưng sao đêm khuya không đi ngủ ?

- Khuya gì mà khuya !

Sự thực, lúc bấy giờ đã hơn ba giờ sáng. Người Mèo nói tiếp :

- Đi ăn cỗ cưới, uống rượu nhiều, bây giờ buồn, đi thổi khèn chơi.

Rồi hấn lại đi thẳng, tiếng khèn dần dần lẫn trong tiếng mưa.

Cuộc dạ du lạ lùng ấy khiến tôi nghĩ ngợi mãi : Đi chơi đêm dưới trời mưa ? Hấn say rượu ? Nhưng sao hấn lại bảo hấn buồn vì vừa ăn cỗ cưới về ? Đi ăn cỗ cưới sao lại buồn ?

Biết bao câu hỏi làm tôi băn khoăn.

Năm sau, cũng một đêm mưa, tiếng khèn một dịp buồn ấy tôi lại được nghe ở một trường hợp khác hấn trong một túp nhà Mèo, dưới thang lung Ý-lìn-hồ.

Thung lũng Ý-lìn-hồ, chiều chiều ngồi chơi trên hòn Núi-Đen hay dạo mát trên những con đường cao, tôi thường đứng lại ngắm. Nó ở sâu hoắm, sát ven sườn Fan-si-pan. Hai bên giòng nước trắng long lanh, khuất hiện trong khóm mai, rải rác những túp nhà tranh nhỏ sếu, trông như những đồ chơi bằng sành mà người ta

gắn vào cái non bộ nhẵn nhụi, xinh xẻo. Có khi trong một vòng u ám dưới sương, mây bao phủ, thung lũng Ý-lìn-hồ tựa một cảnh thần tiên hiện ra, rực rỡ ánh nắng vàng, hiện ra mấy phút rồi lại lặn vào trong sương mờ, mây trắng từ ngọn núi chìm dần xuống.

Trưa hôm ấy, ăn cơm xong, tôi mang máy ảnh đi về phía Cầu Mây, để tìm lối xuống thung lũng Ý-lìn-hồ. Tới đỉnh một quả đồi cỏ tranh nọ cao và xanh tốt, tôi ngồi lại nghỉ. Ngay dưới chân, sau chừng ba, bốn trăm thước, những ruộng thành bậc bao quanh suối lượn vòng trông như những ngấn nước lan rộng trên mặt hồ có gió.

Tôi thấy những thửa ruộng xanh ấy gần quá và tưởng có thể chạy tuốt từ đỉnh đồi xuống được. Và tôi đi liền.

Nhưng mãi hơn hai giờ sau tôi mới tới nơi. Không ngờ đường xá xa đến thế ! Dầu sao tôi cũng không tiếc công, vì cảnh Ý-lìn-hồ trùng vĩ và xinh đẹp. Cái lạch nước êm lặng mà tôi thấy khi ngồi ngắm từ trên cao, kỳ thực là một con sông, nước réo âm âm, dữ dội như tiếng thủy triều đương dâng. Đứng trên cầu mây tôi chóng mặt, rợn người nhìn bọt sóng sùng sục sôi quanh những tảng đá lớn, đen và xám.

Sang bờ bên kia, tôi loay hoay chụp ảnh. Bỗng một cảnh tượng làm tôi lưu ý. Một người Mèo đầu đội nón

sơn, vai đeo cái khèn, dắt một con ngựa thồ mang hai bên sườn hai cái lẵng. Màu tía của con vật, màu chàm của bộ quần áo, màu vàng bóng của đôi lẵng in lên màu trắng bóng của giòng nước cuộn cuộn chảy : một bức tranh tàu nét vẽ già giặn, hình sắc nhịp nhàng.

Tôi vội lại gần dương máy chụp ảnh. Và tôi kịp nhận ra rằng đó chính là người Mèo thổi khèn trong đêm mưa năm trước mà tôi đã gặp nhiều ngày phiên chợ ở sông sóc đĩa, ngồi xồm trên phản, thét lớn nhắc lại, mỗi khi mở bát, câu bán chẵn bán lẻ của nhà cái :

- Xoóng lưỡng khoái !

- Tán pê khoái ! (Chẵn thừa hai đồng. Lẻ thừa ba đồng)

Tôi mỉm cười gật chào và hỏi :

- Anh đi đâu đấy ?

Người Mèo buồn rầu đáp :

- Tôi đi viếng đám ma.

- Có gần đây không ?

Người kia gật.

- Tôi đi với nhé ? Có được không ?

Người ấy lại gật.

Tôi theo người Mèo rẽ vào một xóm nhỏ. Thưa thớt độ mươi nóc nhà sau rặng mai cao.

Qua con đường lầy lội, đầy bùn đen, chạy theo ven đồi, chúng tôi tới một nếp nhà dài và thấp. Đầu hồi nhà, mấy cây đào chi chít quả vàng, và buộc vào gốc đào hai con ngựa thồ gậy và lăm.

Thấy người Mèo dừng lại, tôi hỏi :

- Đây ?

Người ấy gật. Hắn thò tay vào một bên lẳng kéo ra một chai rượu, rút nút lá ngô, giốc tu uống luôn mấy tợp. Rồi nghiêm nhiên đưa chai rượu cho tôi.

- Uống nhá ?

Tôi lắc đầu sua tay từ chối.

Người Mèo vác hai cái lẳng vào hiện nhà. Một người Mèo bước ra tiếp. Người ấy tóc điểm bạc, mắt dữ tợn, thân thể vạm vỡ.

Một ông già quắc thước, trắng kiện.

Chủ và khách nói với nhau đồng dục như trên sân

khẩu tuồng Tàu, rồi cùng cất tiếng khóc. Liền lúc ấy, ở trong nhà có tiếng khóc đáp lại.

Khóc xong, họ lại nói với nhau những câu mạnh mẽ và ngắn chỉ độ bốn, năm tiếng. Đoạn, khách lấy trong bọc ra một cái chén lớn, rót đầy rượu đưa mời chủ. Ông già đỡ chén chấp tay vái dài một cái. Khách cũng vái lại. Sau ba lần đôi bên kính cẩn chào nhau như thế, chủ mới nung chén rượu đặt trở lên môi, không uống. Đoạn thông thả chiết vào cái sừng trâu đeo thùng lẳng bên cạnh sườn như cái vỏ dao.

Khách lại rót chén rượu thứ hai và cuộc thù tiếp cũng phiền phức, kiêu cách chur lần trước. Mời xong chén rượu thứ ba, khách mới chịu theo chủ bước vào trong nhà làm lễ viếng. Tôi xin phép chủ nhân theo vào.

Ba gian nhà rộng. Ở gian giữa, trên một cái đá gồ cao và dài kê sát vách, người chết - một thiếu phụ - nằm ngửa, hai tay buông xuôi, mặt che miếng vải xanh. Khách trịnh trọng lại gần, cầm cái phát trần lông gà phe phẩy : Tức thì đàn ruồi đen bay tản ra. Tôi ghê sợ lùi lại một bước đầu chạm vào một vật nhân. Ngửng lên thì đó là một miếng thịt lợn sống mán còn nhỏ giọt mà họ treo vào cây sắt gác ngang từ cửa tới chỗ cái thây ma.

Cặp mắt mờ lẹ của người Mèo trẻ tuổi đưa nhìn từ đầu đến chân thiếu phụ. Rồi từ từ, run run, tay nhắc hần

miếng vải che mặt người chết ra. Một lần nữa đàn ruồi bay lên tua tủa, khiến tôi kinh hoảng đi ra phía cửa.

Trong lúc khách vừa khóc vừa kể lẽ từng đoạn rất lâu, giọng lên xuống như lời ca than vãn, thì chủ cho cử nhạc : Một người lom khom nhảy ở trước linh sàng, và một người nữa cầm dùi gõ nện vào cái mặt trống căng chàng để rõ nhịp.

Bài điệu ca dài tới hai mươi phút thỉnh thoảng lại lấp trong tiếng khóc của họ hàng người chết cất lên từng hồi. Bỗng khách đứng im suy nghĩ, rồi vừa nói với chủ nhân, hấn vừa tháo cái khèn mang theo để hòa với phường nhạc của tang gia. Tôi cố nhịn mới giữ được khỏi bật cười vì tôi thấy anh Mèo của tôi đáng điệu ngây thơ và ngộ nghĩnh quá.

Mãi đứng ngắm, tôi không biết rằng đã bắt đầu đổ mưa. Quay ra thấy trời tối đen tôi kinh hoảng nghĩ đến đường về Xuống dốc, tôi đi mất hơn hai giờ, vậy lên dốc hấn ít ra cũng gặp rủi ro thế, nghĩa là nếu bắt đầu đi ngay thì may ra tám giờ tối, tôi mới về tới nhà, vì lúc đó đã gần năm giờ. Nhưng mưa to quá, mà tôi lại không mang theo áo tơi.

Trái với lòng mong mỏi của tôi, mưa mỗi lúc một dày hơn. Đồi, ruộng, cây chìm biến vào trong một lớp màu

trắng đục. Tôi lo lắng, chốc chốc lại nhìn đồng hồ đeo tay xem giờ, và không để ý tới tiếng khèn, tiếng trống, tiếng khóc nữa.

Một người Mèo từ biệt tang gia đi về.

Tôi hỏi :

- Nhà ở tận đâu ?

Hắn trả lời vắn tắt :

- Gần đây thôi.

- Cho tôi về nhà với nhé ?

Hắn nhìn đăm đăm tôi đến mấy giây rồi mới khẽ gật và đáp :

- Về thì về.

Tôi vui vẻ theo hắn, mừng thầm được thoát một nơi u ám đầy hơi chết.

Cách đó chỉ độ dăm chục thước, nhà hắn nấu hình nằm dựa vào một khóm mai. Tôi theo hắn bước qua cái ngưỡng cửa đắp bằng đất, đến ngồi cạnh bếp lửa ở gian giữa để sưởi cho khô quần áo. Hai gian bên là hai cái ổ rom rộng. Phía tay mặt, một ông già, khăn rối quần cao, ngồi rẽ ngô xuống một cái nong lớn. Phía kia một người đàn bà, bắp chân to như hai cái cong, đang

chăm chú se sợi gai để quần vào cái trục gỗ.

Thấy chúng tôi vào, cả hai cùng ngừng lên, yên lặng nhìn, vẻ mặt bình thản. Nghe xong câu giảng giải của người mới tới, ông lão lại cúi xuống rẽ ngô, và người đàn bà lại thông thả se sợi. Anh Mèo bảo tôi :

- Ông già với người vợ không biết nói tiếng kinh đâu.

- Thế còn lũ bé con ?

- Hai bé con ở bên nhà người chết cơ mà ! Đợi tạnh mưa mới về chứ

Nhưng mưa hầu như không bao giờ tạnh, thác nước đều đều giội xuống, không một phút nào ngớt.

Lúc tạnh, tôi xem đồng hồ. Đã bảy giờ. Khó lòng mà về nổi. Tôi hỏi người Mèo :

- Bây giờ đi Chapa được không ?

Người ấy vừa rẽ ngô vừa lơ đãng trả lời :

- Sao không được ?

- Đưa tôi về nhé ?

Giọng hần thản nhiên :

Sao được ! Còn phải làm giúp nhà đám cơ mà. Ngày mai ăn cỗ.

Tôi thở dài. Hấn không quay lại, rời rạc hỏi :

- Về à ? Ở lại, mai sang nhà đám ăn cỗ nhá !

Tôi rùng mình nghĩ đến mấy miếng thịt lợn sống treo ở cái sào, bên cạnh thầy ma. Và tôi cúi xuống buồn rầu nhìn lửa cháy lập lòe trong bếp.

Bên nhà tang, tiếng khèn, tiếng trống vẫn giống một kéo dài : «tsè tsè... phình ! tsè tsè tsè tsè phình, như không bao giờ sẽ dứt. Tôi vùng đứng dậy. Người Mèo hỏi :

- Về à ?

- Phải, tôi về.

- Nhưng mưa đấy mà !

Quả thực, mưa đã lại bắt đầu xào xạc trong lá mai cứng. Tôi chán nản thở dài. Người Mèo bỏ bắp ngô vào nong, uể oải đi về phía người vợ vẫn ngồi im lặng se sợi từ lúc tôi mới đến, không nói một câu, không cười một tiếng. Hấn mang lại hơ lên lửa một miếng gia ngựa bản và hôi.

- Để nóng, nằm cho ấm nhá ?

Tôi mỉm cười nhìn đôi mắt sếch của hắn :

- Cảm ơn anh có lòng tốt.

Giữa đêm, tôi thức giấc. Mỗi mệt, tôi đã ngủ thiếp đi sau khi ăn mấy bắp ngô nướng.

Tôi mơ màng vẫn tưởng nằm ngủ ở nhà. Cái hộp máy ảnh cũng gói đầu và mùi hôi hám của miếng da ngựa nhắc tôi nhớ tới câu chuyện đã xảy ra.

Tôi liền rón rén ngồi dậy. Ba gian nhà tối om. Bếp đã tắt lửa. Một cái chớp nhoáng qua khe hai bức phen, thoáng chiếu vào ông già nằm bên tôi trên ổ rơm...

Nhưng tôi không kịp nhận xét kỹ nữa. Tiếng khèn đã chiếm lấy cả tôi, tiếng khèn buồn thảm như tiếng rên rỉ của kẻ bị thương. Tôi đánh diêm hút thuốc lá và nhân tiện xem đồng hồ : Hơn hai giờ sáng.

Bỗng tôi kinh hoảng toan kêu rú lên. Ở chân tôi có vật gì thúc mạnh. Tôi đập liềm một cái. Tiếng eng éc đáp lại liền khiến tôi mỉm cười nghĩ thầm : « Con lợn ! đó chỉ là một con lợn ! »

Tôi nằm xuống cố ngủ lại cho qua hết cái đêm kinh khủng. Nhưng không sao ngủ được. Tiếng khèn làm cho tôi tỉnh vì rùng rợn. Bấy giờ tiếng trống không cầm

dịp nữa. Thay vào tiếng trống, có một thứ âm nhạc rất lạ lùng, xa xăm, rời rạc, mọi rợ.

- Un... Un ưút !... Un... un ưút !. ..

Mưa đã tạnh, nhưng chớp vẫn đầy trời. Qua chỗ hồng, trên một bức phen, hình cái nóc nhà người chết với khóm mai cao thoáng vẽ ra rõ ràng, vụt sáng, lại vụt tối ngay.

Bỗng tiếng khèn ngừng bật.

Nhưng tiếng âm nhạc lạ lùng vẫn còn, một mình, từng đoạn đều đều kéo dài trong đêm vắng :

- Un... Un ưút !... Un... un ưút !. ..

Tôi cảm thấy sự buồn nản, ghê sợ từ từ thấm giọt vào tâm hồn tôi, như nước mưa thấm qua núi đá mà tí tách rơi vào trong hang.

Sống với tâm trạng ấy bao lâu, tôi không nhớ. Tôi chỉ nhớ lúc nghe thấy tiếng gọi và tiếng trả lời của cha con ông lão Mèo, tôi thở ra một hơi rất dài như trút hết nỗi lo lắng băn khoăn. Và tôi vui mừng hỏi :

- Anh đã dậy đây à ?

Sao một cái vươn vai và một tiếng ngáp kêu, người Mèo đáp vắn tắt :

- Phải,

- Sáng rồi ?

Tiếng reo của tôi như có nghĩa « thoát nạn ! »

Người Mèo chậm rãi nhắc lại :

- Sáng rồi.

Rồi hắn ra mở cửa phen. Bên ngoài trời lờ mờ. Tôi phủi những sợi rơm và những râu ngô bám vào quần áo:

- Về !

Anh Mèo ngạc nhiên nhìn tôi, hỏi lại :

- Về đâu ?

- Về Chapa.

Hắn trở sang nhà tang :

- Ở lại ăn cỗ đã chứ !

Ngay lúc ấy như để chào mời tôi, tiếng khèn lại cất lên. Tôi vội vàng đưa đái người Mèo nằm hào rồi hấp tấp ra đi như chạy trốn.

Qua cái lều cối giã gạo, tôi đứng lại mỉm cười : Tiếng « ưn ưt » lạ lùng chính ở đó đưa ra, và chỉ là tiếng cái cần mà sức nặng của nước làm rơi xuống, và tiếng cái

chày giả gỗ trong không.

Tới nơi đồi cao, tôi đứng lại trông xuống : thung lũng Ý-lìn-hồ xinh xắn nhẵn nhụi hiện ra rục rở trong ánh trời buổi sáng.

Nhưng tiếng khèn, theo nhịp trống vẫn bay lên, đuổi theo tôi.

Từ đó, tôi thường tự hỏi :

- Anh Mèo thổi khèn trong mưa, và trước cái thây ma thiếu phụ phải chăng là một kẻ si tình ? Tôi tưởng tượng ra một thiên tiểu thuyết trong đó một chàng trẻ tuổi yêu một thiếu nữ. Rồi xảy ra biệt ly : bị ép gả cho một ông lão giàu có, người con gái khô héo dần rồi chết.

Và từ đó, tiếng khèn trong chiều tà, tôi nghe ai oán, như tiếng than khóc của một tâm hồn bơ vơ.

TỔNG TIỀN

Đêm khuya. Sau cuộc tổ tôm, bữa cháo gà thết khách đã hầu tàn.

Đồng hồ dè dè buông hai tiếng, ròi rạc, mỗi một như hai cái ngáp dài. Một bà bé nhỏ, gầy gò, ngược nhìn, cặp mắt lộ sợ hãi :

- Chết chữa ! Hai giờ !

Bà ta thuật cho mọi người nghe một vụ vào nhỏ ra to cách đây chỉ độ nửa tháng, thuật rành rọt có đầu có đuôi và tỉ mỉ từng li từng tí, làm như những người kia toàn là khách xa lạ mới tới, không ai biết chuyện gì trong cái thành phố nhỏ hẹp yên tĩnh của bà.

Tiếp lời người đàn bà, một ông rồi lại một ông kể sang những chuyện khác, toàn chuyện trộm cướp, tổng tiền, báo thù. Chuyện quân gian phi đem thực nhiều pháo đến mừng tuổi tết để lấp tiếng phá phách và tiếng kêu gào cầu cứu. Chuyện bọn cướp theo và chệt cổ người đánh bạc về khuya giữa lúc người ấy ngủ gà ngủ vị đứng đợi mở cổng. Chuyện người con dẫn cướp về nhà cha mẹ vì không xin được tiền để chơi bời.

Mọi người như đều tỉnh hẳn ngủ. Riêng một bà từ nãy vẫn ngồi im chăm chú nghe chuyện. Mặt bà là không hề đổi sắc, không tỏ vẻ kinh dị hay bức tức, bay thương

hại. Bà ta đã nổi tiếng, trong khắp các phố, là một người lãnh đạm, ít nói, ít vui. Cặp mắt bà ta như không có tinh thần, cái miệng cười nhạt nhẽo, mái tóc điểm bạc đã trở nên màu chì, tuy năm nay bà mới trong vòng bốn mươi và người trông lại còn trẻ lắm. Hình như sau ngày chồng bà ta bị tổng tiền hụt, bà ta sinh ra như thế. Có lẽ vì bà ta sợ hãi quá.

Chồng bà ta, ông hàn Năm, là một nhà cự phú, nhờ về cho vay lãi hơn là nhờ về buôn bán mà trở nên có bạc vạn. Ở vùng, ai ai cũng biết ông ta là một người keo bản, ít giao du. Ngoài các thú làm giàu dễ ông ta không còn cái thú gì khác nữa.

Hai người lấy nhau không phải vì tình, điều ấy đã cố nhiên, nhưng cũng không phải vì môn đăng hộ đối : nhà chồng mấy đời theo nghề lái trâu, còn bà vợ là con một ông quan võ cuối thời vua Tự Đức, đã nhiều phen đương đầu chống cự với binh nước Pháp... Họ lấy nhau chỉ vì người bố chồng thấy ông đề đốc có nhiều tay môn hạ ăn chơi ở rải rác khắp vùng nên xin kết thân gia để đỡ mối lo sau này.

Trong khi ai nấy đua nhau mắng nhiếc thẳng con bất hiếu, bà hàn chỉ mỉm cười, cái mỉm cười bí mật và chua chát nữa. Rồi bà ta nói :

- Biết đâu trong câu chuyện dặt cớ ấ lại không có nhiều ủy khúc mà người ngoài không trông thấy, không đoán biết được. Phải biết đâu không vì lòng hiếu thảo mà người con kia đã dặt cớ đến nhà cha mẹ ? Tiếng cười phá lên :

- Vì lòng hiếu thảo ?

- Vâng, biết đâu l

Chờ cho im hẳn huyện ráo, bà hàn hình tĩnh thần nhiên kể :

- Tôi biết một câu chuyện ly kỳ có lẽ chẳng kém gì chuyện người con dặt cớ về nhà cha mẹ. Chuyện có thực, vì chính tôi biết nó thực, vì vai chủ động trong chuyện, là bạn tôi, một người bạn thân của tôi. Người bạn ấy không giấu giếm tôi một tý gì, thuật lòng đầu tuyệt vĩ câu chuyện cho tôi nghe. Trong bao năm tôi giữ bí mật những lời bạn thú với tôi - vì đó chính là những lời thú tội. Nhưng nay tôi có thể không cần phải giữ kín nữa. Người có liên can tới việc ấy nay đã... được tha về...

Bà hàn cúi mặt suy nghĩ. Mọi người lắng tai chờ nghe. Bà hàn thoát ngừng lên mỉm cười :

- Đây, câu chuyện thế này : vợ chồng người bạn tới buôn bán ở một tỉnh nhỏ, nhà cửa vào bậc giàu có.

Người chồng hơi chặt chẽ. Người vợ, trái hẳn, lại có tính rộng rãi. Nhưng quyền binh trong nhà ở cả người chồng. Người vợ chẳng được dúng tay vào một việc quan hệ : Cần tiền món gì phải xin người chồng cho đồng, từng hào. Và bạn tôi cũng không thiết từng công việc làm giàu làm có, chỉ thích được nhàn rỗi mà đánh tổ tôm, cùng đọc truyện, truyện Tam quốc, truyện Chinh-đông. Chinh-tây và hầu hết những truyện tàu đã dịch ra quốc ngữ.

« Một hôm, vào buổi chiều, bạn tôi thấy có người đến chơi ngồi nói chuyện với chồng. Người chồng từ chối, gắt gỏng luôn miệng, còn người khách thì có giọng van xin khẩn thiết.

Sáng hôm sau, người ấy lại đến. Bạn tôi mới kịp nhận ra là ông chủ Giây-thép.

« Buổi trưa, ông ta trở lại một lần cuối cùng. Hình như chồng bạn tôi có hứa với ông ta một câu vu vơ cho xong chuyện, vì hứa rồi bỏ đi xa liền, hẹn vợ mãi khuya mới về.

« Bạn tôi ngồi tiếp khách và biết rằng ông chủ Giây-thép vì ham mê cờ bạc đã trót tiêu lạc mất năm trăm vào tiền « kết » : Sáng hôm sau, ông thanh tra về xét sổ sách, nếu thấy thiếu tiền trong quỹ thì ông chủ Giây-thép không những bị mất việc mà chắc chắn còn bị tù

tội nữa.

« Ông khách tìm những lời cảm động để làm chuyển lòng bạn tôi. Ông ta nói ông ta có một mẹ già, một vợ và bảy đứa con nhỏ. Một nhà gần mười miệng ăn chỉ trông vào ông ta, vào lương ông ta để sống, ông ta mà mất việc thì không biết cái gia đình ấy sẽ ra sao. Ông ta lại kể lẽ ông ta chơi rất thân với chồng bạn tôi : Hai người cùng học một lớp ở trường tiểu học, vì công việc phải xa cách nhau hơn mười năm, bấy giờ lại được cùng nhau ở cùng một tỉnh.

« Bạn tôi động lòng thương khách, và thâm trách chồng : Xử tàn nhẫn thế được với một người bạn thâm niên ! Nhưng bà chỉ thở dài bảo ông chủ Giây-thép :

« - Thưa ông, nếu tôi có thể giúp được thì tôi giúp ông ngay, nhưng quả tôi không có cách gì...

« Thấy mắt khách róm lệ - hai con mắt sâu hoắm trong cái mặt hốc hác - bạn tôi ngồi im. Hồi lâu mới hỏi:

« - Thế sáng nay nhà tôi dặn ông những gì ?

« Ông kia đáp :

« - Ông dặn trưa nay lại, ông sẽ liệu.

« Bạn tôi không ngờ chồng lại ác được đến thế. Không cứu giúp người ta thì thôi, bảo thực cho người ta biết

chứ sao lại nói dối người ta để nhớ việc người ta ra. Bà liền bảo khách :

« - Tôi nói câu này, ông đừng khinh tôi nhé, không hi vọng gì nhà tôi đâu, liệu đi vay chỗ khác, chẳng nữa không kịp mất.

« Khách buồn rầu đáp :

« - Thưa bà, tôi đã đi khắp mọi nơi, nhưng đều không ăn thua. Ở cái tỉnh hẻo lánh này trừ ông bà ra còn có ai có nổi năm trăm bạc một lúc cho vay... Thưa bà, tôi xin làm văn tự cẩn thận tháng tháng xin trả góp cả vốn lẫn lãi. Lương tôi hơn một trăm làm gì không trả nổi...

« Bạn tôi ngắt lời :

« - Ông kể với tôi vô ích, vì tôi không thể làm gì được đâu mà.

« Ông chủ Giấy-tchép thở dài nói một mình :

« - Thế thì chỉ có việc...

« Lòng đầy trắc ẩn, bạn tôi ngắm người đàn ông khổ sở, và càng cảm tức chồng đã quá tàn nhẫn.

Khách lão đảo đi ra, bà chợt nghĩ tới một điều. Liền gọi lại :

« - Hay thế này... Thử liêu..

«Ông chủ Giây-thép đứng đợi; hi vọng. Nhưng bạn tôi cũng chỉ nói có thể, rồi im lặng nhìn vợ vắn ra sân, vẻ mặt lo lắng. Ông kia hỏi :

« - Thưa bà dạy thế nào ạ ?

« Bạn tôi cố trấn tĩnh, ghé gần khách thì thầm :

« - Hay thế này.. Thử liệu xem... Nhà tôi nhất lắm cơ đấy... Tôi nay ông cứ trá hình, bôi nhọ mặt đến, đến tổng tiền xem. Tôi sẽ làm tay trong cho ông. Năm trăm bạc đổi với nhà tôi có lẽ chẳng mùi mầu gì nhưng có thể cứu được cả gia đình ông... Với lại, rồi ông sẽ trả cơ mà».

Một người nghe chuyện phá lên cười :

- Bà bạn của bà ghê gớm quá !

Bà hàn vẫn thản nhiên kể :

« - Bạn tôi dặn đủ các mưu kế, rồi hai người hẹn nhau đúng một giờ đêm ra tay...

« Nhưng tối hôm ấy ông chủ Giây- thép vừa trèo qua tường đã bị ngay lính canh sát tóm được. Khám trong người ông ta, thấy một khẩu súng lục giả và một con dao nhọn...»

Bà hàn ngồi lặng, tâm hồn xúc động, một lát sau, bà kể tiếp :

« - Ngày ấy đương phong trào Quốc dân đảng, nên ông chủ Giây-thép bị nghi ngay là người đảng sai đi tổng tiền. Khám quỹ thấy thiếu năm trăm bạc, người ta càng tin chắc điều ấy lắm. Bị tra tấn, ông ta không dám thú sự thực, sợ liên lụy tới người đàn bà hào hiệp đã hết lòng cứu vớt mình. Ông đành nhận liều những tội mà người ta buộc cho ông, nghĩa là có chân trong hội kín, và thụt quỹ, và đi tổng tiền để giúp hội.

« Bạn tôi ngày đêm buồn phiền và hối hận. Định làm ơn nhờ đâu lại gây nên tội vạ tày đình. Từ đó bạn tôi sống khổ sở, thiếu thốn, không dám tiêu phí một đồng nào, sắm sửa một thứ gì, chắt bóp để dành rồi gửi đến cho vợ con người mắc tội oan. Bà ta thú với tôi rằng lúc ban đầu bà ta đã toan ra tòa án nhận hết tội, nhưng sau lại nhút nhát không dám. Vì các ông các bà tính bà ta cũng còn danh dự của bà ta. Một người đàn bà có chồng với năm mặt con. Nếu thú nhận thì nghiễm nhiên là tình nhân ông chủ Giây-thép mất. Bà ta lại tiếp được một bức thư của ông này gửi đến xin bà đừng để lộ một điều gì...»

Bà hàn ngừng vài giây rồi mỉm cười kết luận :

« - Đó, câu chuyện của tôi. Các ông các bà có cho là thảm không ? Câu chuyện ấy có lẽ không bao giờ tôi kể cho ai nghe, nếu người trong chuyện không vừa được ân xá mới rồi...»

Ai nấy ngơ ngác nhìn nhau, và kinh dị nhìn người kể chuyện, như thăm hỏi :

- Chuyện ai thế ?

ĐÀO MƠ

Thời ấy, ở một huyện lỵ buồn tẻ, tôi sống như bị chôn giữa bốn bức hàng rào dày, qua đó tôi trông ra đồng rộng nênh mông như qua then lồng, con chim non nhìn quãng trời xanh lá biếc. Rất ngắn ngủi những giờ giải trí của tôi, sau những giờ học dài đằng đẳng.

Ngày nay đã có lần tôi trở về thăm nơi kỷ niệm cũ. Tôi thấy nó nhỏ hẹp quá. Thời xưa đối với tôi, nó rộng như một thế giới. Cái hồ sen mà cặp giò nhỏ xíu của tôi không mấy khi chạy nổi một vòng, bây giờ tôi thấy chỉ như cái hồ nước đọng núi non bộ, tròn trĩnh, nhẵn nhụi, hàng giậu dâm bụt vây chung quanh cắt xén, bằng chần chặn. Hai cái nhà tây - tây là vì nó có hiên, có trần và có nền cao - đứng đối nhau hai bên công đường, tôi thấy giống như thứ đồ chơi trẻ con. Trong một nếp nhà ấy, tôi đã sống bao ngày bằng phẳng, đều đều, với quyển sách chữ nhỏ, với cái bút lông tô đậm nét son của một ông thầy học nghiêm khắc; với những buổi chiều hè vang động tiếng sáo diều trên không, và, trong yên lặng hoàn toàn, với những buổi trưa chán nản kéo dài tiếng cút kít giống một cửa chiếc xe lộn trên con đường thiên lý.

Trong cái thế giới buồn tẻ ấy, thỉnh thoảng một bọn hát chèo lại đem đến cho mấy anh em chúng tôi một ít màu tươi của sự thay đổi. Một hai tối có khi luôn một

tuần lễ, cái sân huyện trở nên một nơi hội hè om xòm, tiếng cười của dân phố huyện đến xem chen với giọng ca của cô đào, tiếng thét của ông tướng mặt xanh mặt đỏ, câu pha trò của vai hề quê mùa vừa nhạt nhẽo vừa tục tằn.

Rồi gánh hát từ giã ra đi, cái huyện nhỏ lại rơi vào trong yên lặng buồn tẻ.

Phần nhiều những phường chèo ấy, tôi còn nhớ tên, phường «Kha-ly», phường «Quốc-nhón», phường «Quốc-con». Nhưng cái phường. khi ra đi làm cho tôi ngao ngán, khổ sở nhất, thì tôi lại không biết tên là gì. Chừng vì đó cũng là một bọn hát tầm thường. Tôi chỉ theo ông thầy học tôi và những người lớn mà gọi là phường Mơ, vì trong số ba cô đào, một cô tên là Mơ.

Mơ là một cô gái quê chừng mười tám tuổi. Thân hình uyển chuyển của Mơ càng uyển chuyển khi Mơ đóng những vai đào lẳng như Vân-Dại Thị-Màu hay Vợ-quý. Và mặt trái xoan đều đặn của Mơ dưới lớp phấn chèo trong lộng lẫy như trong bức tranh tiên. Hoạt động nhất là hai con mắt đen láy của Mơ, hai con mắt bao giờ cũng cười trước khi cặp môi hé mở hàm răng hạt huyền.

Năm năm, cứ sang xuân, trong thời còn nghỉ học, tôi lại mong nhớ Mơ, sự mong nhớ âm thầm, buồn bã của

một tâm hồn ngây thơ. Quả nhiên, trong hai tháng sau tết, các phường chèo kế tiếp nhau đến, tựa bầy chim én trở về cùng với những ngày quang đãng, ấm áp, vui tươi.

Tim tôi hồi hộp khi tôi thấy những gánh hòm vuông sơn đen, sơn đỏ qua cổng huyện, tiến vào trong sân. Và tôi thất vọng nếu phường xin hát không phải là phường Mơ. Nay nhớ lại, tôi còn cảm thấy sự thất vọng của tôi mệnh mang không biết đến đâu, tuu chỉ là một sự thất vọng trong phút chốc. Rồi tiếng trống chèo rung đồ hồi lại đem vai cười vào lòng tôi ngay.

Nhưng thế nào, sớm muộn, phường Mơ cũng đến, ít ra mỗi năm một lần, trong mùa xuân. Gặp Mơ, tôi cảm động ghen ngào ngây người đứng nhìn. Mơ cũng yêu tôi lắm. Nàng chạy vội đến bế bổng tôi lên mà hôn chùn chụt ở hai bên má tôi, khiến tôi sung sướng nóng bừng cả mặt. Rồi nàng thở thẽ bảo tôi :

- Cậu lên xin phép thầy cho chúng tôi hát nhé ?

Tôi cho câu ấy là thừa, vì cũng như tôi, những người lớn đều thích phường Mơ cả, bắt đầu từ ông thầy học của tôi. Chỉ trong cánh tay ông giơ cao roi chầu, ra sức vụt mạnh vào tang trống, khi Mơ múa hát, cũng đủ biết ông yêu Mơ đến bậc nào. Lúc không cầm chầu thì ông trở mặt nhìn Mơ, và lớn tiếng thốt những câu bình

phẩm sỏi sàng để chòng ghẹo Mơ, làm cho Mơ phải mỉm cười dù lúc Mơ đóng vai pho tượng như tượng đức phật Quan Âm.

Rồi sau một, hai hay ba hôm; Mơ lại theo phường bạn rời đi nơi khác. Chẳng bao giờ tôi cảm thấy tôi trở lại bằng lúc ấy. Tôi ngỡ ngẩn như người mất linh hồn. Anh tôi thấy thế cười, bảo tôi :

- Dễ Linh nó ôm tương tư cái Mơ đấy.

Tôi xấu hổ, cười gượng, rồi trốn vào xó tôi đứng xụi xùi khóc.

Từ khi ra tỉnh theo học chữ Pháp, không một lần nào tôi gặp Mơ nữa. Nhưng mỗi năm, sau những ngày rét mướt; gió ấm mùa xuân lại thổi vào tâm hồn tôi sự mong ước nhớ nhung không cỗi rễ. Phải chăng đó là vết tích mối tình thơ ấu của những ngày sống giữa sự lạnh lẽo nặng nề ?

Cách đó hơn mười năm, một hôm tôi gặp một người kép hát trong một rạp chèo ở một tỉnh nhỏ. Người ấy nhận được tôi, nói vì tôi không thay đổi mấy. Kỳ thực, người ấy đã hỏi dò lai lịch tôi. Khi biết bác kép trước cùng ở một phường với Mơ, tôi vội vàng hỏi thăm tin tức cô đào hát. Bác ta cười bảo tôi :

- Chị ấy nay đi cầu bơ cầu bất chẳng rõ ở đâu.

Rồi kể cho tôi nghe cái đời khổ sở của Mơ. Mơ lấy lẽ một ông chủ đồn điền. Vợ cả ghen, ông này đưa Mơ về Hà-nội thuê nhà cho ở. Nàng đã sinh được một trai. Một tối ông ta cùng Mơ đi xem chèo. Mơ nhớ đến nghề xưa liền bỏ chồng con xin nhập bọn rạp hát. Chẳng bao lâu Mơ được chủ rạp yêu quý. Nhưng Mơ đã « quen nét hư » chẳng giữ tình chuyên nhất với một ai, nay đi với người này, mai ở với người khác. Nhất Mơ lại phóng đảng thái quá nên mất cả giọng, tàn cả nhan sắc.

Tôi hỏi :

- Mơ hát không còn hay như xưa nữa ?

Anh kếp ngoác cái miệng rộng ra cười :

- Ấy, ông cũng còn nhớ đấy. Chị Mơ hát hay lắm, có lẽ hay nhất « Bắc cò ». Mà chị ấy cũng đẹp hơn hết các cô đào hát « Bắc cò ».

- Thế bây giờ chị ấy đâu ?

- Bây giờ chị ấy bệ rạc, đói rách lắm, ông ạ, cùng người chồng mù đi lang thang khắp đó đây hát gõ kiếm ăn.

Tôi kinh ngạc :

- Chi ấy lấy sẫm ?

Người kép buồn rầu :

- Thua ông cũng không hẳn là sẫm.

Rồi đột ngột hỏi tôi :

- Ông có nhớ anh Thiếp không nhỉ ?

Tôi ngẫm nghĩ đáp :

- Không.

- Vâng, ông nhớ sao được, ngày ấy ông mới lên bảy, lên tám. Anh Thiếp trước ở cùng phường với chị Mơ, với tôi. Anh ấy có tài thổi sáo, kéo nhị. Ấy, chị Mơ đã một dạo mê anh ta về tiếng sáo réo rất.

Người kép ngừng lại một giây rồi lắc lư cái đầu búi tóc đọc hai câu Kiều :

Rõ thực : Có tài mà cậu chi tài.

Chữ tài liền với chữ tai một vần.

Và kết luận :

- Ông coi, chẳng qua là duyên số cả, ngày xưa chị ấy đẹp thế, tưởng làm nên bà nọ bà kia, ai ngờ...

Tôi buồn rầu ngắt lời :

- Thì chị ấy chả làm nên bà chủ đồn điền trong một năm là gì !

Bác kếp thở dài :

- Thưa ông, giá cứ ở hẳn với ông chủ đồn điền thì nay cũng chả đến nỗi.

Bác ta cười sằng sặc nói tiếp như khi pha trò hề trên sân khấu :

- Giá ngày xưa mà ông đã lớn tuổi như bây giờ thì dễ thường ông cũng say mê chị ấy, đấy nhỉ ?

Tôi nóng cả mặt và sợ người kếp hát nhận thấy bên lễn, tôi đánh trống lảng cười theo đáp lại :

- Hẳn thế, chứ lị !

Từ đó mỗi lần xuống phà hay qua hè phố, gặp một cặp vợ chồng, chồng kéo nhị vợ bắt chèo, tôi lại tưởng nhận được tiếng Mơ. Và tôi miên man nghĩ đến những con chim sơn ca cùng mùa xuân, đem cái vui tới nơi thôn dã.

Và buồn rầu tôi thấy hiện ra trong ký ức hình ảnh một cô gái quê xinh đẹp, hình ảnh vai Vân Đại lẳng lơ, vai Thị Màu nhí nhảnh, ái tình của cái tuổi thơ lạnh lùng tro troi.

ĐỒNG XU

Rời bãi đá bóng, Phiên lang thang trên đê, hai tay thọc túi chiếc áo dạ tím bạc màu và rách sòn cổ, mặc trùm ra ngoài một bộ quần áo vải xanh, dính đầy dầu máy.

Từ sông thổi vào mũi chàng, vào miệng chàng, vào cái dạ dày trống rỗng của chàng từng cơn gió lạnh phảng phất lẫn với mùi phở thơm tho, ấm áp. Phiên mắt nhắm lim dim đứng rướn thẳng lên hít một hơi mạnh và dài.

Một người to lớn vội vàng hấp tấp chạy vọt lên đê, xô vào Phiên, làm chàng ngã, văng đôi guốc ra xa. Người ấy làu nhàu mấy tiếng trong mồm, rồi nhún vai đi thẳng, Phiên cũng nhún vai đáp lại để tỏ khinh bỉ.

Tiếng hò reo, tiếng vỗ tay hoan hô rầm rộ ở phía sau lưng. Phiên nghĩ thầm « Trời rét, đá bóng thế có đôi chút không ? » Nhưng chàng mỉm cười nghĩ tiếp luôn : « Hừ ! mình cứ tưởng ai cũng như mình, cũng nhịn đói như mình ! »

Phiên xuống đường, rẽ qua phố hàng Đậu. Một người đi xe đạp, để tránh Phiên phải lái vội xe đâm vào rìa hè.

- Mù à !

Phiên đáp lại câu mắng bằng cái nhún vai lặng lẽ thứ

hai, rồi cắm đầu đi thẳng,

Lanh lảnh có tiếng rao : « Hàng, xôi phán xa ! » Bất giác Phiên thọc sâu tay xuống đáy túi, vôn vê đồng xu, đồng xu cuối cùng của chàng :

- Phán xa ! Phán xa !

Người bán lạc chừng không nghe rõ tiếng chàng gọi, tiếng gọi nhỏ nhé, yếu đuối. Lần thứ ba chàng nhún vai, tự nhủ thầm : «Chậc ! thôi, chẳng ăn nữa. Thà đói hân. Chứ ăn một xu lạc rang mặn chẳng bổ chua mồm ! »

Vẫn nắm đồng xu lạnh trong tay, chàng mỉm một nụ cười sung sướng :

« Ủ, phải đấy ! ta tìm ăn cái gì chắc dạ. Ăn lạc rang chỉ tỏ đói thêm ! »

Mùi chả nướng tạt mạnh vào mũi. Phiên dừng lại quay nhìn vào trong hàng cơm : Những gói giò xanh, những chiếc chả tròn và vàng, những đoạn lòng lợn treo lủng lẳng ở sái lao màu ngán. Trên ghé dài, hai người phu xe ngồi ăn cơm chan, và xì xụp, coi bộ ngon lành quả. Phiên toan hỏi họ xem với một xu có thể ăn được mấy bát cơm, thì một người quay ra, nhón nhác nhìn chàng :

- Thừa thầy đi xe ? Tôi ăn xong đây ạ !

Rồi đứng dậy, và lựa và lựa. Phiên vội đáp :

- Không.

Và hồ thẹn rảo bước. Đi một quãng xa chàng mới kịp nghĩ : « Hừ thầy với bà ! Chỉ tối nay không có gì ăn là thầy lả, bỏ xác thầy ! Bữa sáng hôm nay là bữa nhịn đói thứ ba của thầy rồi. Ấy là chưa kể bai bữa điểm tâm buổi sáng và một bữa năm giờ của dân Hồng-mao. » Phiên bật lên tiếng cười to.

Vì chàng nhớ lại những bữa trà đầy đủ của một cặp vợ chồng giáo sĩ Hoa-kỳ. Ngày ấy, Phiên còn theo học trường Bảo-hộ. Chàng ở trọ nhà một ông ký ga, phố Nguyễn Trãi. Chiều thứ năm, chủ nhật đứng cửa sổ trên gác, chàng tò mò nhìn xuống cái vườn bên giáo đường. Nắng vàng thêu bóng lá cây trên tấm thảm cỏ xanh mới xén, trên cái khăn trắng muốt phủ kín chân chiếc bàn vuông con, trên bộ y phục màu hồng và cái mũ rom vành rộng của người thiếu phụ. Thấy hơi nước ở chén bốc lên, chàng tưởng nghĩ thấy hương trà thơm ngát, và ngày nay nhớ tới những đĩa bánh ngọt, chàng còn chảy nước miếng.

« Người ta giàu có, sung sướng thật ! »

Tới vườn hoa Hàng Đậu, thấy cái ghế dài bỏ không, Phiên ngồi xuống, nghiêng thân thể mỗi một trên lưng tựa, dặng hai cánh tay ra thở một hơi thực dài, rồi lim dim mắt như thiu thiu ngủ. Cái đời ký vãng lần lượt

hiện ra, một quãng đời buồn lẫn vui.

Phiên lại trông thấy cảnh sa sút thiếu thốn của cha mẹ, cảnh bơ vơ của mình. Không trả được tiền học, Phiên phải bỏ trường, lang thang đi xin việc ở khắp các nơi. Một nhà ăn loét thuê chàng sửa chữa bài in, lương mười đồng một tháng. Phiên ăn cơm trọ hết bốn đồng, để ra hai đồng tiêu vật vãnh, và góp tiền may quần áo, còn bốn đồng chàng gửi về giúp cha mẹ.

Phiên làm mới được hơn một năm thì cha chết. Phiên xin phép chủ về tống táng cha. nhưng bị ốm nặng, chàng nghỉ quá phép mất một tuần lễ. Hôm chàng ra Hà-nội thì ông chủ nhà in đã tìm người khác kế chân, và dặn chàng hãy đợi khi nào có việc sẽ lại mượn.

Trong túi còn hơn đồng bạc. Phiên ở lại chờ nhưng nhà trọ bắt mỗi tuần phải trả trước một đồng thành thử sau bảy ngày, hết tiền ăn, chàng bị bà chủ trọ mời ra ngoài đường một cách quả quyết và tàn nhẫn, vì bà ta biết rằng chàng đã mất việc.

Thế là từ sáng hôm qua, với một xu còn dính túi, Phiên đi lang thang trên đĩa hè các phố.

« Một đồng xu ! Hừ, ta có một cái tài sản nhỏ nhất thế giới ! Kỷ lục ấy khó lòng ai phá nổi. Đến những người ăn mày cũng còn giàu hơn ta ! »

Vừa nghĩ Phiên vừa cầm đồng xu tung trên bàn tay. Bổng đồng xu rơi lăn vào găm ghế. Phiên cúi tìm mãi mới thấy :

« Trời ơi ! tý nữa mất ! » Chàng vừa lóp ngóp ngồi xuống, thì một người què chống nạng nhảy đến chìa tay xin. Phiên mỉm cười chua chát, nói :

- Tôi không có đâu, bác ạ.

Rồi ngượng với người tàn tật, - vì biết người ấy đã nhìn thấy mình nhặt đồng xu, - Phiên đứng dậy đi thẳng, vừa rảo bước vừa quái cổ lại nhìn người hành khất đứng nói lầu nhàu. Phiên phì cười nghĩ thầm :

« Chắc bác ta đương nguyên rửa mình, vì bác ta cho mình là một thằng keo bản ! »

Ý nghĩ ấy tự nhiên làm Phiên vui sướng, cất tiếng hát bài ca mà chàng thường nghe trẻ con và cả các anh kéo xe nhà huýt còi theo điệu :

La Chine est bien monotone, dit-on fréquemment...

- Anh Phiên thích chí điều gì mà hát nhêu ngao thế ?

Phiên quay lại. Một người đi xe đạp vụt qua. Phiên chỉ kịp nhận ra đó là người chạy giấy ở nhà in mình làm việc trước. Chàng toan gọi lại để dứt dăm xu ăn bữa chiều, nhưng chiếc xe đạp đã bon bon chạy một quãng

xa. Chàng đành nhún vai tiến bước : Nhún vai hình như là cử chỉ cố định của Phiên để đáp lại hết mọi điều không thể trả lời được bằng tiếng nói, bằng ý nghĩ.

Nhưng người chạy giầy làm Phiên chợt nhớ đến ông chủ nhà in. Chàng đi thẳng tới xưởng, tuy biết chắc rằng thế nào ông chủ cũng trả lời như mọi lần trước, nghĩa là « Chưa có việc, hãy chờ, mà nếu không chờ được thì đi tìm việc ở nơi khác. »

Câu trả lời ấy quả thực Phiên được nghe lần chẳng biết thứ mấy, khiến chàng không giữ được cái cười nửa miệng, vì vừa nhách môi ra, Phiên sợ hãi cố nghiêm ngay nét mặt lại.

Thấy Phiên vợ vẫn đứng ngó vào trong xưởng, người chủ chau mày gắt :

- Đi chứ còn đứng đây làm gì ?

Phiên toan liều xin vài hào, nhưng ngượng quá không nói ra câu. Người chủ quát luôn :

- Đi ngay. Hay anh định rủ thợ đình công thì anh bảo?

Phiên nuốt một tiếng thở dài, cúi chào quay ra.

Đến một tòa nhà nguy nga, Phiên dừng gót ngoài hàng rào sắt đứng tò mò nhìn vào trong vườn. Những chậu sứ, đôn sứ, thống sứ men xanh, men ngũ sắc bày

la liệt kín cả một khoảng sân, dưới cái giàn gỗ cỏ hoa hồng leo. Phiên tự nhủ thầm : « Một cái thống kia cũng đủ nuôi sống mình được một năm » tuy chàng chẳng rõ giá tiền một cái thống giang tây là bao nhiêu tiền.

Một cái lều vây lưới thép, chứa rất nhiều các giống chim bay lộn. Trên lối đi lát gạch khứa, hai con công xòe đuôi múa.

Trong bếp, lửa cháy hồng tươi. Bên chái bếp, một cái chuồng chim bồ câu. Hai con chim non thò đầu ra cửa chiêm chiêm kêu đòi ăn. Con mẹ từ mái nhà bay vụt xuống. Hai con kia chui ra ngoài, đôi cánh yếu rung rung đập, tức thì con mẹ lần lượt mớm cho.

Ngắm hai con chim non béo mũm mĩm, ninh ních những thịt, Phiên tưởng ngay đến những nồi cháo thơm thường được ăn khi nhà còn sung túc.

Giữa lúc ấy, tiếng bà chủ thét đầy tớ từ trên gác ném xuống. Phiên nhận thấy giọng cay nghiệt, tàn ác : « Hừ ! giàu thế này mà vị tất đã.. đáng sống ! » Vừa nghĩ đoạn Phiên cho câu tư tưởng của mình hoàn toàn vô nghĩa, và chàng bật lên tiếng cười to : « Chẳng biết mình có đáng sống không, nhưng sự thực thì hiện giờ mình chẳng sống một tí nào ! »

Phiên cười mãi rồi bỗng cảm thấy mình sung sướng, chàng để luồng tư tưởng vẫn vợ của chàng cứ theo đà

tuôn ra : « Ừ ! sao mình lại không sống ? Mình sống lắm chứ ! Không những mình sống, mà mình còn sống sung sướng bằng mấy cái bà có giọng the thé ở trên gác kia... Đây này, bằng có đây này ! «

Phiên móc túi lấy đồng xu cầm ở tay nghĩ tiếp : « Đây này, cái bằng có rằng mình, sung sướng hơn, giàu có hơn bà ta nữa, là mình có thể cho bà ta đồng xu cuối cùng của mình. Này cho ! «

Qua đôi cánh cổng hé mở, Phiên thia lia đồng xu vào trong sàn và lên tiếng :

- Cho đây ! Chóc nữa xuống thăm vườn cảnh tìm thấy lại không sướng mê toi ! Hừ ! có biết đâu rằng đồng xu ấy là cả một tài sản của một thư sinh giàu tư tưởng, giàu lòng từ thiện.

Khoái trá về cái cử chỉ anh hùng và phi thường của mình, Phiên thọc tay vào túi đi nghênh ngang, miệng se sẽ huýt còi. Nhưng vừa đi được mười bước, chàng nghĩ ngay đến cái cử chỉ điên rồ : « Ô hay ! sao mình lại ngông cuồng thế nhỉ ? Một đồng xu ! sao mình lại phí của thế ? » Rồi Phiên quay lại để nhặt.

Vịn cổng, Phiên rút rè đứng nhìn. Không một ai qua lại. Phiên chặc lưỡi, liền bước vào, lom khom cúi tìm...

Phiên đương bê cái chậu sứ lên để xem đồng xu có văng vào găm không, thì một người ở trong bếp đi ra rón rén đến gần, túm chặt lấy cổ áo :

- Mày vào ăn cắp phải không ?

Phiên đứng thẳng người lên ấp úng :

- Không mà, tôi tìm đồng xu.

- Đồng xu nào lại rơi ở đây ?

- Đồng xu của tôi.

- Đồng xu của mày ?

- Phải, đồng xu tôi ném vào.

Người kia phì cười :

- Đồng xu mày ném vào ?

Lúc ấy, cả bọn người nhà kéo ủa ra, xúm xít quanh mình Phiên. Bà chủ đứng trên bao lơn thét hỏi :

- Cái gì thế, chúng mày ?

- Bẩm bà, một thằng ăn trộm, con vừa bắt được một thằng toan bê cái chậu sứ.

- Thế à ? Điệu cổ nó lên bóp cho tao ! Đánh chết đi !..

Phiên cố phân trần, nhưng mỗi lời chàng nói, người ta chỉ đáp lại bằng một cái tát, hay một quả đấm. Về sau chàng đánh sáng im để mặc cho người ta trối và điệu lên sở cảnh sát.

Tối hôm ấy, Phiên được ăn bữa cơm đầu tiên, sau hai ngày nhịn đói, bữa cơm tù. Chàng vui vẻ nghĩ thầm :

« Thế mới biết công dụng của đồng xu to thực ! »

TẬP ẢNH

Lý ngả lưng trên ghế nệm dài, thở ra khoan khoái, như vừa trút được một khối nặng đang đè lên tim, lên phổi. Suối từ sáng, nàng chỉ bận có một việc bắt buộc, mà nàng thấy buồn tẻ, vô vị, khó chịu, mà đã bao nhiêu năm nay, tết nào nàng cũng phải ôn nhắc lại: Việc tiếp khách.

Muốn tránh sự phiền phức ấy, Lý đã toan ngay trong năm xin phép của mẹ già đi phủ Nho ăn tết với anh chị. Nhưng không hiểu sao, cũng như mọi năm, nàng vẫn không rời khỏi được Hà-nội. Có lẽ vì nàng nghĩ đến nhiều điều bất tiện, mà điều bất tiện thứ nhất là nàng còn con gái, ngày tết bỏ nhà đi xa, sợ họ hàng bè bạn người ta dị nghị.

Lý chau mày, tự mắng thầm : « Dị nghị ! mình đã bảo không cần dư luận, sao còn sợ dị nghị ? Chẳng qua chỉ tại mình dụt dè, do dự. Giá cứ ở lì trên Vĩnh-yên thì đã hề gì ! » Vĩnh-yên là nơi Lý đổi lên làm đốc trường nữ học đã hai năm nay. Ở đây, nàng thuê riêng một nếp nhà có gác và sống một đời tự do, độc lập tuy vẫn rất đoan trang.

Tiếng pháo từ phố xa đưa tới. Lý cau có nhăn mặt, và nàng cảm thấy nàng ghét tết như ghét kẻ thù : « Ngày tết là ngày người ta làm toàn những điều điên cuồng rồ

rai, ăn bánh chung cho đau bụng, uống rượu cho mất lương trí, đốt pháo cho điếc tai và đến chơi nhà nhau để làm cho nhau bức mình !

Liên ba năm, ba lần tết nàng có cùng một ý nghĩ ấy, cùng một cảm tưởng ấy.

Vì sao bỗng dưng ba năm gần đây nàng lại bắt đầu ghét tết ? Nàng ngờ rằng trong đời đàn bà tuổi gần ba mươi là cái giới hạn, đến đó người ta không ưa được những cuộc vui âm ỹ, phiền phức nữa. Lý thuyết ấy bị đánh đổ ngay. Mẹ nàng năm nay ngoài sáu mươi tuổi mà vẫn thích tết, năm năm nghĩ đến tết; vui vẻ sắm tết ngay từ đầu tháng chạp.

Một tiếng thở dài. Một ý buồn : Gần ba mươi ! .. Thì cứ tự thú ngay rằng năm nay mình hăm chín tuổi rồi.»

Nàng cố gượng nghĩ một câu khôi hài : « Hăm chín cái tết. Ăn hết biết bao nhiêu kẹo và bánh chung ! » Và nàng ngồi dậy như để khỏi tư tưởng liên miên.

Trên cái bàn tròn phủ khăn vóc đỏ thêu cảnh hồng con bướm, một dò thủy tiên đứng trong chiếc bát tàu có men trắng trong như ngọc. Một làn hương mát thoảng đưa qua. Lý cảm thấy như tất cả buổi đầu xuân nhẹ nhàng thấm vào tâm hồn ngây ngất.

Bên bát thủy tiên, một tập ảnh dày, bìa đã cũ và bạc màu, cái giấy tờ buộc gáy sách đã sờn, tua xơ xác. Uể oải Lý với lấy, mở tới trang có những bức hình đã làm cho nàng và mấy người bạn cười vui thích lúc ban chiều. Đó là những ảnh chụp thời nàng còn nhỏ.

Bây giờ xem lại, nàng vẫn còn cười và nghĩ thầm; « Thế này thì ai nhận ra được mình ? » Lý lạnh lùng ngắm cô bé tí hon đầu sỗ tóc cài lược, mình mặc chiếc áo nhiều dài tha thướt, rộng lưng thùng, tay áo che kín nửa bàn tay. Một con số nét mực đã mờ biên ở một góc ảnh: 1914. Tính nhẩm trong mấy giây, nàng kinh ngạc nhận thấy năm ấy nàng vừa đúng sáu tuổi. « Thế mà mình cứ tưởng đã tám, chín tuổi rồi đấy. Cô bé đây đã phốp pháp tề ! »

Nàng lấy làm lạ rằng nàng chẳng nhớ gì về thời ấy, và cũng không rõ ảnh chụp vào dịp nào. Lạ hơn nữa là sao không bao giờ nàng tò mò hỏi cha mẹ để biết.

« Hừ ! cái tuổi sung sướng ! » Lý tự nhủ thầm, nhưng cũng chẳng suy xét, phân tích xem cái tuổi ấy có thực sung sướng không. Nhớ nhung, thương tiếc, yêu dấu thời dĩ vãng vẫn là một thói thường của người ta. Ai mà không chán ghét cái tuổi hiện tại ! Huống cái tuổi hiện tại của Lý lại là cái tuổi hăm chín !

Lý mở sang trang sau. Vẫn những ảnh thời thơ ấu. Cái chụp Lý chơi trong vườn, cái chụp Lý nhảy giây, cái chụp Lý ngồi chăm chỉ làm bài, lại cái chụp Lý ngồi trên chiếc xe đạp để dựa vào tường giả vờ như xe đang đi. Đó là những công trình của một người chú thích chơi ảnh, thời ấy đương theo học trường Sĩ-hoạn và cùng ở với cha mẹ Lý. Những ảnh ấy lâu ngày, nay đã vàng như màu tường ám mờ hóng. Có bức vì ngâm nước không được kỹ, đã bay gần hết, nó chỉ còn lơ mờ hơi rõ.

Bẵng đi sáu, bảy năm nàng không chụp một cái hình nào, không rõ vì chú nàng đã đổ rồi và đi làm quan xa, hay vì ảnh của nàng về mấy năm ấy để thất lạc mất cả.

Năm 1926 là năm Lý có nhiều ảnh nhất, nào ảnh chụp ở hiệu, nào ảnh các bạn chụp cho. Thời ấy Lý đương theo năm thứ tư trường Nữ học, và tuổi nàng vừa mười tám. Trên sáu trang, nàng hiện ra tươi sáng, hồng hào, mạnh mẽ như cái mầm hồng mập mạp buổi đầu xuân.

Bỗng nàng lim dim nhắm mắt, thở dài. Nàng vừa nhìn thấy ảnh một trang thiếu niên xen lẫn vào giữa những ảnh nàng, trong những khuôn giấy nhỏ, và chụp hơi vụng. Thanh và nàng là đôi con dì ; năm ấy chàng vừa đỗ tú tài và được nhà thưởng cho cái máy ảnh, nên chàng chụp hoài chụp hủy rất nhiều. Chàng đến ở chơi nhà chú, dì trong mấy tháng hè và cố nhiên chàng dùng

cô em xinh đẹp làm kiểu mẫu cho cái tài nhiếp ảnh mới mẻ của chàng. Bức hình của chàng chính tay Lý chụp ra. Chàng nhờ Lý đứng để chàng ngắm rồi đưa máy ảnh cho Lý bảo chỉ việc bấm. Lý cười mãi không chụp được khiến Thanh chau mày nhieếc nằng trẻ con. Vì thế, trong ảnh, Thanh có vẻ mặt cau có, nhưng một thứ cau có nũng nịu rất có duyên.

Mỗi tình âm thầm, đau đớn ấy này nằng nhớ lại vẫn còn làm cho lòng nằng xao xuyến. Nằng đã sống những ngày khổ sở bên một người anh họ bình thản và chỉ coi nằng như một cô em gái xinh tươi. Biết bao lần tiếng yêu muốn thốt ra rồi lại tan vào trong sự nhẫn thống. Một hôm bàn với Thanh về những tình tiết ngoắt ngoéo của nền luân lý Á Đông, nằng đánh bạo chỉ trích sự cấm đoán vô nhân đạo những cuộc tình duyên giữa hai anh em họ xa, nhà con cô con cậu chẳng hạn. Nằng nói tránh ra con cô con cậu kỳ thực nằng muốn trở ngàm đôi con dì. Nhưng Thanh chẳng hiểu gì cả. Chàng chỉ cười và kêu nằng có những ý kiến quá bạo.

Hết vụ nghỉ hè, hai người cách biệt nhau. Thanh vào học trường thuốc, và sáu tháng sau chàng cưới vợ. Từ đó vết thương lòng của Lý một ngày một thêm nặng. Lý không sao quên được Thanh. Đó có lẽ là cái có khiến nằng đã từ chối mấy đám tha thiết cầu cạnh đến hỏi nằng.

Lý mở chặp luôn hai trang, để bỏ qua những kỷ niệm buồn.

1930, năm ấy nàng hăm hai tuổi. Mặt nàng, không những không kém tươi, mà ái tình đượm một vẻ sâu man mác, còn làm tăng sắc đẹp lên bội phần. Trong bức hình nàng đứng cạnh vợ Thanh, cái dung nhan nhanh nhẹn, thông minh của nàng lẩn át hẳn cái mặt tròn trĩnh, nhu mì, hơi đàn độn nữa của người đàn bà đã có diễm phúc hơn nàng.

Từ năm 1932 cho tới ngày nay, số hình ảnh của nàng rất nhiều. Tưởng như sợ tuổi già sắp tới, nàng cố níu lấy thời đương xuân, vội vàng ghi chép lấy những ngày xanh ngấn ngủi. Thôi thì nàng mang đủ các lối y phục; vận Huế, Nam kỳ, Khách, vận cả Mèo, Thổ nữa. Và nàng đi khắp các nơi ! Biết bao kỷ niệm trên Chapa. Tam đảo, ngoài bờ biển Đồ-sơn, Sầm-sơn, và trong Huế vào dịp lễ Nam-giao.

Nhưng Lý buồn rầu nhận thấy rằng thời gian đã bắt đầu - tuy chưa rõ rệt - vạch dấu vết trên vùng trán sáng rộng, trên đôi má hồng tươi. Thời gian nó cứ tiến, thông thả, nhưng đều đều, chắc chắn. Tình xưa của nàng đã mất nhường chỗ cho một tính tình mãnh liệt hơn nhiều : sợ già. Trong khoảng ba, bốn năm, nếu nàng còn nhớ tới mối tình tuyệt vọng là chỉ đề thâm trách mình trẻ con, lãng mạn, vô lý, đã vì nó mà tự phá hoại tương lai.

Tới năm 1934 Lý đã theo thời trang mà đòi mặc y phục kiêu mới. Trong một bức hình cùng chụp với các bạn đồng nghiệp bên nam giới, nàng cười hở rộng hai hàm răng ngà mới cạo. Cái cười vẫn có duyên tuy ngượng nghịu và không còn thẳng thắn như xưa. Đứng bên cạnh nàng là một ông giáo trẻ kém nàng đến ba bốn tuổi. Người ấy yêu nàng một cách ngây thơ và chân thật, song nhút nhát chưa dám thú thực ái tình với nàng. Nàng cũng biết thế và chỉ đợi bạn ngỏ lời xin cưới là bằng lòng ngay, vì đối với người ấy, nàng rất có cảm tình. Nhưng người kia không bao giờ dám.

Năm sau, Lý đổi đi Vĩnh-yên, và hình ảnh ông giáo trẻ tuổi dần dần mờ phai trong ký ức nàng.

Lý thở dài gập mạnh tập ảnh, ném xuống ghế nệm. Một cái ảnh chụp bán thân in trong vành trăng khuyết, rơi ra ngoài. Lý cầm lấy ngắm nghía rồi nghiêng răng xé nát ra. Buổi sáng hôm nay, mấy người bạn cùng đi với vợ đến chúc Tết nàng. Một người trong bọn bình phẩm : Giá xoay cái hình trăng bán nguyệt lại cho thành trăng thượng tuần thì trông đẹp hơn. Câu nói thẳng thắn và tự nhiên không có ý nghĩa sâu xa gì, nhưng Lý vốn hay ngờ vực, lại sẵn có định kiến nên tưởng người kia mỉa mai diễn tuổi mình đã xế về hạ tuần.

Nhận thấy sự cẩu kính của mình vô lý, nàng cúi xuống nhặt hết những mảnh vụn của bức hình, rồi mở cửa sổ vút ra ngoài đường. Một luồng gió mạnh đã cướp những mẫu kỷ niệm ấy để ném tản mạn vào nơi đêm tối.

Xa xa tiếng pháo bắt đầu ngày mùng hai tết...

DƯỚI ÁNH TRĂNG

Cùng viết với Trần Tiêu

Vẫn mướt mồ hôi, đọc đi đọc lại bức thư, lời lẽ quê kệch, vụng về chữ viết nguệch ngoạc, ngòngrẻo trên trang giấy học sinh kẻ chì.

Ông Văn,

Thưa ông, em khổ sở lắm, em chỉ muốn chết thôi. Nhưng em chả biết làm thế nào để chết được bây giờ. Từ khi thầy em biết em có tội, thì ngày nào cũng uống rượu say rồi lôi em ra đánh, vừa đánh vừa nhiếc. Còn bu em thời chỉ khóc. Bu em bảo em viết thư cho ông. Em chả biết ông có còn thương em nữa không mà em viết, nhưng bu em bảo em cứ viết, nên em cũng viết, chứ em chả muốn viết tí nào cả. Em đã bảo ông, em đã lạy van ông rằng ông chả lấy được em đâu, thế mà ông không nghe, ông cứ dễ dàng em, làm khổ thân em thế này, bây giờ em còn mặt mũi nào dám nhìn thầy bu em nữa. Ông có còn thương em tí nào nữa thì ông định liệu cho em phận nào, em được nhờ phận ấy. Thầy em mà bị làng bắt vạ thì thực em làm cho nhà em xấu để đời. Vì vậy bu em bảo em viết thư cho ông để ông cho tiền em với lại đưa em đi đâu cho qua kỳ sinh nở. Em bé đại chả biết gì, nên em tin nhờ ông, nhưng bu em chửi em, bảo em rằng ông lấy sao được em, ông là con quan mà

thầy em thì chỉ làm trương tuần, khi nào ông thềm lấy em, khi nào cụ lớn lại để ông lấy em. Bu em nói thế thì em hiểu ra ngay, rồi em chỉ khóc cả ngày cả đêm. Hôm xưa đứng ở bờ ao em đã toan đâm đầu xuống nước tự tử cho xong đời, nhưng em lại thương đứa bé ở trong bụng nó chả làm gì nên tội, nên em lại thôi, nên không sao em chết được. Ông xem thư này xin ông nghĩ lại cho em được nhờ.

Tạo ký

Văn hai tay ôm đầu ngồi suy nghĩ. Chàng không ngờ đâu lại xảy ra tai hại đến thế. Ngọn đèn điện trong chiếc bóng mờ tỏa xuống bàn giấy làn ánh sáng dịu khiến chàng hồi tưởng tới đêm trăng ấy, cái đêm trăng đã làm chàng trở nên điên rồ.

Và chàng như thấy hiện ra cái sân rộng lát gạch bát tràng với hai, ba chục người nhà quê vừa đàn ông, vừa đàn bà, con trai con gái quây quần chung quanh những đồng lá thuốc tươi.

Dạo ấy. Văn về thăm quê hương sau hơn bốn năm xa vắng. Chàng theo học tại Hà-nội, mà cha mẹ chàng là ngành thứ lại ở luôn chỗ làm quan, nên ít khi chàng có dịp về làng. Lần này, chàng vừa đậu xong bằng tú tài, cha mẹ chàng thưởng chàng trăm bạc và cho phép

muốn đi nghỉ mát đâu tùy ý. Chàng tưởng ngay đến nơi mẹ đã sống với bà cả một thời kỳ thơ ấu.

Xế chiều, Văn về tới đầu làng. Những cảm tưởng man mác làm rạo rực lòng chàng. Mỗi vật chàng gặp như một người bạn cũ hiện ra : Cái lạch nhỏ nước vẫn đỏ, cái cầu bằng tre vẫn chênh vênh, vẫn lão đảo mỗi khi có người sang, cái cầu mà ngày còn nhỏ mỗi khi theo bác đi viếng mộ chàng phải để người ta công qua. Trên lối tắt rẽ vào làng giữa những bãi tha ma, những thửa ruộng nước, chàng vui mừng nhận ra từng cái khuỷu, từng quăng vòng, từng khóm chuối, từng bụi tre. Nhất cánh đồng thiếc xanh rì, chàng thấy vẫn y nguyên như ngày xưa, với những luống đất vuông vắn, cao ráo, với những cây thuốc bẻ ngọn đầy lá to bản, với những người con gái mặc áo vải nâu non hay áo lụa màu cánh kiến đổi vai the thâm, ngoài thắt chặt chiếc giầy lưng hoa lý.

Văn đường mê mãi ngắm người và vật thì ở một vườn thuốc có ai nói :

- Kìa ! hình như anh Văn ?

Văn quay lại vui vẻ đáp :

- Phải, Văn đây !

- Ô ! độ rầy trong anh ấy to hơn nhỉ ?

- Bốn, năm năm không về, làm gì mà chả đổi khác.

Văn vừa trả lời vừa trở mắt nhìn người đàn bà đứng dưới rãnh vườn.

- Nhưng bà là ai mà nhận ra được tôi ?

Có tiếng cười trong trẻo ở sau liêng thuốc. Và Văn kiễng chân, rướn cổ, nghiêng đầu nhòm, nhưng chỉ trông thấy cái nón ba tầm, và hai cánh tay áo nâu :

- Ai mà cười ròn thế ?

Người đàn bà cũng nhăn nhó cười theo.

- Cái Tọ đấy, anh còn nhớ cái Tọ không, nhỉ ?

Cái Tọ ? Không, chàng không nhớ. Thấy Văn đứng ngây người suy nghĩ, Tọ bỏ nón, lại gần nói với người đàn bà :

- Đến bu, anh ấy còn chả nhận được nữa là con.

- A phải rồi, cô Tọ, thế mà suýt nữa tôi quên.

Kỳ thực Văn vẫn chẳng biết Tọ là ai, nhưng vì thấy cô bé xinh xắn, hay hay, chàng nói liền thế để làm thân. Còn lạ gì cái tuổi ngoài hai mươi đương bông bột tình yêu !

Tạo đắc chí lại cười :

- Ủ, có thể chứ. Tưởng nay anh đỡ ông phán ông tham anh quên cả em.

Văn lo lắng nghĩ thầm : « Chết chưa ! Em kia đây ! Chẳng hiểu họ hàng ra sao đây ? » Rồi chàng đứng vờ vẫn nhìn Tạo.

- Cô hái thuốc đây à ?

- Vâng, hái thuốc. Sáng mai anh sang nhà dì ăn cỗ mừng nắng nhé ?

Văn càng kinh hoảng : « Lại dì nữa ! Dì mình hẳn là bu Tạo. » Muốn được chắc chắn, chàng hỏi :

- Thừa dì vẫn được mạnh ?

Người kia vừa xếp lá thuốc lại thành chồng vừa đáp :

- Cũng khá thôi, anh ạ. Độ đầu năm tôi đã gạo, hột chân xuống hố, đau mắt đến một tháng đã tưởng què, nhưng sau nhờ được bà cử Thuận cho ít rượu... rượu gì, Tạo nhỉ ?

Tạo cười :

- Rượu chổi !

- Ủ, rượu chổi. Tôi bóp có năm, sáu hôm đã khỏi hẳn,

may quá, anh ạ.

Văn vẫn chưa rõ người đàn bà, nhất là Tẹo với mình có họ xa hay gần. Liên đánh bạo hỏi :

- Thừa dì, tôi hỏi thế này khí không phải, dì bỏ qua đi cho, dì với tôi có họ thế nào nhỉ ?

- Ủ phải đấy, hỏi cho biết chẳng cứ gọi là dì mà chẳng hiểu dì ra sao. Thế này này : bà án với tôi là đôi con dì.

- A, đôi con dì !

Thực ra Văn cũng chỉ rõ bà kia với mẹ mình có họ mà hình như lại họ xa.

- Quan lớn bà lớn có về chơi không anh ?

Văn dăm dăm ngấm nghĩa hai bàn tay mềm mại thoăn thoắt tĩa lá thuốc chẳng để ý vào một sự gì khác, khiến người đàn bà đã nhắc lại câu hỏi một lần nữa mà chàng vẫn không nghe tiếng. Thấy vậy, Tẹo tò mò nhìn chàng, mỉm cười ngây thơ nói :

- Anh Văn điếc đấy, bu ạ.

Văn cũng cười, chẳng hiểu sao Tẹo lại bảo mình điếc. Nhưng xách va-li đứng giữa đường nói chuyện, Văn chợt nhận thấy hơi khó coi, nhất những người hái thuốc ở các thửa vườn lân cận lại cứ luôn luôn đưa mắt về

phía mình và khúc khích cười.

Chàng liền ngả đầu chào :

- Thôi, dì hái thuốc, tôi xin về.

- Anh về đây à ? Mai mời anh sang ăn cỗ mừng nắng nhé ?.. .. Hay lại khinh nhà dì nghèo không thềm đến.

- Dì cứ nói thế !

Văn lững thững trở về nhà. Một lát quay lại nhìn :
Bọn người hái thuốc đã khuất trong lớp lá to bản.

Cha mẹ Văn giao cho một người em họ ở trông nhà.
Nghe có tiếng chó xủa người ấy vội chạy ra cổng thì
vừa gặp Văn :

- Ô ! cậu đã về. Quì hóa nhỉ. Quan lớn bà lớn có về không ?

- Không, chú ạ.

- Cậu đưa va-li tôi xách. Sao cậu không bảo anh xe anh ấy mang vào cho.

- Anh ấy gặp khách ngược, nên tôi để anh ấy kéo, chẳng nhớ mất của anh ấy một chuyến xe. Với lại cái va li của tôi cũng chẳng nặng gì.

Rồi Văn hỏi luôn :

- À này, chú Vinh, cái Tẹo là son cái nhà ai thế nhỉ ?

Ông lão cười :

- Sao cậu lại biết cái Tẹo ? Nó là con chú trương Mẫn.

- Thế bà trương Mẫn có họ thế nào với nhà ta nhỉ ?

- À, họ xa. Bà ấy với bà lớn nhà là đôi cháu dì.

- Sao bà ấy bảo là đôi con dì ? Nhưng đôi cháu gì thế nào ?

- Là thế này : bà ấy với bà lớn nhà là chị em con chú con bác.

- Thế thì xa thật !

Văn nghĩ đến Tẹo nên thốt ra câu ấy. Rồi sợ ông Vinh ngờ vực, lại hỏi lảng :

- Có chỗ cho tôi ngủ không đây ?

- Có chứ.

Ông Vinh quay ra gọi :

- Bé ơi !

- Cái gì đấy, thấy ?

Một người trẻ tuổi, to lớn, lực lưỡng, ở dưới bếp chạy lên.

- Mày mở cửa gác quét dọn, lau chùi rồi lấy màn tây ra mắc nhé. Chìa khóa tao treo ở đầu giường ấy. Để tao đi bảo bu mày vo gạo thổi cơm. Mà kìa, thằng bé lạ chưa ! Không chấp tay chào cậu à ? Để nó quên cậu tú Văn rồi đấy.

Bé vui vẻ :

- Ô ! Cậu Văn ! Bây giờ cậu nhớn nhỉ ?

- Tao hăm một tuổi lại chả nhớn !

- Thế thì hơn con hai tuổi.

Văn mơ màng ngược nhìn mây ngọn cau, trông bên tường hoa :

- Con gái làng ta đẹp lắm, chú Vinh ạ.

Ông Vinh cười :

- Ở xóm ngoài kia, chứ khu ta có quái ai ?

- Thế cái Tẹo chả đẹp là gì ?

- Ờ nhỉ ! Cái Tẹo. Nó mới nhớn lên. Trông cũng khá...
Tối nay ở nhà chú trương Mẫn rọc thuốc đây.

- Thế à ?

Kỳ thực, Văn chẳng hiểu rọc thuốc nghĩa là gì.

Cơm chiều xong, Văn ra sân lững thững đi đi lại lại quanh mấy bồn hoa, tay lần mẩn ngắt những quả hồng khô, và những lá hồng bị sâu ăn lỗ chỗ.

Trời dần dần tối. Một lát sau, trên nóc nhà ngang, trăng tròn đã mọc, lấp ló trong những cành trúc đào thưa lá. Dáng cây mềm mại, nhẹ nhàng. Văn ví với dáng một cô gái quê yếu điệu thất đày lưng ong. Và chàng nhớ ngay đến Tèo.

Bé qua sân. Văn gọi, định hỏi thăm nhà bà trương Mẫn. Nhưng khi Bé đến bên, chàng ngượng ngừng lại nói lảng sang chuyện khác : Bé a. . cây trúc đào này... giống từ bao giờ thế nhỉ ?

- Thưa cậu, mới giống được ba năm nay. Cậu coi, nó chóng nhón thế !

- Bé giống đấy à ?

- Thưa cậu không, mợ huyện giống đấy chứ, Mợ huyện là chị dâu Văn.

- À, chị huyện có hay về không ?

- Thừa cậu, mợ ấy về luôn đấy, về để mua thuốc, mỗi năm mợ ấy mua có hàng vạn.

- Hàng vạn bạc ?

- Không, hàng vạn hánh thuốc ấy chứ.

- Thế chị ấy không giống thuốc ?

- Không. Giống làm gì. Bận chết đi ấy. Thường thường chỉ những người nghèo mới giống, người giàu chỉ việc bỏ tiền ra buôn, còn vườn thì cho thuê.

Văn mỉm cười :

- Thế bà trương Mẫn cũng nghèo ? Vì bà ấy cũng làm lấy vườn, chứ không cho thuê.

- Bà ấy cũng chả nghèo. Nhà ba ấy nhiều người làm lấy được thì tội gì mà cho thuê. Làm lấy được lãi lắm cơ, cậu ạ. Có khi giống một sào được lời đến hơn chục bạc.

- Thế kia ?

Văn chỉ cốt gợi chuyện để hỏi thăm Tẹo. Còn trong một sào vườn thuốc được lãi bao nhiêu, chàng có cần gì biết.

- A này Bé, rọc thuốc thế nào nhỉ ?

Bé cười :

- Cậu không biết rọc thuốc thế nào ? Rọc thuốc lá lọc lấy lá để thái, còn cọng thì bỏ đi.

- Mà nói thế, tao còn hiểu sao được ? Giá ở đâu có rọc thuốc này đưa tao đến xem thì hay quá.

Bé ngẫm nghĩ :

- Tối nay nhà bà trương Mẫn rọc thuốc đây, chắc vui lắm, vì hôm nay bà ấy hái những ba sào.

- Nhà bà ấy có ở gần đây không ?

- Gần, cậu muốn xem, con đưa đến. Giá con không phải ở nhà hầu cậu, thì con cũng đã lại làm giúp rồi.

- Việc gì phải hầu tao. Cứ lại mà làm giúp. Đi, tao cũng đi !

Văn cố tránh, không đọc đến tên Tẹo để Bé khỏi ngờ vực, nhưng tâm trí chàng chứa đầy hình ảnh và giọng nói, tiếng cười của cô hái thuốc gặp lúc ban chiều. Đi bên cạnh Bé, chàng mơ mộng lắm bầm nói một mình :
Đôi con dì, đôi cháu dì».

- Thừa cậu bảo gì ạ ?

- Không. À, đôi cháu dì thì họ xa lắm, Bé nhỉ ?

- Vâng, xa đến mấy cột lô-mếch. Cứ kể con với cậu tuy chỉ là đồng tông cũng còn gần hơn đôi cháu dì, vì đồng tông thì cùng họ chứ đôi cháu dì thì khác họ. Đây nhé, cậu họ Hoàng. Còn bà trương Mẫn thì cùng họ Bùi với bà lớn, nghĩa là đã họ ngoại rồi, đến như cái Tọ lại họ Lê, còn dính dáng gì đến cậu nữa !

Có lẽ vô tình Bé đem Tọ ra thí dụ, nhưng Văn cho là hữu ý. Chàng lảng sang chuyện khác và hỏi Bé về công việc trồng hái, cách thức làm và buôn, bán thuốc. Bé đem những tiếng nghề ra nói với Văn, khiến chàng không hiểu một tí gì. Chàng cũng chẳng cần Bé giảng rõ nghĩa. Mắt mơ màng, chàng còn mãi nhìn bóng trắng lưới trong cành tre lả ngọn giao nhau trên đỉnh đầu. Đường xóm nhỏ, hẹp, quanh co, cây đèn dầu thấp thoáng qua khe giậu, tiếng khung cửi đều đều một dịp, giọng hát ru em rời rạc buồn tẻ, cái cảnh thôn dã nên thơ ấy gợi trong lòng gã thanh niên một mối tình man mác.

- Đêm trăng đẹp quá. Bé nhỉ ?

- Vâng, giăng sáng quá. Mai thế nào cũng nắng to tha hồ mà mừng nắng.

Văn nhớ ngay đến bữa cỗ mừng nắng mà bà trương Mẫn và Tọ đã ân cần mời chàng đến dự.

- À, cỗ mừng nắng là thế nào, Bé nhỉ ?

- Là cỗ mừng nắng. Thái thuốc được nắng thì làm cỗ ăn mừng.

- À, ra thế ? Ngày mai nhà bà trương Mẫn có cỗ mừng nắng đấy. Bé có sang ăn cỗ không ?

- Có chứ !

Ra tới đường làng và nghe có tiếng mõ, Văn chưa kịp hỏi đó là mõ gì, Bé đã nói :

- Cỗ mai thế nào cũng có cá bẻ.

- Sao mà biết ?

- Mõ bán cá đấy, cậu không nghe thấy à ?

Văn cười :

- Mõ bán cá, hay nhỉ ? Chẳng khác hàng sục-tắc ở Hà-nội !

Mỗi vật trông thấy, mỗi tiếng nghe thấy, Văn đều cho là mới lạ. Chàng có cảm tưởng đương sống trong một thế giới đầy tình yêu, đầy mộng ảo.

- Rẽ vào ngõ này, cậu.

- Tọa ở xóm này ?

- Vâng, bà trương Mẫn ở xóm này.

- Ủ, bà trương Mẫn.

Bé đưa Văn đi sâu mãi vào trong ngõ hẻm tối.

- Đây rồi, cậu ạ, Khéo cậu bước thụt xuống rãnh nhé.

Rồi đứng gọi :

- Chị Tẹo ơi ! Mở cổng cho tôi mấy.

Tiếng ồn ào ở trong sân bỗng ngừng lại.

- Ai ?

- Tôi đây mà.

Văn nghe rõ tiếng Tẹo ở phía trong cổng.

- Tôi là ai ?

- Tôi là Bé.

- À, anh Bé ! Sao không ở nhà hầu cận Văn ?

- Cậu tôi cũng đến đây.

- Ô, cậu Văn cũng đến !

Cổng mở tung ra. Tẹo chào Văn bằng một dịp cười ròn như tiếng nhạc, rồi quay vào gọi :

- Bu ơi, anh Văn đến chơi đấy, bu ạ !

- Thế à ?

Bà trương Mẫn đứng dậy chạy vội ra.

- Anh Văn đến chơi nhà dì đấy à ? Quý hóa quá !

Văn nghe tiếng dì chả thuận tại một tý nào nữa. Nhưng chàng cũng đáp :

- Vâng, tôi đến làm giúp dì đây.

- Thế nữa cơ à ? Vậy mời anh vào.

Hơn hai chục người, vừa đàn ông, đàn bà, con trai, con gái cùng chào :

- Cậu Văn mới về đấy à ?

- Chào cậu lại chơi.

- Không dám, chào các ông, các bà.

- Nghe nói cậu đỗ ông tham, ông tú, ông cử gì, vậy có ăn mừng không ?

- Có chứ. Tôi sẽ mừng một tiệc thuốc Lào.

Tiếng cười phá lên, đủ các giọng cao thấp.

- Tưởng mừng cỗ bàn, rượu chè cơ, chứ mừng thuốc

lào thì chúng tôi say chết.

Tạo đã vào trong nhà bê ra một cái ghế lim lung có hàng con tiện, đặt ở bên thềm. Nàng bảo Văn :

- Mời ông tham ngồi chơi.

- Mời ông tú thôi !

Tạo cười vui sướng :

- Vậy mời ông tú ngồi chơi... Nào ông tú, nào ông cử, nào ông tham, còn ai nhờ được nữa ?

- Cô cứ gọi tôi là anh Văn, dễ nhớ hơn... Chàng ghé vào tai Tạo thì thầm nói tiếp :

- Mà anh thích hơn.

Không hiểu đó là lời âu yếm, Tạo lại cười :

- Vậy mời anh Văn ngồi chơi.

- Cảm ơn cô nhé. Cô để mặc tôi.

Rồi Văn đi lại gần chỗ mọi người đương ngồi xem rọc lá thuốc với cái « móc », làm bằng sợi cước buộc vào đầu hai cái đũa tre. Họ làm việc rất mau, hai bàn tay lanh lẹ đưa lên đưa xuống. Khắp sân tiếng rọc nghe xoèn xoẹt như tiếng xé giấy, liên liên không ngừng.

Bà lý Bá tính vui vẻ nói bông đùa luôn miệng, làm cho chốc chốc tiếng cười lại phá lên từng dịp. Ba ta hỏi Văn :

- Ông tú có biết rọc thuốc không ?

Văn mãi ngắm nghía mái tóc lò xo và cái mũi dọc dừa của Tẹo, nên lơ đãng trả lời :

- Biết chứ !

- Ừ, thế thì khá. Ở làng ta mà không biết rọc thuốc, cuộn thuốc thì giai ế vợ, gái ế chồng !

- Thế kia à ? Vậy chắc có Tẹo thì đất chồng lắm nhỉ ?

Tẹo ngược mắt nhìn Văn, có vẻ giận dữ. Bà lý nhìn nàng nói :

- Nó sắp sửa có chồng rồi đấy. Bao giờ tao được ăn giàu, hủ Tẹo ?

Tẹo vênh mặt, hất hàm tỏ hết vẻ đánh đá :

- Bà cứ nói thế, chứ người ta thêm vào.

Văn tò mò hỏi :

- Cô ấy thêm vào ai thế, bà lý ?

- Phải, nó thêm vào, chứ nó có thêm ra đâu ! Con gái

đưa nào chả thể. Nói đến lấy chồng thì thích chết đi nhưng lại cứ...

Tọ cau có :

- Cháu van bà đi...

- Nhao ôi ! Rồi lúc thằng Nghĩa nó xỏ mũi nó lòi về, mới...

Văn như nói một mình :

- Cô Tọ là vị hôn thê của anh Nghĩa...

Và chàng cảm tức đứng nhìn Tọ...

Ánh trăng giải xuống sân gạch bóng cây mít rườm rà đứng bên hồi nhà ngói. Tiếng sáo diều trên không, ngân nga một điệu... Văn lặng lẽ cảm thấy buồn mênh mông.

Rồi trong bọn người làm việc, những mẩu chuyện, những tiếng cười rời rạc, thưa dần, tay không lúc nào ngớt hẳn. Bà lý Bá bàn :

- Giá ai hát hay, hát nghe cho đỡ buồn ngủ.

Một người đáp :

- Lại còn ai nữa ? Chị Tọ hát hay nhất làng đây !

- Vậy chị Tọ hát cho chúng tôi nghe một câu nào ?

Không đợi mời đến hai lần, Tọ đặt que móc trên đồng lá thuốc rọc, rồi, mắt ngược nhìn trời, cất lời ca theo điệu trống quân :

Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai ?
Em ngồi cạnh trúc em tựa cạnh mai,
Đồng đào, tây liễu biết ai bạn cùng ?

Văn đứng phía trước, ngậy người dăm dăm nhìn Tọ.
Và chàng ví giọng Tọ với ánh trăng rằm trong sáng,
với mùi lúa chín thơm tho.

Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống ruộng cà hái nụ tầm xuân.
Bồng nàng cúi xuống cười ngất.

- Hát cho tử tế ! Cốt nhả thể không được !

Tọ vừa cười vừa trả lời bà lý Bá :

- Khôn nhưng mà... anh Văn anh ấy... cứ nhìn chòng chọc vào mồm... xấu hổ chết đi, ai hát được ?

Văn cũng cười, rồi mê mẩn, ngậy ngất đáp lại.

- Khôn nhưng mà miệng cô hát xinh lắm cơ, cảm người ta nhìn thế nào được ?

Và Văn ao ước rằng Tọ hiểu thấu ý nghĩa bóng bẩy của câu ấy, vì chàng chỉ muốn nói : « Em đẹp quá, anh yêu em quá, nhìn miệng em hát anh chỉ muốn hôn em một cái. »

Chẳng rõ Tọ có hiểu như thế không, nhưng bà trương Mẫn thì có lẽ hiểu như thế, vì bà bảo Văn :

- Anh cứ chế diễu em làm gì vậy ? Nó quê mùa, xấu xí, lại đàn độn nữa, chả biết cái gì.

Tọ nhìn Văn, mỉm cười rất thẳng thắn. Nhưng Văn tưởng như cái mỉm cười ấy thì thâm bên tại chàng : « Em biết cái gì làm chứ ! »

Trăng càng lên cao càng trong. Và sân gạch mỗi lúc một thêm sáng, vì bóng cây, bóng nhà bóng người dần dần thu ngắn mãi lại. Hơi ở lá thuốc缭绕 nồng nàn bốc lên làm cho Văn nóng bừng mặt như say rượu : dưới ánh trăng chàng ngấm thấy người, vật như đẹp hơn lên bội phần và trong đó, Tọ như một nàng tiên từ trên cung Nga là là bay xuống.

- Ô hay ! Hát đi chứ ! Sao lại cứ ngồi mà cười thế kia?

- Tôi chịu thôi.

Rồi Tọ ngâm thơ liếc Văn mỉm cười như có ý bảo :

« Tại anh đẩy mà ! »

Trong bọn có người nói :

- Cậu Văn làm chị Tọ không hát nữa thì cậu hát đi !

Ai nấy tranh nhau kêu :

- Phải đấy ! Phải đấy ! Cậu Văn hát đi cho chúng tôi nghe với !

Văn đứng mỉm cười mơ màng nhìa Tọ. Ông trương Mẫn, người ít lời, từ này vẫn ngồi im ở một góc sân, mãi bây giờ mới lên tiếng và thủ thỉ như nói một mình :

- Cậu ấy học chữ tây thì biết hát xướng ra làm sao mà bắt cậu ấy hát ?

- Thì hát tiếng tây chứ sao ?

- Ừ phải, hát tiếng tây. Cậu Văn hát đi !

Tọ cũng nói :

- Anh Văn hát tiếng tây cho em nghe với nào !

Văn như mê mẫn, như điên cuồng, như quên rằng trong sân có bao người đang để mắt vào mình. Dưới đất chàng chỉ trông thấy có một Tọ và trên trời một mảnh trăng trong.

Tọ nhắc lại :

- Thế nào ? Anh nhất định không hát ?

Văn cười :

- Ừ hát nhé ? Hát cho cô Tẹo nghe nhé ?

Tẹo cúi gầm mặt xuống, chẳng hiểu vì thẹn hay vì sung sướng :

- Anh hát thì tất cả mọi người nghe, chứ một mình gì em.

Văn hắng dặng rồi hát một mạch hết bài Serenata, mặc tiếng lao xao, mặc tiếng cười khúc khích chung quanh. Khi Văn ngừng lại thì tiếng cười phá lên rầm rầm như lúc đê vỡ, nước sông réo chảy vào trong ruộng thấp.

- Hát tây buồn cười nhỉ !

- Hát như khóc ấy nhỉ ?

Chờ cho tiếng cười im hẳn. Tẹo khen lấy lòng Văn một câu, vì nàng tưởng Văn bị chế điệu thì xấu hổ :

- Anh Văn hát tây hay đây chứ.

Rồi nàng tò mò nói :

- Nghĩa là gì, anh giảng ra tiếng ta cho chúng tôi nghe với.

Văn cười :

- Nghĩa cũng đại khái như bài hát của cô.

Tạo tượng thực, kinh ngạc kêu :

- Ô, lạ nhỉ ! Tây mà cũng có những câu :

« Thân em như tấm lụa đào,

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai ? »

Văn càng cười to :

- Có lắm chứ.

Có lẽ Tạo vờ ngớ ngẩn để được nói chuyện tay đôi nữa với Văn :

- Có cả : « Em ngồi cạnh trúc, em tựa cạnh mai,

Đông đào, tây liễu biết ai bạn cùng ? »

Ba lý Bá chừng đã chứng tai về những câu chuyện hình như kéo dài vào chỗ buồn tẻ giữa đám người đã rời rạc, vì buồn ngủ, vì làm việc luôn trong bốn, năm giờ không một phút nghỉ tay.

Trong yên lặng, người ta nghe xoèn xoẹt tiếng rọc lá thuốc và tiếng sáo diều y-ô y-ô một điệu trên không. Thỉnh thoảng một cái ngáp lớn như tiếng kêu cất lên ở

một xó, tức thì ai nấy ngáp theo, trong đủ các giọng cao, thấp, ngắn, dài.

Làn không khí chán nản lan rộng mãi ra. Và sự mỏi mệt như đè nặng lên những bàn tay uể oải. Văn chợt hiểu rằng mình ở xem đã khá lâu, liền chào mọi người để về nhà.

Tạo vội đứng dậy, cuống quýt hỏi :

- Anh về à ? Ô sao lại về ?

Bà trương Mẫn cười, bảo con :

- Con này nó ăn nói ngớ ngẩn nhỉ ! Sao lại về ? Anh ấy chẳng về thì để ngủ đỗ lại ở nhà mày à ?

Câu nói vô tình, thật thà của bà trương làm cho Văn mim cười sung sướng. Chàng thì thầm bảo Tạo, khi nàng theo chàng ra cổng để cài then :

- Anh ngủ đỗ nhà em một tối có được không nhỉ ?

Nhưng Tạo cũng thật thà như mẹ, đáp lại liền :

- Được chứ ! Anh cứ ngủ đỗ, nhà em cũng có màn, anh không sợ muỗi đâu.

Thấy Bé đi theo sau Tạo, Văn ngượng ngùng nói :

- Sao mày không ở làm giúp bà trương ?

- Con phải về hầu cậu.

Văn gắt :

- Tao không cần mày hầu. Cứ ở lại.

Chàng mỉm cười gật chào Tẹo một lần chót rồi theo ngõ hẻm ra đường.

Về nhà, Văn không sao ngủ được lòng bồn khoăn, rạo rức về những sự êm đềm nơi thôn dã mà chàng như mới được làm quen lần đầu. Tỳ tay thành cửa sổ thấp trong căn gác nhỏ, Văn ngắm trăng không chán. Chàng tưởng tượng chị Hằng gửi xuống tặng chàng một nụ cười thân mật và khuyến khích. Bất giác, chàng lầm bầm hát :

Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai ?

Và mơ màng nghe văng vẳng tiếng cười ròn của Tẹo theo gió biển bay đến bên tai. Lúc ấy, những hình ảnh các cô gái Hà thành, dù có hiện ra trong trí nhớ chàng, chàng cũng chỉ thấy mờ nhạt, kém tươi, không đáng chú ý.

Sáng hôm sau, Văn thức giấc, thì mặt trời mọc đã cao, chiếu qua những khe cửa sổ ghép vụng và lâu ngày phơi nắng phơi mưa, đã hờ mọng. Văn ngơ ngác nhìn trần nhà, nhìn những đôi câu đối treo ở tường, nhìn

những đồ đạc sơ sài, một cái bàn và bốn cái ghế lim, một cái gương đứng mờ và mốc loang lổ, một cái tủ gỗ để mộc, một bộ ghế ngựa làm bằng hai tấm gụ đặt ghép lại nhau. Và chàng quên hẳn không biết mình nằm ở đâu. Mỗi lúc nhớ tới giấc mộng đương dở dang, chàng mới sực tỉnh. Thì ra hôm qua chàng đã về làng, đã gặp Tẹo, mà cái gác chàng đương ở là nhà chàng.

Văn mỉm cười, mắt nhắm lim dim, ước ao rằng giấc mộng lại nổi.

Giữa lúc ấy, chùng nghe có tiếng động, và biết Văn đã dậy, Bé ẩy cửa bùng vào một cái chậu thau vừa đánh vàng bóng, nước đầy quá, sánh cả ra ván gác :

- Mời cậu rửa mặt rồi xuống nhà xơi cơm.

Văn chau mày, gắt :

- Cơm nước gì bây giờ ? Máy giờ rồi ?

- Con không biết, nhưng mặt giời lên đã cao lắm.

Văn vói áo vắt ở ghế, rút đồng hồ ra xem :

- Ô ! thế mà trưa thực ! Gần mười giờ rồi đây.

- Đấy nhé !

- Vậy sắp cơm mau.

Văn ăn rất vội vàng, rồi rủ Bé cùng đi sang nhà bà trương Mẫn xem thái thuốc.

Tạo đường bận làm cơm ở nhà dưới, nên Văn không gặp mặt. Chàng ngơ ngác đứng đưa mắt tìm khắp mọi nơi.

- Cậu ạ, hôm nay nắng to thuốc nhà chú trương tha hồ tốt.

Bé nhắc, Văn mới kịp để ý đến cái sàn gạch tối hôm trước, hôm nay bị che kín dưới những xảo thuốc sợi còn xanh. Ánh nắng gay gắt. Hơi thuốc nồng nực bốc lên. Văn, nước mắt ứa ra, đứng hắt hơi liên liền.

- Anh Văn sang mừng nắng nhà dì thực đây à ? Quý hóa quá nhỉ !

Văn chào được một câu rồi lại cúi xuống hắt hơi.

- Thôi, anh không quen thuốc lò rồi. Vậy mời anh lên nhà.

Văn theo bà trương đi vòng qua ba gian nhà ngang. Ở đây, trên hai đồng thuốc vừa thái, ba người đàn ông và bốn đứa trẻ con đang đập cho sợ nhàu ra, những giòng nước thuốc đen chảy xuống sân và gặp sức nóng khô lại từng đám.

Gần đây và cả ở hiên nhà trên, những dĩa thái thuốc

dài trông như hình những con bò cạp khổng lồ đứng xếp hàng và rướn cong đuôi lên. Ngồi trước đá, những người thợ hái thuốc tay phải cầm vào giữa sống một con dao dài không chuôi và mềm mại nhịp nhàng đưa lên đưa xuống. Tay trái họ đẩy dần dần cuốn thuốc đặt trên đá và quấn lại như bó giò. Thỉnh thoảng người ta lại dừng tay hoặc để côi giấy lạt, hoặc để liếc lưỡi dao lên viên đá màu lớn.

Bà trương trở một người, bảo Văn :

- Chú Ánh giỏi nhất khu đây. Anh trông tay chú ấy thái có nhẹ nhàng không ? Mà đây này...

Bà ta cúi xuống bóc một nắm thuốc xanh, nói tiếp :

- Một trăm sợi như cả một trăm, chẳng sợi nào to, sợi nào nhỏ.

Người thợ được khen không chút mừng rỡ hay cảm động, mặt vẫn lì lì và đỏ bóng như mặt ông tượng ở ngoài chùa, tay vẫn đều đều như cái máy đưa lên đưa xuống.

- Ô ! Anh Văn sang ăn cỗ mừng nắng nhà dì ?

Văn sung sướng quay đầu lại : Tẹo và hai người đàn bà nữa, mỗi người bung đặt lên ghế ngựa và phản kê ở hai gian bên, một mâm gỗ sơn đầy thức ăn. Rồi lại đon

đả chạy vội xuống nhà để bụng mâm khác.

Văn đứng ngây nhìn Tọ bước đi lượn lại và cười khúc khích mỗi lần đến gần chàng.

- Cỗ to, cô Tọ nhỉ ?

- Gớm ! anh cứ chế nhà em làm gì thế ?

- Ô hay, tôi chế đâu ? Tôi khen đấy chứ !

- Cỗ nhà quê có gì mà to. Bì thế nào được với nhà quan lớn, bà lớn ?

Lúc ấy một ông cụ già chống gậy trúc từ cổng đi vào.

- Kìa chào cụ xã. Cụ sang mừng nắng cho nhà cháu.

Cụ xã trừng mắt nhìn Văn :

- Cậu tú Văn đấy, phải không ?

- Vâng thưa cụ, tôi sang mừng nắng.

Ông lão, giọng cười yếu đuối xen lẫn tiếng ho xù xụ.

- Thế nào ? Đã xem thuốc chưa ?

- Đã, tôi xem rồi.

Bà trương bảo Văn :

- Cụ xã Nhân hỏi anh đã xem thuốc của các ông phó

để định thưởng cơ.

Văn ngơ ngác :

- Định thưởng ?

- Ủ, định thưởng. Thế này này : Mỗi ông phó thái xong một cuốn thuốc mình lại bóc lấy một nắm sợi, rồi khi thái xong tất cả, xem người nào thái khéo nhất, mà nhanh nhất thì cho thưởng.

Văn mỉm cười :

- Ô, hay nhỉ ! Thì ra tôi cũng được làm một khảo quan kia đây !

Bà trương chẳng hiểu khảo quan nghĩa là gì cũng trả lời liêu :

- Ấy, chính thế.

Rồi bà quay ra bảo bọn thợ :

- Thôi, các ông phó nghỉ tay xơi rượu đã.

Văn được mời lên cỗ cao nhất, cùng mâm với ba ông cụ già, râu bạc lưa thưa. Nhìn sang phản bên kia, chàng thấy Tẹo và năm người đàn bà vừa ăn vừa chuyện trò huyên thiên. Chàng chỉ muốn nhập bọn với họ, vì ba ông lão ở mâm chàng như câm như điếc, chỉ nghĩ đến có ba việc : gắp, nhai và uống rượu.

Văn vừa ăn cơm ở nhà nên hãy còn no, ngồi đưa đà nhấp chén và nhỏ nhẹ ăn vài sợi miến trong bát thịt lợn ninh.

- Anh tú làm khách quá !

- Không đâu, dì ạ. Tôi ăn khỏe lắm.

Rồi chàng đứng dậy vươn vai, vì mặc tây và ngồi xếp bằng, chàng thấy mỗi chân quá.

- Bà có đôi guốc cho tôi mượn ?

- Thế nào ? Thôi à ? Anh xơi cơm đã chứ.

- Tôi đứng dậy một tí cho đỡ xương đỡ thịt.

Bà trương cúi xuống gầm bàn thờ kéo ra đôi guốc da trâu của chồng, rồi lấy vạt áo lau bụi cho bóng :

- Anh đi tạm đôi giày của thầy nó nhé ?

- Còn nói gì nữa !

Văn vờ ra đằng sau nhà một lát rồi lúc trở vào, đứng lại gần chỗ Tẹo.

- Cỗ to quá, cô Tẹo nhỉ ?

Tẹo cười :

- Thôi đi anh. To đâu ?

- Lại chả to ? Bốn bát nấu với đầy những đĩa lại có cả cá bẽ, tôm bẽ, còn chả to thì thế nào mới to ? Các bà không xơi rượu ?

Cả bọn cùng phá lên cười. Tọ nói :

- Chúng tôi đàn bà, con gái, ai lại uống rượu ?

Văn vợ vẫn nhìn trời, bảo Tọ :

- Chẳng biết tối nay trăng có sáng như tối hôm qua không nhỉ ?

- Sao lại chả sáng. Tối hôm nay tôi sang làm giúp bên bác khán Thảo.

Văn sung sướng nhìn Tọ, cho đó là một câu hên hò. Nhưng Tọ thẳng thắn hỏi :

- Anh có đến làm giúp bác khán không ?

Rồi cười khanh khách nói tiếp :

- Đến, em hát cho mà nghe.

Văn đứng lặng nhìn Tọ. Bỗng chàng rút đồng hồ ra xem. Tọ tưởng chàng coi giờ để về nhà :

- Thì anh hãy ở đây chơi đã. Về làm gì vội ?

Nhưng Văn thản nhiên như nói một mình :

- Mới ba giờ, còn những bốn, năm giờ nữa mới có trăng.

Luôn mấy tối, Văn lần mò đến các nhà trong xóm xem rọc lá thuốc. Sự thực, chàng tới đó chỉ cốt để được gặp mặt Tọ, để được nghe Tọ hát, và cười và âu yếm gọi mình là anh Văn.

Tọ thì mỗi ngày một xinh đẹp hơn; vui tươi hơn, chăm chú điểm trang hơn : vành khăn vẫn rất tròn, mái tóc chải rất mượt, đường ngôi để rất thẳng và chùm hoa mộc tối nào cũng thay mới phảng phất đưa hương thơm mát.

Có tối, hai người gặp nhau ở đầu ngõ hẻm. Văn bảo Tọ rằng hãy còn sớm và rủ nàng đi dạo mát ngắm trăng. Tọ chỉ đùa nghịch liên thoảng ở chỗ đồng người. Một mình đi bên cạnh Văn, nàng bẽn lễn, thẹn thùng, cười nói nhỏ nhẹ. Sự yên lặng của Tọ dưới ánh trăng yên lặng càng làm cho Văn say sưa ngây ngất tình yêu...

Thế rồi, một đêm, Văn dỗi dành đưa Tọ về nhà...

Đêm hôm ấy, ngồi bên người yêu nằm ngủ thiếp trong giường, chàng cảm thấy hết cả cái vô lý của việc

chàng làm, của cái cử chỉ, cái hành vi điên cuồng, khôn nạn. Buồn rầu, chán nản, chàng ra cửa đứng ngắm trăng : trăng đã khuyết buông xuống cảnh vật một làn ánh sáng lạnh lẽo, không linh hồn. Những ngọn cau như hàng phát trần lơ lảo, ngổ ngẩn đứng im chờ gió. Chung quanh, những nóc nhà lợp cói, lợp rạ, màu xám, co ro, chen chúc, đứng sát nhau bên những mẫu tường đất cẩm thạch nôi vỡ, hay cảnh xương rồng, bên những ao bèo, ao rau muống bần thiu. Và chàng tự nhủ : « Trời ơi, cảnh này mà mình cho là đẹp được, thì mình thực trẻ con ! «

Tiếng dẹt vải trong đêm khuya đều đều một dịp mà mấy hôm trước chàng nghe rất cảm động; rất nên thơ, nay chàng chỉ thấy buồn tẻ, khó chịu. Cố nhớ lại những nét mặt các cô gái quê ngồi dẹt trên khung cửi chàng như tưởng hiện ra trước mắt một bọn xấu xí, nhem nhuốc, luộm thuộm.

Vẫn rón rén đến bên giường, vén màn đứng ngắm Tọa. Cái đẹp mơ màng, ngây thơ đã biến mất. Chàng chỉ thấy Tọa giống hệt các cô gái quê khác, thô lỗ, đàn độn, ngu ngốc. Cặp mắt mở, trắng dã, như nhìn thẳng vào mắt chàng, cái miệng há hốc thở phì phò, một giòng nước bọt chảy từ một bên mép xuống khăn giải giường. Chàng cúi tiết gọi.

- Tọa ?

Tạo vẫn ngủ thiếp, ngủ mê mết. Văn cầm đầu lay mạnh, Tạo ú ớ hỏi :

- Cái gì thế, bu ?

Văn phì cười.

- Dậy bu bảo.

Tạo ngồi nhồm dậy bước xuống ván gác.

- Tôi ở đâu thế này, nhỉ ?

- Tạo ơi, anh Văn đẩy mà !

Tạo mới chợt nhớ ra, mếu máo bảo Văn :

- Thầy bu em mà biết thì em chết mất.

Văn động lòng thương hại :

- Nhưng thầy bu em biết thế nào được ? Vậy em về nhé, chẳng nhớ thầy bu biết.

Vừa nói, Văn vừa dúi vào tay Tạo một tờ giấy bạc năm đồng :

- Năm đồng đây chứ không phải một đồng đâu. Cất kỹ chẳng rơi mất nhé.

Tạo thật thà, ngậy thơ buộc tờ giấy bạc vào giải yếm, rồi lẳng lẳng ra cầu thang gác.

- Thôi em về, anh Văn nhé ?

- Ừ em về.

Và Văn bữu môi ghê tởm nghĩ thầm : « Nó chỉ thích tiền ! »

Sáng hôm sau, Văn đi Hà nội sớm. Chàng vội vàng hấp tấp như đi trốn.

Và ngày hôm sau chàng quên hết, quên hẳn cảnh và người đã làm cho chàng, trong mấy đêm, có cái ảo mộng của tình yêu.

Nhưng hôm nay đọc bức thư quê kệch, thực thà của Tẹo. Văn lại thấy hiện rõ ra những cảnh đêm trăng ấy, hiện ra với hết thấy những vẻ đẹp đã mờ. Và chàng mê man, say sưa với những kỷ niệm êm đềm đến nỗi mai sau, nghĩ tới cái tai hại của cuộc ái tình lãng mạng, ngán ngùi, chàng mới biết hối hận về cái thái độ cái hành vi không quân tử của mình.

Văn thở dài, đọc lại bức thư không biết lần thứ mấy.

Tâm trí rối loạn chàng đọc buông miệng lại quên hết, những lời trong thư. Nhưng một hình ảnh hiện ra trước mắt chàng : Tẹo với cái bụng chữa. Tăn mẩn và như làm một việc vô giác, chàng vừa đọc thư vừa cầm bút

chì ghi vào mảnh giấy mấy câu tóm tắt : « Tẹo có thai, tẹo xin tiền, Tẹo toan tự tử. »

Một nụ cười ích kỷ. Văn tự nhủ thầm : « Tự tử ! tự tử thế quái nào được ! » Cái ý nghĩ sai con xin tiền của người mẹ làm cho Văn đỡ hối hận : « Cho nó dăm chục bạc. thế là xong. Việc gì mình phải loay hoay suy tính thêm bận trí ? Danh dự, thì làm gì có danh ? Những việc như thế này xảy ra hằng ngày, nào người ta có hối hận bao giờ đâu ? »

Văn vò nhàu bức thư nhét vào túi quần, đứng dậy thản nhiên đánh diêm hút thuốc lá :

« Được ! Mai ra gửi cho nó năm chục bạc, rồi xếp câu chuyện vào một xó. »

Kim đồng hồ nhỏ để trên bàn chỉ mười hai giờ, Văn thay quần áo rồi lên giường tắt đèn ngủ.

Bóng hàng chần song sắt in lên màn ren, in lên chăn trắng. Bây giờ Văn mới kịp nhớ ra rằng đêm có trăng. Bao sự êm đềm ngây thơ nơi thôn dã nhẹ nhàng thức dậy trong tâm hồn chàng, làm cho chàng rạo rức không nằm yên được. Chàng liền tung chăn, khoác áo toí dạ đứng tì cửa sổ nhìn ra đường.

Một cái xe cao su buồng mui kín mít chạy vụt qua. Văn tưởng tượng đó là xe đưa gái đi ăn sương. Và chàng

so sánh ngay Tọ với một cô gái giang hồ : « Hừ ! nếu Tọ lảng vảng ra Hà-nội thì tránh thoát sao cái đời làm đi. Một cô gái quê nhí nhảnh như thế mà ham tiền như thế, nhất lại có chút nhan sắc như thế ! Công tử bọn nó chỉ tán qua một câu là mắc. »

Nhưng Văn thấy mình là một công tử bột. Chàng ôn lại những câu đường mật chàng đã nói với Tọ dưới ánh trăng trong. Và chàng nhận rõ những tội ác của mình. Người ta đương sống với cái đời giản dị, bình thường của người ta, tự nhiên mình về quyến rũ người ta. Rồi khi mãn nguyện lại bỏ mặc người ta như thế không gọi là khôn nạn thì gọi là gì ?

Văn cố tìm những cơ, những hoàn cảnh làm giảm tội cho mình. Chàng nghĩ : « Nếu không xảy ra việc này, thì Tọ cũng đến lấy thằng Nghĩa. Mà thằng Nghĩa, mình đã gặp. Sống trọn đời với một thằng ngu ngốc, bần thiú như thằng Nghĩa thì Tọ cũng chẳng sung sướng. Ta chẳng nghe thấy Tọ chê bai, nguyên rủa thằng chồng tương lai của Tọ là gì ! Phải, biết đâu làm tình nhân mình trong mấy ngày, Tọ lại không thích hơn làm vợ chính thức một thằng đàn độn, suốt đời dài dằng dặc sống với nó trong gian nhà tranh tối tăm bên vũng bùn hôi hám. Và Văn nhớ lại câu ca dao mà Tọ, được chàng âu yếm đã thì thầm đọc bên tai chàng : “ Một đêm quân tử nằm kề, » Vế dưới Văn nghĩ mãi không ra, thành thử

chàng cứ thăm đọc đi, đọc lại mãi vế trên.

Chàng bỗng chợt cảm thấy hết cả cái ý nghĩa mĩa mai đau đớn của chữ quân tử : « Quân tử mình còn quân tử với ai được nữa ? .. Mình tiểu nhân, mình tiểu nhân !

Văn thở dài đóng cửa sổ, lên giường nằm cố ngủ. Bức thư mà chàng đã đọc đến gần chục lần và tưởng không thể nhớ được, bây giờ hiện rõ ra trước mắt, hiện rõ ra với những nét chữ ngòngrẻo, lệch lạc.

Sáng hôm sau, mãi hơn chín giờ, Văn mới thức dậy. Thân thể chàng mỗi mệt nhưng tâm trí chàng bình tĩnh hơn. Việc thứ nhất chàng nghĩ đến là bức thư ở phủ Thống sứ mà chàng nhận được cùng với thư của Tọa. Chàng có đệ đơn xin bỏ tham tá, bên người ta đã trả lời thiếu bản sao cái bằng tú tài.

Cả buổi chiều hôm ấy, Văn bận việc đến nha học chánh, nên quên nhãng được Tọa. Nhưng buổi tối, khi ngắm trăng lên, chàng lại nhớ.

Bực mình, chàng ra thuê xe đến chơi nhà một người bạn và cùng bạn đánh luân bốn năm ván cờ cho mãi tới một giờ khuya mới về ngủ. Song có ngủ được đâu !

Luôn mấy hôm như thế, Văn hết đi đánh cờ lại đi

đánh tổ tôm, mặt trực. Nếu không thì chàng vào thư viện xem sách, xem tranh, nhất là xem tranh. Thực chàng chẳng khác con đà điểu đứng trước tai nạn chúi đầu xuống cát để khỏi trông thấy.

Cáu tiết, Văn liêu : « Thì lỗi gì ở mình ? Mà nếu có lỗi ở mình thì cũng ở nó một nửa. Hay chẳng lỗi ở ai cả, thủ phạm chỉ là cái tuổi thanh niên.»

Và chàng hiểu rằng muốn tâm hồn được bình tĩnh, chỉ có một cách là quả quyết.

« Tình thế này không thể để lơ lửng được. Rồi theo phép khấu trừ trong toán pháp, Văn đem hết các lẽ ra so sánh :

« Trước hết, lấy Tẹo chẳng ? »

Văn mỉm cười không nghĩ tiếp nữa. Không thể lấy Tẹo được. Văn cho là một sự dĩ nhiên không cần suy tính lôi thôi nữa. Người vị hôn thê của chàng, tuy chàng không yêu, nhưng chàng cho là một người vợ tương lai rồi, chỉ việc cưới thôi. Mà cho dẫu chàng nhất định không bằng lòng lấy người ấy, Tẹo cũng không thể kén chân được. Vì sao ? Vì một người như chàng không thể lấy một người như Tẹo được.

Vậy chỉ còn hai đường một là giấu Tẹo một nơi để nàng đẻ xong, rồi cho nàng ít tiền làm vốn, mặc nàng

xoay sở lấy mà sống thế nào tùy ý. Hai là gửi ngay cho Tọ năm chục bạc.

Giấu Tọ một nơi, Văn thấy điều đó không ổn một tí nào. Con người há phải con mèo, con chó mà dễ giấu như thế. Ở làng bung bít sao cho êm. Vả muốn thuê nhà cho Tọ ở Hà-nội thì tốn kém lắm, ít ra cũng phải có vài trăm bạc. Tiền ấy đào ở đâu ra ? Xin nhà chắc là không được rồi. Đi vay thì vay ở đâu ? Sau hết, rồi đời Tọ sẽ ra sao ? Tọ làm nghề gì để nuôi sống thân mình và đứa bé ? Văn chỉ trông thấy một lối ra : làm đi

Chàng cố xua đuổi cái ý tưởng hắc ám ấy đi, nhưng nó vẫn bám lấy trí nghĩ. Chàng như trông thấy đứa con chàng nay ở với người tình này của Tọ, mai ở với người tình kia của Tọ. Rồi lớn lên, không nghề nghiệp, không nhà cửa, nó sẽ trở nên một thằng ăn cắp, một thằng ăn mày ngồi la liếm đầu đường xó chợ.

Văn vội nghĩ tiếp xuống cái ý định thứ ba : gửi cho Tọ năm chục bạc và nói khéo với Tọ rằng hãy chờ đợi ít lâu khi nào được bổ tham tá, sẽ đón lên cùng ở với chàng.

Văn sung sướng đánh diêm hút điều thuốc lá khác, tự cho rằng công việc xếp đặt được như thế là ổn thỏa lắm rồi, là hoàn toàn lắm rồi. Chàng mỉm cười : « Bà trương Mẫn tha hồ tập tễnh mừng thầm rằng nay mai con được

lên làm bà tham... Nhưng rồi sao ?.. » Văn đương sung sướng, nên cái ý nghĩ về tương lai ấy chàng có kể vào đâu ! « Hãy biết bây giờ gửi tiền về cho Tẹo, để Tẹo qua kỳ sinh nở, rồi sau muốn ra sao thì ra.... Cùng lắm lấy nó làm lẽ, rồi bỏ lưng đẩy cũng chẳng chất ai ! «

Văn lạc quan đến nỗi cái vấn đề làng bắt vợ, chàng cũng giải quyết rất dễ dàng : chàng sẽ về nói với hội đồng hương tộc rằng Tẹo là vợ lẽ mình. Nếu khó khăn quá thì đưa Tẹo sang làng bên ở trọ nhà một người tá điền của nhà chàng.

Văn thích quá cười thầm : « Có thể mà mình loay hoay bốn năm hôm nay không tìm ra ». Rồi chàng cất tiếng hát vang nhà nhà.

Đêm ấy Văn đánh một giấc ngon lành từ bảy giờ tối cho tới bảy giờ sáng hôm sau.

Nhưng số tiền năm chục Văn soay mãi không sao có. Vả lại cái chí quả quyết của chàng một ngày một yếu đuối dần. Đến nỗi chẳng bao lâu chàng trở nên bình tĩnh hẳn, bình tĩnh thản nhiên vì quá nhẹ dạ, chứ không phải cái bình tĩnh giải quyết được ổn thỏa một vấn đề gay go.

Hơn tháng sau được tin bổ tham tá ở một tòa sứ, chàng về xin nhà được mấy trăm bạc để sắm sửa đồ đạc. Có tiền trong tay, chàng nhỏ đến Tẹo, liền đi về làng.

Nhưng vừa tới đầu làng, Văn rụng rời kinh hoảng : người ta bảo cho chàng biết rằng Tọ bị đòn mả và sợ làng bắt vạ cha mẹ, nên đã đâm đầu xuống ao tự tử rồi.

Bất giác Văn nức lên khóc, khiến một đám đông xúm lại tò mò đứng xem. Rồi chàng đi thẳng đến nhà bà trương Mẫn. Thấy bà ta vẫn vui vẻ như thường, Văn hiểu ngay rằng cái chết của Tọ chỉ làm cho bà sung sướng được thoát cái nạn bị bắt vạ.

Văn ăn cần xin lỗi bà trương, kể lể các điều dự định để lấy Tọ rồi đưa bà ta một trăm bạc. Mãi lúc ấy, bà trương mới rỏ được một giọt nước mắt thương con.

Từ đó năm năm đến thời rọc thuốc, ở các sân gạch bát tràng, dưới ánh trăng trong người ta thường kể câu chuyện tình của Văn và Tọ. Và người ta lại hát những câu Tọ đã hát :

Thân em như tấm lụa đào,
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai ?
Em ngồi cạnh trúc, em tựa cạnh mai,
Đông đào tây liễu biết ai bạn cùng ? ..

NHÀ XUẤT BẢN ĐỜI NAY

Khái - Hưng

Cái Vẽ *hết* — Nửa chừng xuân
Số 80 — Tiếng suối reo — Giọt
đường gió bụi — Tục lụy —
Gin đình — Tiên sơn trắng sí
(sắp tới bản) — Đợi chờ 7đ50
SẼ RA : Liêu trai toàn tập
(nguyên văn chữ Hán của Bồ
Tông Linh).

Nhất - Linh

Đôi hạc — Đoàn tuyệt — Lanh
lùng — Bướm trắng — Tối tăm
— Hai buổi chiều vàng — Nắng
thưa (sắp tới bản)

Khái-Hưng và Nhất-Linh
Gánh hàng hóa — Anh phải sống
— Đợi mưa gió (sắp tới bản)

Tú - Mỡ

Bách tuyết và bảy chữ lùn *hết*
Giòng nước ngược I — Giòng
nước ngược II (sắp tới bản)
Tám Cầm (sắp in)

Hoàng - Đạo

Con đường sáng 4đ00
SẼ RA : Số phận — Pấn khoản

Thạch - Lam

Gió đầu mùa *hết* — Ngày mới
(sắp tới bản) — Nắng trong vườn
hết — Theo giòng loại Nắng Mới)
hết — Sợi tóc *hết* — Hanoi 36 phố
phường *hết*

Huyền - Kiêu

Trăng thơ (thơ) (sắp in)

Nguyên - Hồng

Bỉ vỏ *hết* — Những ngày thơ ấu
hết — Miếng bánh (đương in)

Thế - Lữ

Lê Phong phóng viên 3đ80 — Gói
thuốc lá 4đ50 — Rò-bin-Sơn 3đ20
và 3đ80 — Bàn đường Thiên-lôi —
Gió trắng ngàn (sắp tới bản)

Đỗ - Tồn

Hoa vòng vàng 4đ00

Thanh - Tịnh

Chị và em *hết* — Ông mẹ *hết*

Trần - Tiểu

Con trâu (sắp tới bản)

Xuân - Diệu

Phấn thông vàng 3đ80 — Thơ
thơ *hết*

Trần - Phùng

Bài biên (sắp in)

Vũ-hoàng-Chương

Mây (thơ) *hết*

Tế - Hanh

HOA NIÊN tốc Từ nhớ đến
thương (thơ) 6đ00

Đoàn - văn - Cừ

Thôn ca (thơ) (sắp in)

Vũ - ngọc - Phan

An-Na Kha-Lê-Ninh tập I và tập
II *hết* — Châu đảo tập I 5đ30 —
Châu đảo tập II 5đ80 — An-Na
Kha-Lê-Ninh tập III (sắp in)

Cung - Khanh

Cách ba nghìn năm 5đ20